[redacted]

Hổ Trướng Khu Cơ

虎帳樞機

Đào duy Từ



1974

HỔ TRƯỚNG KHU CƠ

LỜI NÓI ĐẦU

Để phát-triển một quân-đội lớn mạnh đặc-biệt thích-ứng với hiện-trạng của đất-nước, chúng ta không thể không nghiên-cứu thích-dụng những tư-tưởng quân-sự tiến bộ của thời-đại-mới, nhưng đồng thời cũng không thể không học tập và kế thừa những tư-tưởng quân-sự truyền thống của dân-tộc.

Nếu không chấp nhận tiến-bộ quân đội sẽ tách rời khỏi thực-tế, sẽ trở nên lạc-hậu không theo kịp đà tiến của khoa-học kỹ-thuật, ngược lại nếu không chấp nhận truyền-thống quân-đội sẽ tách rời khỏi dân tộc, sẽ trở nên lạc lõng với các mô thức phát-triển quân-đội, đường lối chiến-lược chiến-thuật mô phỏng theo các nước ngoài hoàn toàn không phù-hợp với dân-tộc tính và phương-tiện quốc-phòng có giới hạn của nước ta hiện nay.

Các tư-tưởng quân-sự truyền-thống của dân-tộc ta được hun-đúc bằng kinh-nghiệm xương máu của ông cha ta qua hàng ngàn năm lịch-sử đã chứng nghiệm được giá trị thực sự của nó qua các thành quả chiến-thắng hiển hách tạo được trước các thế lực xâm-lăng hùng-mạnh của ngoại bang. Các tư-tưởng quân-sự đó một phần quan-trọng tiềm-tàng trong các binh thư và các bài cáo, bài hịch của các binh-gia danh tướng nước ta khi xưa.

Nhằm mục đích khai-quật kho tàng kinh-nghiệm quân-sự quí báu đó của tổ tiên, Bộ TTM/Tổng Cục Quân-Huấn cố-gắng tra-khảo, sưu-tập và cho ấn-hành các binh thư có giá trị của nước ta để làm tài-liệu học tập cho toàn quân.

Các binh thư mà chúng ta được biết qua các sách sử gồm có An-Nam hành-binh-pháp của Lý-Thường-Kiệt, Binh-Thư yếu-lược và Vạn-Kiếp tông bí truyền-thư của Trần-Hưng-Đạo, Hổ-Trướng khu-cơ của Đào-Duy-Từ. Trong số sách hiếm hoi trên đây có một số lại bị thất-truyền chưa ai biết nội-dung ra sao, chỉ còn lại hai bộ sách Binh-Thư yếu-lược và Hổ-Trướng khu-cơ nhưng chắc chắn cũng đã bị người đời sau sửa đổi thêm bớt ít nhiều. Bộ Binh-Thư yếu-lược của Trần-Hưng-Đạo đã được Trường Chỉ-Huy Tham-Mưu phiên-dịch và ấn-hành năm 1972, riêng quyển Hổ-Trướng khu-cơ thì chưa có bản dịch chính thức nào, nên Bộ TTM/Tổng Cục Quân-Huấn tạm dùng bản dịch của ông Đỗ-Mộng-Khương để đáp ứng trong muôn một nhu cầu học hỏi của quân-đội ta hiện-nay.

HỔ-TRƯỚNG KHU-CƠ có nghĩa là việc cơ yếu bí mật trong quân đội Hổ-trướng là màn cọp tức là bản-doanh của vị tướng soái vì nơi đây

có treo bức da cọp. Khu cơ là then khóa của cái máy tức là phần trọng yếu chủ chốt trong một việc gì. Hổ-Trướng khu-cơ là một binh thư rất có giá trị được Đào-Duy-Từ soạn ra để dạy các tướng sĩ của Chúa Nguyễn xứ Đường trong vào nửa đầu thế kỷ XVII.

Ông Lê-Phúc-Định tự Thủ Chân, người có công kết-tập sách Hổ-Trướng Khu-Cơ của Đào-Duy-Từ trước đây có viết lời tựa như sau : «Trên nhờ di chỉ của tiên hiền, lại nhờ thần-cơ của bạn tốt, tìm khắp sách lạ của thiên-hạ, xem hết điều lạ của xưa nay, rửa nghiên nhúng bút bởi đề tên sách là Hổ-Trướng Khu-Cơ huyền-diệu không so sánh được. Phàm các phép hỏa-công, thủy-chiến, trận-rắn, trận-chim, mưu-mô tướng lược, then máy binh-gia, cái gì cũng đủ. Nếu người trí giả được sách này thì có thể lập được công danh ở trên nghìn vạn người, dựng nên thái-bình trong một trận đánh».

Sách chia làm 3 phần theo quan-niệm Tam Tài «Thiên-Địa-Nhân» là tập Thiên, tập Địa và tập Nhân. Trong TẬP THIÊN có 4 thiên chính là hỏa-công, thủy-chiến, bộ-chiến và thủ-trại. Sở dĩ gọi là tập Thiên vì các mưu-kế trong tập này cần phải có điều-kiện thiên-nhiên giúp đỡ. Trong tập này ông đặc-biệt nhấn mạnh đến các kỹ-thuật chế-tạo phương-cụ, và phối-hợp kỹ-thuật với chiến-thuật để tạo điều-kiện chống giặc. Như trong thiên HỎA-CÔNG, ông chỉ rõ cách chế-tạo hỏa cầu, tên đạn lửa, súng thần công bằng gỗ... Ở mục «hỏa-tiễn bí-pháp» ông viết : «Phép làm hỏa-tiễn : phàm trí tướng dụng-binh việc gì cũng dự-bị. Nếu không dự-bị thì lâm-cơ trong khoảng chốc lát lấy gì mà ứng dụng. Ví dụ như lúc cướp trại giặc, vượt vòng vây, đánh giáp mặt ở đường hẹp, càng trận ngựa liên-hoàn, trận voi chắn đường, nên dùng tên lửa mà đánh thì cái gì cũng tan...». Ngoài ra ông còn dạy cách dùng hỏa-tiễn chứa thuốc độc, chỉ dẫn phương-pháp chế-tạo thứ đại-bác bằng gỗ tương-tự như quân du-kích Trung-Hoa đã chế-tạo để kháng Nhật.

Trong thiên THỦY-CHIẾN, Duy-Từ dạy cách chế biến nước mặn thành nước ngọt để binh-sĩ dùng khi đi biển.

Trong thiên BỘ-CHIẾN, ông đưa ra 10 điều làm phương châm cho việc hành quân như sau :

— Một là từ chỗ cao trông xuống có thể đánh được.
— Hai là lập trại đóng dinh phải chiếm địa-lợi trước.
— Ba là ở đồng bằng nơi rộng thì chiếm lấy đầu gió.
— Bốn là ở cửa thung lũng rừng sâu thì ra kỳ đặt phục.
— Năm là bãi cát sông chằm thì quay lưng về nước mà nhử giặc.

— Sáu là ở gò cao thì cướp trước đường lấy nước.
— Bảy là hai bên bày trận tương đương thì cần nghiêm chỉnh trước.
— Tám là giặc ở núi cao thì ngăn chặn đường nước.
— Chín là giữ trước giữa bụng (trong lòng địch) để chia thế giặc.
— Mười là giặc tự phương xa đến thì cắt đứt đường lương.

Trong thiên THỦ-TRẠI, ông nhấn mạnh đến cách lập doanh trại và bàn về yếu-tố kỹ-thuật để tổ-chức công sự trận địa. Ông giảng dạy về cách thức chế tạo và bố-phòng máy bắn đá, nỏ thần phối-hợp với các chướng-ngại-vật thiên nhiên để tăng-cường việc phòng-thủ.

Trong quyển thứ hai là TẬP ĐỊA Duy-Từ đề-cập đến các thế trận như Thái-Cực trận, Thái-Tố trận, Thái-Thủy trận đồ, Bát-Quái trận đồ, Trường-Xà trận... Trong sách Lục Thao của Khương-Thái-Công khi nói về trận đồ không chia như trên mà lại chia làm Thiên trận, Địa trận, Nhân trận. Các thế trận trên đây theo Đào-Duy-Từ phải nương dựa vào địa-hình lập nên, nên được xếp cả vào tập Địa.

Trong quyển thứ ba là TẬP NHÂN Duy-Từ đề-cập đến các phép tuyển tướng, luyện binh và giao-chiến. Về đạo làm tướng ông theo binh-pháp Tôn-Tử đưa ra 5 đức tính căn bản của người Tướng là Trí, Nhân, Dũng, Trung, Tín. Về các phép giao-chiến, tư-tưởng chính vẫn là sự phối hợp giữa kỳ và chính, hư và thực, trí và dũng, thủ và công...

Nhận xét về nội-dung, ta thấy tác phẩm Hổ-Trướng Khu-Cơ chú trọng về mặt thực hành hơn về mặt lý-luận quân-sự, trái với sách Binh-Thư Yếu-Lược của Trần-Hưng-Đạo, vừa chú trọng đến thực hành vừa chú trọng đến lý-luận quân-sự. So sánh giữa hai tác-phẩm ta thấy còn có một điểm khác đáng chú ý và đặt thành vấn đề đó là sự kiện có nhiều đoạn, nhiều mục mà cả Binh-Thư Yếu-Lược và Hổ-Trướng Khu-Cơ đều viết rất giống nhau như «phép làm súng gỗ», «phép đốt được trước gió», «phép chế quả nổ», «phép làm quả mù», «phép chế hỏa đồng», «phép làm hỏa-tiễn chứa thuốc độc»... Sự trùng hợp này nếu căn-cứ theo yếu-tố thời-gian có thể được giải-thích là quyển Hổ-Trướng Khu-Cơ chép lại từ sách Binh-Thư Yếu-Lược của Trần-Hưng-Đạo vì Binh-Thư Yếu-Lược được viết vào thế-kỷ XIII trong khi Hổ-Trướng Khu-Cơ viết sau đến 4 thế-kỷ tức vào thế-kỷ XVII. Nhưng nếu căn-cứ theo thời điểm xuất hiện của các vũ-khí trên thì ta

thấy «phép làm hỏa nổ» và «phép chế hỏa-tiễn chứa thuốc-độc»... chỉ có từ khi có cuộc tiếp xúc với Tây-Phương tức từ thế-kỷ thứ XVI, XVII trở đi và dưới đời Trần cũng chưa từng xử-dụng đến các loại vũ-khí này, do đó ta có thể lý-luận là các mục trên đây đích-thực là của Hổ-Trướng Khu-Cơ và người đời sau đã cho thêm vào trong Binh-Thư Yếu-Lược của Trần-Hưng-Đạo mà chính nguyên bản không có. Tuy nhiên đây chỉ là một nhận xét có tính cách luận đoán, sự thật như thế nào phải chờ các bậc học-giả cao-minh tra-cứu sau.

Ta cũng nhận thấy trong Hổ-Trướng Khu-Cơ cũng như trong Binh-Thư Yếu-Lược đều chịu ảnh-hưởng của các binh thư Trung-Hoa như Tôn-Ngô binh pháp, Lục-Thao Tam-Lược. Cũng như trong các lãnh-vực khác, như văn-học tôn-giáo, nghệ-thuật... ảnh hưởng Trung-Hoa trong binh học nước ta là điều không thể chối cãi được. Tuy nhiên các binh-gia danh tiếng nước ta không phải học tập, mô phỏng theo các binh thư nước người một cách mù-quáng mà điều quan trọng là đã biết tìm hiểu và thích dụng vào hoàn cảnh thực tế của nước ta. Sự kiện các danh tướng nước ta khi xưa đã học hỏi các binh thư Trung-Hoa, áp dụng các đường lối chiến-lược, chiến-thuật của Trung-Hoa nhưng cuối cùng đã chiến-thắng vẻ-vang và đánh đuổi được quân xâm-lược Trung-Hoa ra khỏi bờ cõi đã chứng-minh được tài ứng-biến và óc sáng tạo minh-mẫn của tổ-tiên ta trong lãnh-vực binh-học.

Sách HỔ-TRƯỚNG KHU-CƠ là một binh-thư cổ cách nay đến bốn thế-kỷ nên có nhiều điểm không còn thích-hợp trong các điều-kiện rất khác biệt của nước ta hiện nay, nhưng mặt khác nó là một tập hợp quí báu những kinh nghiệm chiến-đấu của tổ-tiên nên rất có giá trị trong việc tìm hiểu các tư-tưởng quân-sự truyền-thống của nước ta khi xưa.

[redacted]

TIỂU SỬ ĐÀO-DUY-TỪ
(1571 - 1634)

Theo Đại-Nam liệt truyện tiền biên, thì Đào-Duy-Từ, sanh năm 1571, quê ở làng Hoa Trai, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, cha là Đào tá Hán.

Đào tá Hán là học trò nghèo, gặp lúc Lê-Mạc đánh nhau, Hán đầu quân theo giúp vua Lê. Nhân bữa đó, việc quân thong thả, nghĩ đến công lao Trịnh Kiểm chiếm được Nghệ An Thanh Hóa làm căn cứ vững vàng, Tá Hán đã cao hứng làm bài ca kể công họ Trịnh, trong đó những câu như sau :

« Trang quốc sĩ ai bằng Trịnh Kiểm,
« Tổ thần uy đánh chiếm hai Châu,
« Thẳng đường dong duổi vó câu,
« Phù Lê diệt Mạc trước sau 1 lời ».

Viên xuất đội đem bài ca ấy tố cáo Đào Tá Hán làm thơ phạm húy Đức Tiên Vương, Ngày xưa, phạm húy là tội nặng, cho nên bị tố cáo phạm húy, Tá Hán sợ hãi vô cùng. Quan Trung Quân nhận được giấy tố cáo đòi Tá Hán vào hầu thấy Hán còn ít tuổi, lại diện mạo khôi ngô, nghĩ thương tình, mới sửa lại hai câu trong bài thơ của Hán, thành :

« Trang Quốc Sĩ ai bằng họ Trịnh,
« Tổ thần uy đánh chiếm hai Châu,

Tuy đã sửa lại như vậy rồi, Tá Hán cũng vẫn còn tội, vì Hán chỉ là tên lính thường mà dám làm thơ nói tới Họ Trịnh là quý tộc. Hán phải phạt 20 roi và bị đuổi ra khỏi quân ngũ, không được làm lính nữa.

Tá Hán từ đó, đi theo một gánh hát chèo để học hát. Vốn thông minh lại đẹp trai, nên chỉ học có 2 năm, Hán đã trở thành kép giỏi. Gánh hát của Hán đi tới đâu cũng được hoan nghênh.

Một hôm, hát đám hội làng Ngọc Lâm, huyện Lục An (tỉnh Thanh Hóa) Hán vào ở trọ nhà Vũ Đạm là tiên chỉ làng Ngọc Lâm. Vũ Đạm có cô con gái tên là Kim Chi, 19 xuân xanh, có nhan sắc, cảm tiếng hát và vẻ người của Tá Hán đem lòng thương yêu Chàng, và tỏ ý muốn cùng chàng kết nghĩa trăm năm. Tá Hán từ chối, nói mình nghèo lèn lại chưa có nhà cửa không thể lấy con gái nhà tử tế. Kim Chi khóc lóc nhất định không chịu bỏ Hán. Người vú già của Kim Chi khuyên bảo Tá Hán rằng, Kim Chi có vốn riêng hai người lấy nhau có thể sinh cơ lập nghiệp mà nuôi nhau, vú già còn tình nguyện đi theo để trông nom nhà cửa cho vợ chồng suốt đời. Tá Hán đành phải thuận dẫn Kim Chi về làng Hoa Trai mua đất cất nhà. Lấy nhau được hơn một năm thì sinh ra Đào Duy Từ.

Năm Duy Từ lên 5 tuổi, cha bị bệnh mất. KIM CHI hết sức tảo tần nuôi con ăn học, DUY TỪ thông minh đĩnh ngộ học một biết mười. Năm 14 tuổi vào học trường ông Hương Cống Nguyễn Đức Khoa : Ông Cống khen tài học Duy Từ nhưng tiếc Từ là con nhà xướng ca, không được đi thi. Tục lệ nhà Lê cho xướng ca là «vô loại» phàm con cái những người làm nghề hát xướng đều cấm ngặt không được đi thi.

Gần đến kỳ Thi Hương, KIM CHI cố xoay món lễ hối lộ viên Xã Trưởng Hoa Trai là Lưu Minh Phượng, nhờ y khai tên cho Đào Duy Từ thành Vũ Duy Từ (theo họ mẹ), cha là Vũ như Lâm để Từ có thể đi thi. Lưu minh Phương thấy KIM CHI tuy tuổi đã 40 cái xuân rồi, mà nhan sắc vẫn mặn mà, đòi lấy được KIM CHI mới chịu đổi họ cho Duy Từ. KIM CHI suy nghĩ kỹ, vì tương lai của con, đành phải nhận lời, nhưng xin khất đến khi Duy Từ thi đỗ đã, sẽ lấy họ Lưu.

Khoa thi hương năm Quý Tỵ 1593 đời vua Lê thế Tông ; Vũ Duy Từ (tức Đào Duy Từ) thi đỗ Á nguyên. Lúc ấy Từ 21 tuổi Kim Chi được tin mừng rỡ sai người vú già đến kinh đô (khi ấy kinh đô nhà Lê còn đóng tạm ở Thanh Hóa) dặn Từ cứ ở lại đây tiếp tục ăn học để năm sau thi Hội.

Lưu minh Phương thấy Duy Từ đỗ Á Nguyên, liền xin cưới Kim Chi. Kim Chi không biết trả lời sao, phải điều đình với Phương rằng :

« Bấy giờ con trai vừa đỗ đạt, mà mẹ lại muối mặt đi lấy chồng thì thật là khó coi quá, nhưng nếu thay vì Minh Phương cho cô gái lớn về làm dâu cho Kim Chi, thì tình nghĩa hai nhà còn mãi ».

Minh Phương giận Kim Chi thất tín, cậy có quan Huyện Ngọc Sơn là người thân của y. Phương liền một mặt làm đơn kiện Kim Chi, một mặt nhờ Quan Huyện lấy thế lực bắt ép nàng phải lấy mình và che chở giúp vụ đổi họ cho Duy Từ. : . , Không ngờ. Quan Huyện không dám ép Kim Chi lấy Minh Phương, mà lại đưa vụ Duy Từ đổi họ bẩm lên Quan Hiến Sát.

Duy Từ ở kinh đô không biết những chuyện xẩy ra ở nhà. Ông vào thi Hội văn hay nhất trường, nhưng có bài bàn về cải cách chánh trị hơi trái ý Chúa Trịnh Tùng, quan Thái Phó Nguyễn Hữu Liên làm chủ khảo phân vân không biết nên lấy đỗ Tiến Sĩ hay đánh xuống Phó Bảng, thì bỗng tiếp được Bộ Lễ báo cho hay trường hợp của Duy Từ. Quan Thái Phó liền xóa ngay tên Vũ Duy Từ không được đi thi, cách tuột Á Nguyên và lột mũ áo.

Tin ấy về đến quê nhà, Kim Chi, mẹ Từ buồn quá cắt cổ tự vẫn.

Duy Từ bị lột mũ áo, lại nghe tin mẹ chết, quá đau buồn, thành bịnh nặng nằm mê mệt ở nhà trọ, không về làng được.

Gặp lúc Đoan Quận Công Nguyễn Hoàng, trấn thủ Thuận Hóa, phụng mệnh vua Thế Tông và Chúa Trịnh Tùng về Thanh Hóa bàn việc nước. Nguyễn Hoàng đến thăm quan Thái Phó Nguyễn Hữu Liên. Liên đưa họ Hoàng xem văn bài của Từ và kể vụ Từ bị đuổi. Nguyễn Hoàng xem văn biết Duy Từ là người có tài kinh bang tế thế, Nguyễn Hoàng vốn có chí hùng cứ một phương, liền vi hành đến tận nhà trọ của Từ, giúp đỡ Từ ít tiền bạc để Từ uống thuốc rồi mời Từ vào Nam giúp mình.

Một hôm Từ vừa khỏi bịnh, Nguyễn Hoàng đến chơi, nhận thấy trên vách có treo bức tranh 3 anh em Lưu Quang Trương dầm mưa giải tuyết vào Lòng Trung tìm Gia Cát Lượng, 2 người liền vịnh một bài thơ rồi ngâm để tỏ bày chí mình.

Nguyễn Hoàng đọc trước :

«Vó ngựa sườn đá chập chùng,
«Cầu hiền lặn lội biết bao công ...

Duy Từ đọc tiếp :

«Đem câu phò Hán ra dò ý,
«Lấy nghĩa tôn Lưu để ướm lòng ...

Nguyễn Hoàng lại đọc :

«Lãnh thổ đoàn chia ba xứ sở,
«Biên thùy vạch sẵn một dòng sông ...

Duy Từ kết :

«Vì chẳng không có lời Nguyên trực,
«Thì biết đâu mà đón Ngọa Long.

Hai người nghe thơ đều hiểu ý nhau rất là tương đắc. Nhưng Nguyễn Hoàng không dám đón Duy Từ vào ngay, e tiết lộ cơ mưu chỉ ân cần căn dặn :

«Lão phu về trước, xin đắp sẵn đàn bái Tướng chờ đợi Tiên Sinh. Năm nay lão phu hơn 70 tuổi, nếu có thất lộc đi cũng di ngôn lại cho con cháu phải đón Tiên Sinh về dạy bảo ...»

Duy Từ bái tạ nhận lời mà từ biệt.

ĐÀO DUY TỪ VÀO NAM

Mấy năm sau Duy Từ vào Nam lập chí giúp Chúa Nguyễn chống họ Trịnh nhưng không gặp Chúa Nguyễn vì chúa bận đi kinh lý nơi xa.

Tiền lưng đã hết Từ phải xin chăn trâu cho nhà phú hộ Chúc Trịnh Long ở làng Tùng Châu, tỉnh Bình Định. Làm như vậy Từ có hai chủ đích : một là chỗ đất khách quê người, không ai nương tựa hãy tạm chăn trâu để đợi thời, hai là muốn náu mình ít lâu dò xét chính trị của Chúa Nguyễn ra sao đã.

Con trai Chúc Trịnh Long là Chúa Hữu Minh mở Tùng Châu Thi Xã, lấy Duy Từ làm thư đồng hạ các bạn văn chương. Thỉnh thoảng từ lại gà thơ cho các người trong Thi Xã. Những bài thơ làm giùm này, nhiều bài rất hay, nên đồn dà, tiếng Duy Từ đã lọt tới tai quan Khám Lý Trần-Đức-Hòa.

Đức Hòa đến chơi nhà Chúc Trịnh Long cho tìm Từ lên nói chuyện, biết Từ là người tài cao học rộng liền mời về nhà dạy học rồi gả con gái cho, rồi tiến cử lên Chúa Nguyễn. Chúa hỏi ông về học thức và hoài bão lấy làm bằng lòng lắm. Chúa hỏi :

— Nay Tiên Sinh hạ cố tới đây có điều hay dạy bảo, tôi xin lắng tai nghe.

Duy Từ nghiêng mình thi lễ rồi nói :

— Ngày trước tôi có diễm phúc được gặp Lý Thiên Vương không ngờ người vội băng hà không được thừa nhận, thương xót vô cùng. Nay Chúa Thượng không quản tôi là người quê mùa mà hỏi đến, biết được điều gì tôi xin thành thực giải bày, còn nghe hay không, tùy ý Chúa Thượng.

5 ĐIỀU CẦN LÀM ĐỂ DÂN GIÀU NƯỚC MẠNH :

Chúa Sãi mời Duy Từ có ý kiến gì xin cứ trình bày, Duy Từ mới đưa ra ý kiến như sau :

— Hiện ta có năm điều kiện cần thiết, hãy kíp theo thứ tự thi hành, mới mong nước giàu dân mạnh. Đó là :

1) — Chúa Thượng hùng cứ phương này thật là thiên hiểm, có dãy Hoành Sơn ngăn đường bộ, sông Linh Giang ngăn đường thủy: Chúa Trịnh dù có trăm vạn quân cũng không thể vào đây được. Nếu quân Trịnh đến, ta dùng kế thủ hiểm đợi lúc kẻ kia mệt mỏi sẽ ra đánh, tất là toàn thắng. Chúa Thượng nên noi ý Tiên Vương, diệt họ Trịnh để thống nhất sơn hà.

Muốn cho dân theo, ta tuyên ngôn phù Lê diệt Trịnh, vì Trịnh Tùng vừa giết vua Anh Tông, lại uy hiếp vua mới, dân Bắc Hà đều oán hận.

2)— Đánh Chiêm Thành mở rộng bờ cõi cho suốt đến miền Nam, làm thành một nước rộng lớn hơn miền Bắc của Chúa Trịnh.

3) — Miền Nam nhiều đất phì nhiêu còn bỏ hoang, ta ngầm cho người Thanh Nghệ chiêu mộ dân vào khai khẩn. Trước là có nhiều thóc gạo làm lương thực, sau là có nhiều người để tăng quân số.

4)— Chỉnh đốn việc nội trị. Về cai trị, những người tài giỏi có công tâm, bất kỳ thân sơ cũng phải mời họ ra giúp nước.

Còn những kẻ có tiếng tham nhũng nên trừng phạt nặng rồi thải hồi, khiến dân khỏi ta oán. Về dân sinh giảm bớt sưu thuế cho dân đỡ phải gánh vác nặng nề, nâng cao đời sống của dân giúp đỡ họ làm ăn cày cấy buôn bán mọi việc đều dễ dãi. Về giáo dục mở nhiều trường học ra lệnh mọi người đều phải đi học, dân có biết chữ mới biết yêu nước thiết tha. Như thế dân không bị áp bức lại được sống sung túc thì bao giờ cũng tận tâm tôn phò Chúa Thượng.

5) — Muốn cho quân đội hùng hậu phải mộ thêm quân lính xây đắp đồn lũy. Cần huấn luyện cho quân lính có tinh thần, khi tiến khi thoái biết tuân theo kỷ luật.

Năm điều này thi hành xong, đợi khi quân Trịnh đánh với quân Mạc đã mệt, Chúa Thượng cất quân Bắc phạt. Dân chúng ngoài Bắc còn nhớ ơn Đức Thiệu Tổ khởi nghĩa đánh Mạc ở Sầm Châu tất quay về quy phục chúa Thượng, chỉ một trận có thể nhất thống được sơn hà.»

Chúa Sãi nghe Duy Từ trình bày ý kiến, phục là cao luận, đặt tiệc khoản đãi Duy Từ và Đức Hòa. Rồi họp quần thần trên đại điện, phong Duy Từ làm Nha Úy Hội Tán, tước Lộc Khê Hầu, coi nội ngoại quân cơ tham lý quốc chính.

Năm Đinh Sửu (1625) đời vua Lê Thần Tông, Chúa Trịnh Tráng được tin sĩ phu và nhân dân 2 tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An kéo nhau di cư vào Nam rất đông, có ý ngờ Chúa Nguyễn mưu phản, sai quan Công Bộ Nguyễn Khắc Minh vào Nam mượn tiếng phong cho Chúa Nguyễn Sãi chức Thái Bảo tước Nguy Quận Công, để dò xét tình hình.

Nội Tán Đào Duy Từ khuyên Chúa Nguyễn dấu hết lực lượng quân sự đi chớ để Nguyễn Khắc Minh trông thấy gì hết, mặt khác cứ giả bộ vui vẻ nhận chức tước của Chúa Trịnh phong cho mình để Chúa Trịnh vui lòng. Chúa Sãi vui lòng làm đúng như lời Từ dặn, còn tặng riêng cho Nguyễn Khắc Minh rất nhiều tiền bạc. Thấy

tình hình yên ổn không có gì tỏ ra Chúa Nguyễn muốn làm phản, Khắc Minh về tâu lại với chúa Trịnh.

ĐẮP LŨY TRƯỜNG DỤC.

Khắc Minh về rồi, Duy Từ xin Chúa Sãi đắp lũy Trường Dục để ngăn quân Trịnh vào cửa Nhật Lệ. Lũy cao 8 thước dài 6 dặm chạy suốt từ chân núi Trường Dục đến bãi Hạc Hải huyện Phong Lộc tỉnh Quảng Bình.

Đào Duy Từ trình bày cùng Chúa Sãi cái lợi của việc đắp Lũy Trường Dục như sau : Muốn mưu đồ sự nghiệp Vương Bá, cần phải có kế vẹn toàn. Người xưa đã nói : không một lần khó nhọc thì không được yên nghỉ lâu dài, không hao phí tạm thời, thì không yên ổn mãi mãi. Tôi xin hiến một bản đồ, sai quân dân ở hai trấn theo đó đắp một cái lũy dài từ chân núi Trường Dục đến bãi cát Hạc Hải, ấy là nhân hình thế đất đai mà đặt phòng thủ để giữ vững biên giới, thì quân địch có đến cũng không làm gì được ». Chúa theo kế ấy, sai quân dân đắp lũy Trường Dục hơn 1 tháng thì hoàn thành.

Tháng 11 năm Mậu Dần (1626) ở Hải Dương nhân dân nổi loạn, Chúa Sãi phái Lại Văn Khuông đi sứ ra Bắc xem xét tình thế. Duy Từ làm một cái mâm bằng đồng 2 đáy, trên để lễ vật dâng Chúa Trịnh bên dưới ngầm để một bài thơ. Sứ giả về Nam rồi, Chúa Trịnh Tráng mới biết mâm có 2 đáy, sai thị thần cạy ra xem thì thấy có 1 bài thơ 4 câu:

« *Mâu nhi vô địch,*
« *Mịch phi kiến tích,*
« *Ái lạc tâm trường,*
« *Lực lai tương địch.*

Đọc xong bốn câu thơ, Chúa không còn hiểu nghĩa ra sao, triệu quan Thái Úy Phùng Khắc Khoan vào hỏi, Khắc Khoan nghĩ một lúc rồi giảng :

« *Câu thứ nhất, chữ MÂU không có nét phẩy là chữ DƯ.*
« *Câu thứ hai, chữ MỊCH bỏ chữ KIẾN đi là chữ BẤT.*
« *Câu thứ 3, chữ ÁI không có chữ TÂM trong bụng là chữ THỤ.*
« *Câu thứ 4, chữ LỰC đứng ngang với chữ LAI là chữ SẮC.*

« Cả 4 câu ghép lại là 4 chữ Dư Bất Thụ Sắc, nghĩa là : Ta không nhận sắc mệnh».

Hiểu nghĩa của 4 câu thơ, Chúa Trịnh giận lắm, muốn cất quân vào đánh Chúa Sãi ngay nhưng lúc ấy ở Cao Bằng, Hải Dương đang có giặc nên phải hoãn lại.

Khi Lại Văn Khuông đi sứ về. Duy Từ đem quân đánh đất Nam Bố Chính chiếm suốt từ phía Nam sông Linh giang trở vào, lập đồn ải kiên cố, đặt ra 24 đội chiến thuyền để chống nhau với quân Trịnh.

ĐẮP LŨY THẦY.

Năm Tân Hợi (1631) Duy Từ khởi công đắp Lũy Thầy ở Đồng Hới Quảng Bình. Lũy cao 12 thước dài 10 dặm, chạy suốt từ núi Đầu Mâu đến cửa Nhật Lệ trông như hình cá, cầu vồng. Mặt lũy rộng rãi đi lại được, cứ mỗi đoạn 40 thước lại xây một pháo đài đặt súng thần công án ngự. Lũy thầy như vậy hiểm gấp 10 lần Lũy Trường Dục,

Từ đấy Chúa Trịnh Chúa Nguyễn thực sự đánh nhau. Kết cục Trịnh thua phải chia đôi đất nước cho Chúa Nguyễn, lấy sông Linh Giang tức sông Gianh làm giới hạn. Khi Duy Từ mất, Chúa Nguyễn truy tặng tá trụ quốc Kim tử Vinh lộc Đại phu, Lộc khê Hầu.

Năm Minh Mạng thứ 12 (1831) sắc gọi Lũy Thầy là Định Bắc Trường Thành truy tặng Duy Từ làm Khai Quốc Công Thần, Thái sư Hoằng Quốc Công.

Đào Duy Từ chỉ làm quan với Chúa Nguyễn có 8 năm, nhưng trong 8 năm đó ông đã xây dựng cho Chúa Nguyễn một quân đội hùng mạnh và một cơ sở xã hội vững chắc, Sách Đại Nam Thực Lục tiền biên viết: «Duy Từ có tài lược văn võ, trù hoạch điều gì đem thi hành đều trúng, giúp việc nước chỉ 8 năm mà công nghiệp chói lọi, đứng đầu hàng công thần khai quốc»,

Duy Từ có công ngoài đánh Chúa Trịnh, trong mở đất Chiêm Thành, làm cho dân giầu nước thịnh. Về nghệ thuật, Duy Từ cũng có công với nghề hát nước ta không kém những công lao của ông đối với ngành binh học VN, Duy Từ đã có công sửa lại

các lối hát và các điệu múa cố đặt ra điệu múa Song Quang, điệu múa Nữ Tướng xuất quân, điệu múa Tam Quốc Tây Du để dùng vào những dịp quốc gia đại lễ. Trong nhà lúc nào Duy Từ cũng nuôi một bọn ca nữ để dạy múa hát.

Như trên đã nói, Duy Từ không những là một học giả, một chánh trị gia, mà ông còn là một chiến lược gia lỗi lạc. Ngoài ra, Duy Từ còn là một kiến trúc gia và kỹ thuật gia cừ khôi, muốn nghiên cứu những kiến trúc phòng ngự để tăng thêm hiệu lực. Về phương diện này, người ta đã ví Duy Từ với Vauban của Pháp hồi thế kỷ 17. Về kỹ thuật chiến tranh, Duy Từ rất chú trọng tới việc chế tạo võ khí như ta đã thấy trong cuốn «Hổ Trướng Khu Cơ». Một nhà chí sĩ cách mạng Việt-Nam đã tả lại sự nghiệp của Đào Duy Từ trong 4 câu thơ sau đây:

«Bể dâu thay đổi mấy triều Vương,
«Lũy cũ xanh xanh một giải trường,
«Rêu đá mờ kinh Hổ Trướng,
«Gió lau heo hắt phủ Long Cương...»

✂

HỒ TRƯỚNG KHU CƠ

TỰA

Có người hỏi tôi rằng: Phàm binh pháp như các sách *Võ kinh, Võ bị, Quải ấn đăng đàn, Kỷ hiệu, Hồng vũ*, còn chưa đủ sao? Sách *Hồ trướng khu cơ* còn chép làm gì? Tôi đáp rằng: Xã tắc còn hay mất, quốc quân vui hay lo, quan hệ ở một ông tướng. Cho nên làm tướng mà học binh pháp, quí tinh mà không quí nhiều, có dũng lại phải có trí, mới có thể nắm cơ ở ngoài cửa khổn, giữ tính mệnh của ba quân. Nếu nghề võ không tinh, mà người tướng không giỏi, thì chỉ trong chốc trở bàn tay sơn hà đã thay đổi, há chẳng nên cẩn thận hay sao? Vả chăng ý chỉ các sách binh pháp kể trên không phải là không tốt. Nhưng rườm rà nhiều mối, tinh thô khác nhau cho nên người học như ngồi giếng xem trời, đi thuyền giữa biển, mờ mịt không biết gốc rễ, mênh mang không hiểu manh mối, là bởi thế đấy.

Đến Quốc triều ta có Lộc-khê (1) là người đặc xuất, chí khí cao cả. Xem khi giúp Thánh tổ (2) ta nổi tiếng nghĩa dũng đến nghìn thu, dựng nền thái bình trong một trận, thì trong lòng thực có mấy van giáp binh; đến lúc cởi ấn từ quan, điền viên vui thú, thì trong lúc đi đứng thực đáng sánh với Y Doãn, Lã Vọng, Tử Phòng, Gia Cát; đến lúc tuổi già lại lo tâm thuật không truyền cho ai, thần cơ mai một đi mất, thì may có Triệu Điền được thân dạy bảo; lại có hai tiên sinh ta là Bảo-thức và Cao Toàn suy diễn những điều Lộc-khê chưa suy diễn, phát minh những điều Triệu Điền chưa phát minh, để đem ra dạy bảo, tưởng đấy là báu của trời đất, sao có thể bỏ mất đi được! Tôi là học trò, may được gần gũi, chính như dây sắn bám vào cây thông, dây bìm leo nhờ cây cù, được hai tiên sinh rủ yêu mà truyền thụ cho. Tôi trộm nghĩ sinh sau mà được thấy người trước, có thể đến cửa mà vào nhà, thân được truyền thụ, thực là có

1. Lộc-khê: Đào Duy Từ.
2. Nguyễn Phúc Nguyên.

duyên may với hai tiên sinh vậy. Lại còn duyên trời đun đủi, gặp được bạn tốt như Phúc Định (tự Thủ-Chân), đặc biệt thông minh, thiên tư anh vĩ, chí cả lấn mây, lòng mang kinh tế, cho nên tôi không tiếc châu ngọc mà nhả hết ra. Ngờ đâu bạn tôi lại là người có chí bi truyền, không tiếc công phu, rửa nghiên nhúng bút biên thành sách này, chia làm ba quyển, gọi là sách *Hồ Trướng Khu Cơ*, thực là mở huyền cơ của trời đất, tụ tú khí của kiền khôn xiết mừng rỡ, cũng có chút bổ ích vậy.

CHIÊU-DƯƠNG CAO KHUÊ Cẩn chí

TỰA

Phàm người xa không phục thì ta sửa văn đức cho họ đến. Nhưng Xi vưu xưa hoành hành bạo ngược mà Hoàng đế lại dùng giáo mác để đánh mà tại làm sao ? Bởi vì thời thế bất đồng, nhân tâm mỗi khác. Người xưa nói rằng ; Đánh giặc để dẹp thì đánh cũng phải, giết giặc để yên thì giết cũng phải. Nhưng phép chiến tranh cũng lắm, mà cách sát phạt cũng nhiều. Có trí thì dùng trí, không có trí thì dùng sức. Phàm mặc giáp cầm giáo, cưỡi ngựa cầm roi, khó nhọc vào sinh ra tử, liều mình thịt nát xương tan, đấy chỉ là một tráng sĩ thôi, sao có thể địch được muôn người ! Thế gọi là không có trí thì dùng sức đấy. Nay ta thà rằng đấu trí chứ không đấu sức. Bởi thế, trên nhờ di chỉ của tiên hiền, lại nhờ thần cơ của bạn tốt, tìm khắp sách lạ của thiên hạ, xem hết điều lạ của xưa nay, rửa nghiên nhúng bút, bái đề tên sách là *Hổ trướng khu cơ*, huyền diệu không so sánh được. Phàm các phép hỏa công, thủy chiến, trận rắn, trận chim, mưu mô tướng lược, then máy binh gia, cái gì cũng đủ. Nếu người trí giả được sách này thì có thể lập được công danh ở trăm nghìn vạn người, dựng nên thái bình trong một trận đánh. Sách này rất nên trân trọng, chớ đem dạy cho người bậy, vận dụng một lòng mà kính theo mười điều răn:

1. Chớ càn dỡ giết người và đem lòng riêng oán người.
2. Chớ làm thâm độc, tàn hại lương dân.
3. Chớ lòng phạm thượng và phản bội thầy.
4. Thưởng phạt rất công, không làm quanh co.
5. Chớ mê sắc đẹp, chớ tham của cải.
6. Nghiêm răn sĩ tốt, cấm chỉ lấn cướp.
7. Đâu cũng yên dân, cốt làm nhân nghĩa.
8. Thương yêu cô quả, thăm viếng tan tóc.
9. Mình trước sĩ tốt, cam khổ cùng nhau.
10. Phụng sự cách này, chớ nên trễ nải.

Mười điều răn trên này, nếu thiếu một điều sẽ bị các vị tổ sư khiển trách, còn mong thành công được sao ?

Thơ rằng :

Anh hùng tự cổ trước kỳ kinh,
Vị nhược tư thư tối hữu tinh.
Nhất trật bao tàng thiên địa bảo ;
Thiên hàng bài liệt điểu xà linh.
Hỏa công thiêu tận thiên phong nhẫn ;
Thủy chiến ba dồi vạn giáp binh.
Nhất bả thử chương vi tướng dụng,
Bất lao hãn mã diện thăng bình.

(Từ trước anh hùng làm sách lạ. Chưa kịp sách này rất hữu tinh. Một quyển bao gồm báu trời đất ; Nghìn hàng bày sắp trận rắn chim. Hỏa công đốt trụi nghìn gươm giáo; Thủy chiến chìm vùi vạn giáp binh. Nếu đem sách này dùng việc tướng. Chẳng phải nhọc ngựa dựng thăng bình).

HẬU HỌC : THỨ-CHÂN LÊ PHÚC ĐỊNH Cẩn đề.

HỔ TRƯỚNG KHU CƠ

Tiên giác Vệ úy nội tán Lộc-khê tiên sinh di chỉ.
*Hàn lâm Văn chức viện **Triệu Điền** tiên sinh kế thuật.*
*Xử sĩ **Bảo-thúc Nguyễn Huy Chữ** tiên sinh tăng san.*
***Xử sĩ Từ-chân Cao Toản tiên sinh** đính ngoa.*
Thiện thuật Cao Khuê tự Chiêu-dương tân soạn.
Hậu học Lê Phúc Định tự Thủ-chân kết tập.
Hậu học Vọng-doanh Cát-đằng Kiêm-trai Ngô Tử Thông tham soạn điểm duyệt.

HỔ TRƯỚNG KHU CƠ

QUYỂN I

TẬP THIÊN

- Tổng luận về cơ yếu binh pháp
- Thiên hỏa công
- Thiên thủy chiến
- Thiên bộ chiến
- Thiên thủ trại
- Tổng bình về tập thiên

TỒNG LUẬN VỀ CƠ YẾU BINH PHÁP

Mắng nghe : Gươm báu ấn vàng, nguyên soái lên đàn ban hiệu lệnh; quạt lông khăn lụa, quân sư cười nói vận thần cơ. Tỷ như Phạm Lãi dâng Tây Thi (1), Tôn Tẫn bớt bếp nấu (2), Đàn Đạo-tế đong cát giả làm lương (3), Trương Tử Phòng thổi sáo cho địch nản (4), Hàn Tín cho quân nhỏ cờ Triệu cắm cờ Hán (5), cũng là giả thư đầu hàng dùng kế cho giặc kiêu, đều xuất tự trong lòng của trí tướng, tự kế hoạch của mưu thần mà thôi. Cho nên nói rằng thừa cơ làm việc đấy thôi. Nhưng đều chưa có thể dùng làm phép thường. Phép thường là phương pháp. Phương pháp là gì ? Như Hiên-viên đánh Xi-vưu làm xe chỉ nam mà bắt được giặc, cũng là đời sau trâu lửa của Điền Đan, hải nhạc (6) của Võ-mục, Hàn Tín dùng chum gỗ (7) cho quân sang sông, Khổng minh làm trâu ngựa gỗ để vận lương, Lưu Bá-ôn (8) chế súng đồng pháo lửa, những người ấy thực là có tài xoay trời chuyển

(1) Phạm Lãi khuyên Việt Câu-tiễn dâng Tây Thi cho Ngô Phù-sai.

(2) Tôn Tẫn người nước Tề thời chiến quốc, cháu 3 đời của Tôn Võ, là 1 quân sư cho Tề-Uy-Vương, đánh bại Bàng Quyên, tướng nước Ngụy. Tôn Tẫn đem quân vào nước Ngụy, đặt 10 vạn bếp, đến ngày mai chỉ để 5 vạn bếp, lại ngày mai chỉ để 3 vạn. Bàng Quyên tưởng là quân Tề càng ngày càng suy, bỏ bộ binh mà đuổi, bị Tẫn đánh bại ở Mã Lăng.

(3) Đong Cát : Đàn Đạo Tế là tướng nhà Tống, đời Nam Bắc triều đánh nhau với quân Ngụy, thiếu lương, đêm sai quân đong cát, rồi lấy ít gạo còn lại để lên trên. Sáng ngày địch thám thấy, tưởng quân Đạo Tế còn nhiều lương, nên không truy bức nữa.

(4) Trương Lương thổi sáo ở Cai hạ làm cho quân Sở nghe mà nản lòng.

(5) Xích xí : Cờ hiệu của nhà Hán, màu đỏ. Thời Hán Cao Tổ, Hàn Tín đánh Triệu Vương Yết, bày trận quay lưng ra sông. Quân Triệu mở cửa thành ra đánh. Tín giả cách thua bỏ cờ trống. Quân Triệu bỏ thành ra đuổi Tín và cướp lấy cờ trống. Tín thừa lúc ấy đem 2000 kỵ binh vào trong thành của Triệu, vất bỏ cờ của nước Triệu, cắm 2000 lá cờ hiệu của Hán. Quân Triệu không đuổi được Tín, muốn vào thành thì thành đã cắm cờ của Hán rồi. Quân Triệu rối loạn, quân Tín đánh rát, phá được quân Triệu, bắt được Triệu Yết.

(6) Núi dưới biển, không rõ phép thế nào.

(7) Mộc Anh : Cái bình bằng gỗ. Thời Hán Cao-Tổ, Hàn Tín đánh Ngụy Vương Báo, Tín giàn rất nhiều quân và thuyền ở đất Lâm Tấn, giả làm địch cho quân sang đò ở đấy, nhưng ngầm sai quân lính phục ở đất Hạ Dương, cho quân lính dùng những bình bằng gỗ kết lại thành bè, sang sông đánh úp An Ấp, bắt Ngụy Vương Báo.

(8) Quân sư của Minh Thái Tổ.

đất, có chí yêu nước giúp đời, trong lúc thi thố so với việc bày binh bố trận hơn gấp mười lần. Đời sau dẫu có danh tướng cũng không thể hơn được.

Đến quốc triều ta, Chính quản vệ úy nội tán Lộc Khê tiên sinh đem tài lạ giúp vua, phát huy tinh túy của tướng mộn, lập ra các phép hỏa cầu, yên cầu và phép thương lửa dưới đất, tên lửa chứa thuốc độc, dẫu người đời xưa sống lại cũng chẳng hơn đâu. Người sau học được yếu chỉ thì chỉ có Triệu Điền, Bảo Thúc, Cao Toàn mấy người mà thôi. Sau khi các vị ấy đã quy thần thì có ai nối được truyền thống ấy nữa đâu ! Than ôi ! đất đã chôn bí pháp, nhưng may trời chưa chôn lương mưu, để cho bạn ta như Cao công là người tuổi trẻ lỗi lạc, học thuật thấm nhuần, để lòng giấu cất ngọc quí của tướng lược, khắc xương ghi chép phép diệu của binh gia, cầm bút rất tinh, mài nghiên rất sạch, biến thành sách *Hồ trường khu cơ*, chia làm ba quyển, đầu đuôi cộng 37 điều. Thực là quốc sĩ vô song, quỉ thần mạc trắc, không những chỉ là phép hỏa công thủy chiến, lại đến cả phép giữa trại phòng gian, vận dụng cơ quan, không cái gì là không chép đủ. Được người khá mà dạy cho thì kinh dinh bốn phương, công ghi sử sách, trăm đời cũng không mất vậy. Công dụng của tiền nhân bổ ích có phải là ít đâu.



THIÊN HỎA CÔNG

Cao Chiêu đương nói : Phàm lửa vốn tự thái cực, được khí dương tinh, nhờ vào gỗ mà sinh, cho nên phàm các vật ở trong trời đất cái gì đụng vào là phải cháy tan, mà làm ngôi thứ nhất trong ngũ hành, lại là phép công hiệu nhất trong binh pháp. Nhưng gỗ (cây) động thì sinh gió, gió thổi thì lửa sinh, đó là lẽ tự nhiên của trời đất, cho nên người xưa nhân có gió mà dùng hỏa công cũng là lẽ thường. Còn như không có gió mà dùng lửa, dùng lửa không cần phải có gió, thì đời xưa chưa từng có. Duy có súng phát-lang-cơ của Tây dương cũng tài như các phép hỏa cầu, yên cầu, hỏa lôi, hỏa tiễn của Lộc khê tiên sinh. Thực đủ phát minh những cái đời trước chưa phát mà lập nên thần cơ mới mẻ. Xem mấy điều ấy thì biết rằng cái tài của Lộc-khê tiên sinh có thể làm trái cơ trời đất, trái tính

tinh ngũ hành, thực là cơ qui thần không ai làm được. Học giả nên kính cẩn đấy.

Lê Thủ-chân nói: Đời xưa dùng hỏa công là nhân mùa hạ nóng nực, gió nồm thổi mạnh, liệu theo địa thế đặt hiểm mà đốt. Như Chu Du bày quân ở sông Xích-bích rồi sai Hoàng Cái đem thư trá hàng mượn thuyền lương mà đốt quân Tào Tháo, Khổng-Minh đi đánh Mạnh Hoạch ở miền Nam, Ngụy Diên phục binh ở hang tối mà đốt quân áo giáp mây. Cho nên *Binh pháp* nói «Đường hẹp dùng hỏa công» là thế đó. Các kỳ kế như thế cũng một lối mà thôi Ngày nay dùng hỏa công thì lại khác. Bắt đầu tự Lưu Bá-Ôn đời Minh hồi giúp Thái tổ chế ra phép điện súng đồng hỏa lôi, bắn một phát thì đạn lửa bay ra, đến đâu thì vạn vật đều tan nát hết, thực là toàn mỹ. Song người sinh sau lại càng đáng sợ. Các nước Tây-dương có nhiều kỳ tài, chế nhiều phép giỏi, như các loại súng phát-lang cơ, địa lôi, đạn sắt lại càng huyền diệu, bắn ra một phát thảm độc rất nhiều. Rồi tiền nhân ta được phép ấy, chỗ thiếu thì bổ vào, chỗ sót thì thêm vào, mà chế ra các phép hỏa cầu yên cầu, hỏa đồng, hỏa tiễn, lại được thích dụng. Cứ ý kiến của tôi thì tài ấy có kém gì dây sắt đạn lửa đâu.

1— PHÉP DIỀU LỬA ĐỐT GIẶC

Phàm có gió thì nên dùng hỏa công, đó là phép thường. Nếu trại giặc rất xa mà canh giữ nghiêm ngặt, thì dẫu có gió lớn, lửa cũng không do đâu mà dùng được. Nếu làm phép diều giấy để đốt thì giặc dù có cánh bay được trong phút chốc cũng hóa ra tro hết.

Phép làm : Trước hết lấy nan tre làm cốt kết thành hình con diều hai cánh ngang ra, đem cốt diều(1) ấy ngâm nước hơn một tháng phơi khô, lấy giấy mỏng tẩm dầu trám dán vào cốt tre làm lòng diều. Lại lấy 1 cân lưu hoàng 1 lạng diêm tiêu nấu cho tan ra đem vải mỏng mà tẩm rồi phơi khô, bồi vào ngoài cốt tre ấy làm da diều. Lại lấy 1 cán cỏ bấc đèn cũng tẩm nước ấy để làm đuôi diều. Xong rồi, lại

(1) Không nói rõ bề lớn nhỏ của cốt diều.

lấy 1 sợi dây gai dài độ 100 bước, hoặc hai ba trăm bước, buộc vào lưng diều làm lèo và dây thả diều. Lại lấy một sợi dây giấy làm ngòi thuốc dài bằng dây gai buộc vào sau đuôi diều, còn thừa thì quấn vào dây diều. Nhân có gió thì thả diều lên, xem chừng hễ diều đến gần dinh trại giặc thì lấy lửa đốt vào đầu dây ngòi thuốc, lửa bén theo lên diều và cháy đứt dây, diều rơi xuống. Nếu dây diều chưa đứt thì lấy dao mà cắt khiến diều rơi xuống đốt cháy trại giặc.



2 — PHÉP LÀM HỎA CẦU (QUẢ NỔ).

Phép hỏa cầu là phép thần của Tây dương. Trong lúc đem quân đi đánh giặc, hai bên bày thành thế trận, ta đem súng phi thiên mà bắn, quả nổ tung ra, rơi đến đâu thì quả nổ nổ ra, mảnh sắt tung toé bốn mặt, dẫu gươm giáo choang trời, cờ xí lấp đất cũng chỉ một lát là tan nát hết.

Phép làm : Trước hết sai thợ sắt đúc một bình gang tròn ước 1 thước gọi là quả mẹ, lại đúc 3 quả con mỗi quả tròn 2 tấc. Đều đúc gang mỏng. Trên miệng có nắp có đường tròn ốc để khi đậy nắp lại không bật ra được. Rồi sau nạp thuốc súng vào miệng bình. Hãy xin nói một quả. Trong lòng đựng đầy thuốc súng, xong rồi lấy nắp đậy kín miệng lại. Trước dùi một lỗ nhỏ để luồn dây ngòi vào. Dùng vỏ gai ngâm nước muối phơi khô kết thành dây và quấn ở ngoài quả nổ, hình như rắn quấn, như thế là để cho lửa không cháy vung ra. Lại lấy vỏ gai khô buộc xen vào, khiến cho lửa không tắt được. Lại lấy dây ngòi thuốc súng quấn vào toàn thân quả nổ, cuối cùng luồn đầu ngòi vào lỗ nhỏ, như thế là cốt cho nổ chậm. Lại lấy nước muối tẩm vào vỏ gai, phơi khô, quấn vào chung quanh quả nổ rất kín. Làm như thế xong rồi lại lấy dây thau nhỏ buộc chằng ở ngoài, để cho lúc bắn đi không tuột da quả nổ. Lấy mấy quả con ấy nạp vào trong bụng quả mẹ. Quả mẹ cũng làm như cách nói trên. Còn đầu dây ngòi thì nên để hở ra ngoài. Cứ thế đem quả nổ nạp vào đại bác phi thiên mà bắn thì quả nào cũng nổ.

Lời bổ chú của Kiêm-trai: Phàm mũi đồng mà bắn quả nổ, nên dùng mỡ rái cá bôi vào ngoài vỏ gang quả mẹ quả con thì càng tốt.

Bài thuốc nạp quả nổ:

Diêm tiêu 1 lạng — Lưu hoàng 1 đồng 2 phân.
Thạch tín 8 phân — Thanh gỗ dầu 1 đồng 2 phân 2 ly.
Hồ tiêu 8 phân.
Bạch chu sa 8 phân — Nao sa 8 phân.

Bài làm ngòi:

Bạch diêm 2 lạng 2 phân — Lưu hoàng 8 đồng cân.
Than gỗ dầu 1 lạng 6 đồng cân.
Giấy trắng tẩm bạch diêm đủ dùng.
(Thuốc làm ngòi điều lửa ở trên cũng thế).



3— PHÉP CHẾ YÊN CẦU (QUẢ MÙ).

Phàm khi hai bên giao chiến, trận thế tương đương ta đứng đầu gió mà thả khói phân lang thuốc độc thì địch hẳn tránh được, dù có bài thuốc thấm độc cũng không làm hại được. Cho nên tiên công có bí pháp chế ra quả mù nạp vào súng phi thiên mà bắn đến gần dinh giặc lửa nổ khói độc phát ra, giặc dù có phép độn thổ tang hình, chỉ trong khoảnh khắc đều chết cứng cả.

Phép làm: Dùng một cái bình sắt chứa thuốc độc vào, trên bình có một lỗ thông thiên 1 tấc 6 phân. Lại dùng một cái ống sắt không có đáy to 1 tấc 5 phân 3 ly, dài 3 tấc 5 phân, trong ống đựng thuốc súng, đầu ống lấy mẩu tre hay mẩu gỗ bịt lại, xong rồi đặt ống ấy vào chỗ lỗ thông thiên. Lại lấy dây ngòi thuốc xuyên ngay vào trong ống. Ngoài bình sắt bao bằng dây gai ngâm nước muối. Làm như thế xong rồi nạp bình sắt ấy vào đại bác phi thiên mà bắn. Ta đứng đầu gió mà bắn thì lửa theo ngòi thuốc mà vào trong ống, phá tung cái nút gỗ ở đầu ống ra, tự nhiên khói độc phát ra, theo gió mà đến, quân giặc chết cả.

Bài thuốc độc:

Diêm tiêu 10 lạng, — Lưu hoàng 2 lạng,
Than gỗ dầu 3 lạng, — Phân chó sói 2 lạng rưỡi,
Cứt khô 3 lạng, — Lá thiên ngải 3 lạng,
Thuốc lào 3 lạng, — Phiên tiêu 3 lạng,
Ban miêu 3 lạng, — Tiên thiên tử 2 lạng,
Thạch tín 2 lạng, — Thiên hoa phấn 5 đồng cân rưỡi.

Bài thuốc súng:

Diêm tiêu 5 đồng cân, — Lưu hoàng 3 đồng cân.
Than gỗ xoan 3 đồng 5 phân.



4— PHÉP CHẾ HỎA ĐỒNG.

Kiêm trai nói: Lúc dùng hỏa đồng thì đem hỏa đồng buộc vào miệng súng mà bắn.

Phép làm: Lấy một cái ống tre một đầu để mắt, dài 6 tấc dày 3 phân, trước tra thuốc vào dưới đáy, giọt 300 chày, lại tra thuốc phun, giọt 300 chày, xong rồi lấy lưỡi đồng nạp vào, lại lấy thuốc hỏa phấn nạp vào chỗ khe các lưỡi đồng. Rồi lấy dây tầu mã, tức là dây ngòi lửa, xuyên vào. Lại lấy giấy bồi ở ngoài ống, lại lấy dây mây chằng rất kỹ, rồi dùng dây gai mà quấn để dùng.

Bài thuốc nạp:

Diêm tiêu 10 lạng 1 đồng 5 phân,
Lưu hoàng 2 lạng, — Than gỗ dầu 2 lạng.

Bài thuốc hỏa phấn:

Diêm tiêu 1 lạng, — Lưu hoàng 1 cân 4 phân,
Than đen 1 cân 7 phân, — Nhựa thông 3 phân,
Thiết hoa 5 phân, — Bạch thảo sương (nhọ nồi) 3 phân,
Phê sương 3 phân, — Chương não 3 phân,
Ngân châu 3 phân, — Khói thông 1 lạng 3 phân.

Bài thuốc phun :

Diêm tiêu 1 lạng, Lưu hoàng 6 cân,
Than gỗ thông 5 cân Bách thảo sương 3 cân,
Thiết phấn 3 cân 5 đồng, Ngân phấn 3 cân 5 đồng.

5— PHÉP LÀM HỎA TIỄN.

Kiêm trai nói : Vì lửa dữ dội như hổ, nên gọi là hỏa hổ.

Phàm trị tướng dụng binh, việc gì cũng dự bị. Nếu không dự bị thì làm cơ trong khoảng chốc lát lấy gì mà ứng dụng. Ví dụ như lúc cướp trại giặc, vượt vòng vây, đánh giáp mặt ở đường hẹp, cùng trận ngựa liên hoàn, trận voi chắn đường nên dùng tên lửa mà đánh thì cái gì cũng tan.

Phép làm : lấy cái ống dài 6 tấc 3 phân, nhồi thuốc súng làm 3 nấc, nấc thứ nhất dày một tấc, giọt 300 chày, nấc thứ hai dày 3 tấc, giọt 300 chày, nấc thứ ba nạp tên sắt, đuôi tên có đeo sao dài 1 tấc, lại nạp thuốc 1 tấc giọt 300 chày. Xong rồi đằng sau ống sắt dùng ống tre già 5 tấc tiếp vào, lại cho ngòi thuốc xuyên vào đầu ống. Lúc dùng lấy lửa đốt đầu ngòi thì thuốc lửa cùng tên sắt tự nhiên bắn tung ra.

Bài thuốc nạp :

Diêm tiêu 10 lạng, Than đen 2 lạng,
Lưu hoàng 1 lạng 2 đồng 5 phân.

6— PHÉP CHÔN HỎA THƯƠNG DƯỚI ĐẤT.

Phàm trị tướng dùng binh, hoặc dụ giặc vào chỗ sóng hồ bày mưu mà đánh, giả cách thua chạy, đặt súng ở dưới đất để đánh bại giặc.

Phép này, dùng tre núi hoặc 100 cái, hoặc 200 cái, mỗi cái dài hơn 5 thước, miệng to 2 tấc, ba đốt trên đục thủng lỗ to, đoạn dưới để mắt, nhồi thuốc phun đầy 2 thước rưỡi còn nửa thước ở trên lại nhồi thuốc súng. Như thế xong, bên dùng ống nhỏ, ống ấy vừa bằng ruột tre, dài 3 tấc, cắm vào đầu thương làm miệng. Trên miệng lấy giấy Vĩnh-thọ cắt ra thành mảnh nhỏ rồi lấy hồ dán miệng ấy rất kín. Bên đầu thương lại dùi một lỗ nhỏ để làm chỗ dẫn lửa. Ống thương nên lấy dây mây mà quấn, lại lấy dây sắt mà bọc. Lại lấy gỗ nhỏ 2 cây, mỗi cây dài 1 thước rưỡi, đục làm giá chữ thập (+), cốt để khi chôn xuống đất thì ống thương không bật đổ. Các việc xong cả, bèn khai rãnh chữ bát (八), đem những ống hỏa thương ấy đặt xuống rãnh, cách nhau hơn 3 thước, miệng thương để lòi ra 1 tấc, còn thì chôn sâu dưới đất. Bấy giờ đến chỗ giáp rãnh chữ bát đào một hố sâu 4, 5 thước, đặt đá lửa và dao sắt, làm máy như cách đặt địa lôi. Bèn đặt ngòi dẫn lửa từ máy đá liền đến chỗ lỗ ngòi của các hỏa thương. Xong dấu vào đấy rồi, lại lấy cát cỏ phủ lên cho bằng, đừng để hở cho người biết. Rồi ta đến đánh giặc khiêu chiến, ta giả cách thua chạy, cứ nhắm chỗ ấy mà chạy. Giặc không ngờ, chạy xéo vào máy đá thì dao và đá cọ xát nhau mà nảy lửa, lửa chảy vào ngòi thông đến các ống hỏa thương hai bên thì các hỏa khí nổ bung lên. Giặc dẫu đông trăm vạn cũng đến chết cháy trong đám lửa hừng ấy.

Bài thuốc phun :

Diêm tiêu 2 lạng, Lưu hoàng 6 cân,
Than thông 5 cân, Nhọ nồi 5 cân,
Thiết phấn 3 cân 5 đồng, Yên phấn 3 cân 5 phân,
Long não 3 phân,

Bài thuốc súng :

Diêm tiêu 1 lạng, Lưu hoàng 3 phân 5 ly
Than xoan 3 phân 5 ly.

7— PHÉP HỎA TIỄN CHỨA THUỐC ĐỘC.

Phàm ít không địch được nhiều, yếu không địch được mạnh, đó là lẽ thường. Nhưng *Binh pháp* có nói : « Người đánh giỏi trước

làm thế địch không thể thắng được để chờ thế của địch mình có thể thắng ». Cho nên cầm quân 3000 người chống giặc năm dương, phỏng ở nơi đồng rộng đường dài, giặc đem cả nước sang đánh thì lấy gì mà chống được ? Nên dùng phép hỏa tiễn chứa thuốc độc :

Trước hết sai quân đào hai rãnh ở hai bên đường, sâu 4 thước 5 tấc, dài 200 bước hoặc 100 bước hay 50 bước, giữa đường lại đào một rãnh ngang để thông hai rãnh tả hữu. Lại khiến thợ sắt đúc cái bầu sắt đường kính đáy 2 thước, đường kính miệng 2 tấc 3 phân, hoặc 100 cái, hoặc 1.000 cái, hình như quả bầu. Lại làm ống sắt dài 4 thước-3 tấc, mỗi bầu 1 ống. Lấy thuốc độc nạp vào trong bầu, xong rồi lại đem ống sắt cắm vào trong bầu từ miệng đến đáy. Lại lấy thuốc súng nạp vào đầy ống sắt. Lại lấy viên bánh thuốc độc nạp lên trên thuốc súng. Lại lấy thuốc súng nạp lên trên bánh thuốc độc. Lại lấy mũi tên sắt 10 cái hoặc 100 cái hình như ngọn mác, dùng dây gai buộc làm một bó nạp lên trên thuốc súng. Lại lấy thuốc súng nhét lên trên bó mũi tên. Lại lấy viên bánh thuốc độc nhét lên trên thuốc súng. Lại nạp mũi tên lên trên thuốc súng. Lại lấy thuốc súng nhét lên trên mũi tên. Như thế 3, 4 lần, đến khi đầy ống thì thôi. Bấy giờ mới đem bầu sắt ấy để vào trong rãnh, miệng bầu hơi nghiêng trở lên, các ống đều cách nhau chừng một bước. Hai rãnh bên tả bên hữu đều đặt như thế. Rồi sau đặt máy lửa ở rãnh ngang, trên có ngòi thuốc chạy vào miệng các ống ấy để làm thế nổ liên tiếp. Lại lấy nan tre làm phên che lên trên các rãnh, phủ cát cỏ lên. Làm xong rồi, mới đi dụ giặc ra đánh nhau, giả cách thua mà chạy. Giặc thừa thế đuổi theo, đến chỗ rãnh ngang xéo phải máy lửa thì ngòi lửa cháy đến các ống mũi tên thuốc độc, thuốc súng cùng lửa đều nổ tung, dù trăm vạn quân cũng chỉ một chốc đều bị nát.

Bài thuốc bầu :

Diêm tiêu 10 lạng.

Than dầu 5 lạng.

Thạch tín 1 lạng.

Lưu hoàng 10 lạng.

Phân chó sói 2 lạng.

Hồ tiêu 2 lạng.

Dương trịnh trục, tục gọi là quả ngón vàng, 1 lạng.

Lá ngải 2 lạng.

Thiên tiên tử, tức là cà độc dược 1 lạng.

Thuốc lào 2 lạng.

Thiên hoa phấn 3 đồng cân.

Ban miêu, tức là họ đỗ đỗ dầu 1 lạng.

Các vị trên tán nhỏ ra lấy nước mủ xương rồng ngâm rồi phơi khô mà dùng.

Bài thuốc súng :

Diêm tiêu 6 lạng.

Than dầu 1 lạng.

Lưu hoàng 5 đồng cân.

Bài bánh thuốc độc :

Diêm tiêu 7 lạng 2 đồng cân, Lưu hoàng 5 đồng 8 phân, Than dầu 1 lạng, Nhựa thông 1 lạng, Băng phiến 5 đồng cân, Vôi 1 lạng, Nhọ nồi 5 đồng cân 3 ly.

Các vị trên tán nhỏ ra, trước đem nhựa thông nấu tan ra, rồi cho các vị thuốc vào, đo miệng ống mà nặn thành bánh, như bánh hương hoàn.



8 – PHÉP LÀM SÚNG GỖ.

Phàm súng đồng súng gang, người đời để biết, còn phép làm súng gỗ, chưa ai biết cả. Người làm tướng không nên không xét mà dùng.

Sai thợ mộc lấy gỗ rất bền làm thành hình súng, thành rất dày, lòng rất rộng. Phần sau ống súng ước độ 1 thước thì trong

lòng để nguyên. Bèn xẻ dọc ra làm hai mảnh. Lại lấy các thứ vôi, phân voi, mật, đất thó hòa lẫn với nhau đem bôi vào lòng súng, cốt cho trơn, xong rồi ghép hai mảnh lại thành một khẩu súng. Lại lấy vôi, nhựa trám, nhựa thông, mật, hòa lẫn nhau, gắn vào chỗ hai mảnh ghép nhau, rồi lấy dây sắt cuộn đánh đai thân súng lại cho chắc chắn. Lại xoi một lỗ cho ngòi thuốc vào. Nhồi đạn và thuốc súng vào để bắn, không khác gì súng đồng súng gang.



9– PHÉP ĐỐT ĐUỐC TRƯỚC GIÓ :

Phàm đánh trận ban đêm phải có đèn đuốc. Nếu gặp lúc gió lớn mưa to thì làm thế nào mà đốt đuốc được ? Cho nên tiên công làm phép đốt đuốc rất thần diệu. Phàm đánh trận ban đêm dẫu gặp gió bão mưa trút cũng vẫn sáng trưng, không lo tắt nữa.

Bài làm thuốc thần :

Sơn khô 2 lạng, sao qua,

Lưu hoàng 2 lạng,

Lịch thanh, tức nhựa trám 2 lạng,

Sáp ong 2 lạng,

Diêm tiêu 2 lạng,

Bột đậu đen 2 lạng.

Các vị trên tán nhỏ ra, trước đem nhựa trám nấu chảy ra cho các vị thuốc vào, lấy vải nặn thành thoi dài để vào trong ống tre, đốt ở trước gió không tắt.

Kiêm trai nói : Cách làm đèn phi thiên ngày nay cũng vẫn nên cùng dùng với đuốc này.



PHÉP LÀM ĐÈN PHI THIÊN.

Lấy giấy trắng làm lòng đèn hình như cái gàu múc nước, cao 2 thước, trên nhọn mà kín, dưới tròn mà rỗng, bề ngang hơn

1 thước, dưới đáy có vòng tròn bằng tre ; lấy dây sắt buộc như chữ thập, lấy một mớ bấc đèn tẩm dầu buộc vào chỗ dây sắt chữ thập mà đốt thì lửa đèn sinh ra gió đèn bay lên trời, theo chiều gió mà đi, sáng khắp cả bốn bề. Làm nhiều đèn ấy đốt thả lên càng tốt. Khôn khéo biết là nhường nào !

Các bí pháp hỏa công trên này cộng 9 điều thực là trí diệu của cổ nhân, người học nên để lòng học thuộc.



THIÊN THỦY CHIẾN

Cao Chiêu-dương bàn rằng : Nước là có từ thuở hồng mông (1), do khí của trời sinh ra, cho nên bảo rằng sức nó khỏe mà đi thuận chiều, người nhờ nó để sống mà nó cũng giỏi giết người, có thể chở vật mà cũng có thể lật chìm vật, từ trên cao mà chảy xuống, mạnh không cái gì bằng. Cho nên người xưa dùng nước vào việc binh, công dụng không thể kể hết. Như Hoàng đế làm thuyền, Hàn Tín theo đó mà làm chum gỗ, Chu Du theo đó mà lập thủy trận, bao cát túi cát của Gia-cát, long thăng hải nhạc (2) của Võ mục, tàu chiến bọc sắt của Vân-long, voi vôi, cọc gỗ của Hồng vũ. Nay Lộc khê làm các phép thủy võng thủy lôi, Triệu Điền làm thủy long thủy nỏ, đều theo phép đời xưa mà tiến hóa thôi. Xem như thế thì thủy chiến rất nhiều phương pháp, cốt mình khéo dùng. Cho nên *Binh pháp* nói rằng « Vận dụng khéo ở một lòng, ngồi trong màn trướng mà quyết thắng ở nghìn dặm», há chẳng đúng sao. Còn như thư sinh non mặt, tướng hèn tối dạ, khư khư câu nệ không biết biến thông, chỉ biết nước làm tắt được lửa, gió động sinh ra sóng, mà không biết cái lẽ lửa chế được nước, không gió cũng sóng, có khác gì ngồi đáy giếng xem trời, lấy bến đong nước biển, cũng như Triệu Quát (3) chỉ đọc sách của cha mà không biết thông biến, những người như thế thực là

---

(1) Thuở mới sinh ra trời đất.

(2) Dây thừng rồng và núi trong biển.

(3) Triệu Quát : Tướng nước Triệu thời Chiến quốc, dùng binh chỉ theo sách học, không biết thông biến, đánh nhau với Bạch Khởi tướng Tần, bị Bạch Khởi chôn sống bốn mươi vạn quân.

đáng thương. Cho nên tôi lược cử mấy điều biên chép thành tập này, để các bậc quân tử sau này ai học binh thư sẽ theo thời thông biến, chớ như người đánh dấu mạn thuyền tìm gươm, thế thì binh pháp của Lọc-khê may ra khỏi sai lầm.

Lê Thủ-chân nói: Tính nước mềm mà không yếu, khỏe mà không cứng, có lúc thì trăng soi trong vắt, có lúc thì nổi sóng ầm ầm, chặn lại thì lên núi, chảy xuôi thì về biển. *Mạnh tử* nói: «Như nước chảy xuống chỗ thấp không ai ngăn được». Đấy là tính của nước. Ngụy Võ hầu nói: «Núi sông vững bền, tốt lắm, đấy là của báu của nước Ngụy». Ngô hầu nói: «Ta có sông Trường-giang rất hiểm». Tuy nói như thế cũng là khá đấy, nhưng chưa bằng nhân chỗ hiểm mà đặt hiểm, đã tinh lại cầu cho tinh thêm, trong dầu nhân thế mà phóng lửa, trên gấm theo khổ mà thêm hoa, lại càng tốt hơn. Cho nên đóng cọc lòng sông, gài nỏ góc biển, lại vững chắc hơn, đặt thủy lôi đáy nước, đặt tên ngầm trong sông, lại càng hiểm lạ, há chẳng tốt sao? Lại xem như lúc Hán Quang-Vũ thua trận chạy đến sông Ô-đà, may mà băng đóng nên qua sông được, nếu băng không đóng thì làm thế nào? Cho nên đặt làm cầu phao trăm cấp. Thục Tiên chúa khi phi ngựa qua suối Đàn-Khê, nếu ngựa không nhảy sang thì làm thế nào? Cho nên làm ra phép chum đan để lội sông. Những bí pháp như các điều ấy, nếu không phải là người trí khôn cướp cơ tạo hóa thì làm thế nào được! Cho nên các phép của tiên công, so với cổ nhân tới sông đánh thủy, gặp nước bắc cầu cũng chẳng kém đâu. Học giả nên kính cẩn mà học.



1 — PHÉP LẤY NƯỚC NGỌT TRONG BIỂN.

Phàm trí tướng dụng binh, trong lúc thủy chiến thống suất hàng nghìn chiến hạm, muôn đội hùng binh, vượt biển mà đánh giặc, nhỡ ra trong quân thiếu nước ngọt thì làm thế nào? Cho nên có phép lấy nước ngọt trong biển:

Trước hết sai thợ mộc đóng một cái thùng to, cao độ 5 thước, bề to sao cho xứng, chu vi kiên cố, nước không rỉ được.

Đục 5, 6 lỗ nhỏ ở đáy thùng, lấy vải trắng lụa mới trải ở đáy thùng phía trên lỗ. Xong rồi mới ra bãi cát ven biển đào một hốc to, thấy nước trong chảy ra, uống thấy ngọt thì lấy cát chỗ ấy chứa vào trong thùng, chứa trên miệng thùng nửa thước. Lại làm một cái chậu gỗ cao ước 1 thước to bằng miệng cái thùng kia, đem chậu ấy để dưới thùng, rồi để cả vào trong thuyền. Đến khi qua biển, sai quân múc nước biển dội vào trong thùng gỗ lên trên cát; nên cho nước biển chảy dần dần xuống, chớ cho chảy mạnh, làm như cách lọc nước; như thế thì nước biển thấm xuống đáy thùng mà gạn vào chậu, tự mất vị mặn mà thành vị ngọt, không khác gì nước giếng, dùng để giải khát cho ba quân, lo gì trong biển không có nước uống!



2— PHÉP PHÁ XÍCH SẮT.

Khi chiến thuyền ta vào giang phận của giặc, bỗng gặp giặc dùng dây sắt chắn sông thì làm thế nào? Người làm tướng ngày thường nên sai thợ sắt đúc một cái thiết đề, miệng ngang rộng 2 thước, cán gỗ dài 3 thước, để ở trong chiến hạm. Khi gặp có xích sắt chắn sông thì lấy ba vị là diêm tiêu, lưu hoàng, nao sa cùng với than gỗ phóng vào trong thiết đề, thổi lửa nấu cho đỏ rực lên, đem đến chỗ xích sắt mà đốt, chốc lát xích sắt đỏ ra thì lấy búa lớn mà chặt, xích sắt phải gãy, thuyền ta thẳng tới như đi trên đất bằng, không ai ngăn được. Đấy là nghĩa hỏa khắc kim, trí tướng nên biết trước điều ấy.



3— PHÉP ĐẶT TÊN NGẦM DƯỚI NƯỚC.

Dùng cần tre cứng 100 cái hay 50 cái mỗi cần dùng một ống tre dài 1thước 5 tấc, trên có lỗ thông, dưới để mất, dưới mất để giông thừa, đục một lỗ chếnh chếch cắm đầu vào. Xong rồi, do lỗ thông ở đầu mỗi ống đều nạp tên thuốc độc cho đầy ống. Bao nhiêu cần tre đều làm như thế. Khi gần đánh nhau xét trước cửa sông chỗ nào là đường thuyền giặc đi qua thì đem cần cắm xuống nước hai

bên cửa sông. Mỗi đầu cần buộc một sợi dây gai, đuôi dây các cần buộc túm lại làm một nắm dây to, đầu nắm dây to ấy buộc ngang vào một cái gỗ dài 1,5 tấc như hình chân gà, rồi đem nắm dây to ấy kéo ghì vào sau bờ sông, như thế thì các cần tre đều cong lên như hình cung mà các tên thì hướng trở lên. Hai bên đều thế. Lại đo chính giữa cần tre ở phía ngoài cắm một cái cột ngắn ngầm dưới nước, đầu cột ấy làm cho bằng, kéo đầu nắm dây to chân gà để lên trên đầu cột ấy, lấy hòn đá lớn mà chặn, liệu chừng cho các cần tre đều cong thì tốt. Hai bên tả hữu đều thế. Lại lấy một sợi gai buộc một hòn đá lớn ở bên tả, buộc liền với một hòn ở bên hữu mà chắn ngang lòng sông, chính giữa dây gai chắn ngang ấy lại buộc một cái neo đá với những ống phao nhỏ, liệu chừng cho lềnh bềnh theo sóng, nửa chìm nửa nổi thì tốt. Nếu thuyền giặc chợt đến, theo dòng nước tiến thẳng vào sông, thì mái chèo động vào dây chắn ngang sông, mấy đá hai bên rơi xuống thì dây chân gà tuột ra, các cần tre đều bật lên mà tên ở các ống đều bắn theo nhau về một hướng.



4— PHÉP ĐÓNG CỌC LÒNG SÔNG.

Kiêm trai xét: Đời chúa Nguyễn dùng cách này của Lộc khê bắt được quân của tướng Trịnh là Gia quận công.

Cơ giữ nước tất lấy sông lớn làm hiểm. Song có sông lớn mà không chuẩn bị thì giữ thế nào? Cho nên đóng cọc lòng sông để ngăn bắt thuyền giặc, công hiệu gấp mười xích sắt chắn sông.

Nên sai ba quân chuẩn bị cột gỗ độ 200 cái (1) cũng được, đem đến cửa sông cắm xuống nước, xa gần so le, dài ngắn không đều, hình như răng chó cài nhau, để ngầm dưới mặt nước không cho lộ thấy. Thuyền giặc tiến đến thì tất bị cọc gỗ ngăn trở, dù thuyền nhẹ buồm gió tốt, ra sức mà chèo, cũng không đi được một bước.



(1) Trần Quốc Tuấn đánh quân Nguyên chôn hàng vạn cọc ở lòng sông Bạch-Đằng.

5— PHÉP DÙNG CHUM TRE CHO QUÂN SANG SÔNG (1).

Khi trí tướng đem quân đi ngầm đánh úp quân giặc, nếu gặp sông hồ ngăn trở, lại không có thuyền ghe thì làm thế nào? Vẫn phải làm những cái chum bụng to miệng nhỏ, lấy nan tre vót mỏng đan thành hình chum và lại lấy vải gai tẩm dầu cùng giấy dầu và sơn bồi ngoài chum, dút nút miệng chum lại, rồi dùng ống tre khô buộc kèm vào hai bên chum, lâm thời thì thả xuống sông, hai nách cắp mà bơi, ba quân có thể qua sông được, còn sợ gì nữa.



6— CÁCH LẤY NƯỚC LÊN NÚI.

Phàm nước chảy xuống chỗ thấp là lẽ thường, nhưng đập cho nó bắn lên thì có thể qua đầu, lấp để tức nó thì có thể lên núi. Cho nên người trí có thể làm trái cơ của tạo hóa, làm ngược tính của ngũ hành, đều có phép diệu. Ví như quân đóng ở gò cao, nước ở ngòi sâu, hay là rút quân đóng đồn ở ruộng cao, mà nước thì ở dưới thấp, thế thì dùng ống tre mà hút nước, nước tự tung lên.

Cách làm: Lấy tre làm ống dài 30 thước, hoặc 50 thước, đục bỏ các mắt đi, lại làm ống ngắn bằng nửa ống dài. Chỗ đầu hai ống giáp nhau thì cưa chéo đi. Lại đục cho hai ống ngắn cắm vào đầu ống hợp vào như hình chữ bát (八). Lại lấy vải tẩm nhựa trám bồi vào mười lần cho kín. Sau làm một cái thùng to, vuông hay tròn cũng được, giữa đáy thùng dùi một lỗ, đem ống dài cắm vào lỗ ấy cho vào trong thùng độ 2 thước, lại lấy vải tẩm nhựa trám bồi cho kín để đợi dùng. Khi dùng thì lấy nút bịt kín miệng ống ngắn lại, sai người khỏe đem cái thùng ấy úp xuống đáy nước, lấy đá chặn lên không cho nghiêng lệch, rồi mới tháo bỏ cái nút ở đầu ống ra, nước tự nhiên vọt lên. (Lại có một bản chép rằng dùng nan tre đan thành một cái bình hình như quả bầu to, bồi bằng giấy dầu, dưới đáy chừa một lỗ lớn, đem ống tre dài luồn vào đáy chừng 2 thước, lấy vải nhựa trám mà bồi cho kín để đợi dùng).

1. So với mộc anh (chum gỗ) của Hàn Tín chú thích ở đầu sách này.

7– PHÉP LÀM CẦU PHAO TRĂM CẤP.

Quân sấm (1) nói: Gặp núi mở đường, gặp sông bắc cầu. Nếu qua sông không có cầu thì làm sao qua được? Cho nên dùng phép bắc cầu phao là diệu lắm.

Cách làm: Dùng ống tre đóng một cái khung hình vuông chữ tỉnh (井) dài 8 thước, ngang 5 thước, trong khung ấy cũng dùng ống tre xếp thẳng liền nhau, lại dùng then tre nhỏ xuyên ngang cho đầy khung, lấy dây mây buộc cho chắc chắn. Ở dưới khung, bên tả treo ba cái hong bọng to, bên hữu cũng treo ba cái hong bóng to. Hai bên đầu khung trừ ống tre chừng hơn 5 tấc, đục ngang một lỗ, tả hữu đối nhau, đấy là cấp thứ nhất. Cấp thứ hai thứ ba đến thứ một trăm cũng làm như thế. Lại đặt ống dư của cấp thứ hai giáp với ống dư của cấp thứ nhất, ống dư kia ở ngoài ống dư này, ống dư này ở trong ống dư kia, lấy đanh sắt tròn to bằng ngón tay đóng suốt hai ống với nhau, chỗ đầu dư đục lỗ ngang làm chốt, lỗ tả xuyên sang hữu, lỗ hữu xuyên sang tả. Từ cấp thứ nhất đến cấp một trăm đều làm như thế. Lúc để ở quân dinh thì cấp thứ nhất để xuôi, cấp thứ hai lật ngược, cấp thứ ba lật xuôi, cấp thứ tư lật ngược, một cấp xuôi một cấp ngược, cứ thế mà để. Đến lúc dùng thì theo thứ tự ấy mà bỏ xuống nước, trăm vạn quân cũng sang sông được cả.

8– PHÉP LÀM VOI VÔI NỔI SÓNG.

Phàm binh cơ có dấu có phục. Cho nên người trí tướng trong khi thủy chiến, làm phép voi vôi nổi sóng phá giặc dễ như trở bàn tay. Xét vôi dầu không chế được nước, mà nước lại khắc vôi, cổ nhân làm trận voi vôi là bởi cớ ấy. Trận voi như bàn nhạn, hình chữ nhất (—). Voi thì đan bằng trúc, vòi ngẳng trở lên. Lại lấy vải tẩm nhựa trám cùng giấy dầu sơn khô bồi vào thân voi 7, 8 lần, rất kỹ. Rồi lấy 1.000 cân vôi tán làm bột, nạp vào bụng voi, vòi và cổ làm nút nút lại. Chân voi thì buộc đá to vào. Xong rồi buộc hai voi làm một, hoặc 30 voi hoặc 50 voi để đợi khi dùng. Phàm thấy giặc đem thủy binh đến

1. Lời cơ sấm về việc binh.

xâm lược ta, ta lập tức đem voi vôi đặt ở trên bè, trên thuyền dựng cờ như giặc, trong cờ có viết lời phản gián. Xong rồi ta đánh nhau với giặc. Giặc thấy cờ có lời phản gián, tranh đến cướp lấy. Ta sai ngay quân đun những voi vôi ấy xuống nước, tháo bỏ cái nút ở vòi voi ra, nước vào bụng voi, vôi và nước khắc nhau hóa làm sóng dữ, hơi độc xông lên, giặc hoảng hốt rối loạn, quân ta thừa thế đánh ngay, tất là phá tan được giặc.



9– PHÉP ĐẶT THỦY LÔI DƯỚI NƯỚC.

Phàm trí tướng dùng binh, phép phục địa lôi đã có, còn thuật phục thủy lôi dưới nước thì chưa thấy có. Cho nên đặt ra phép này, hoặc dụ giặc vào chỗ biển hồ sông ngòi hiểm trở mà đánh, há chẳng thành công hay sao?

Phép làm: Trước hết sai thợ mộc làm hai cái hòm gỗ, mỗi cái cao 5 thước, dài 6 thước, ngang 1 thước 5 tấc, chia làm năm tầng, rồi hợp lại làm một càng tốt. Tầng trên dùng dùi thau nhỏ và mảnh tre rắn làm máy phát động, trên máy ấy treo dao sắt như hình lá vải, dưới máy để đá lửa cùng thuốc súng, ngòi và các thứ để đốt. Tầng thứ hai để 12 súng gang, mỗi khẩu dài 5 tấc, hình như ống tre, đều bằng gang mỏng. Lại làm nút sắt 5 phân vặn tròn ốc. Khi lòng súng đã nhồi thuốc xong rồi, lấy nút sắt lấp kín cho kín miệng súng lại. Lại xuyên lỗ nhỏ để đặt ngòi. Làm thế xong rồi, bèn đặt ngang ở tầng thứ hai. Rồi lại nhồi thuốc súng vào khoảng các súng để tiện cho ngòi thuốc thấu vào. Đến tầng thứ ba cũng thế. Còn tầng thứ tư lại dùng hai cái bầu gang, trong chứa thuốc súng như cách làm hỏa cầu, ngoài bầu lấy rơm cùng nhựa trám bao lại, rồi lấy dây sắt mà buộc cho chặt. Đến tầng thứ năm thì chứa các thứ giấy bồi và bông để phòng hơi nước. Lại dùng dây thau, lấy dầu nấu cho rất mềm rồi đem buộc vào chính giữa máy. Lại xuyên lỗ nhỏ ở các tầng để luồn dây thau xuống dưới đáy hòm. Khi dùng hòm thì từ máy đá trở xuống xâu liền cả bốn tầng để ngòi thuốc đi qua suốt cả. Làm như thế xong, dùng một cái ống nhỏ dài 2 tấc ngang 3 phân tiếp vào bên ngoài đáy hòm, khiến dây thau nhỏ qua ống ấy thò xuống, buộc một hòn sắt. Chỗ dưới

ống ấy lấy vải sơn bọc lại cho kín. Lại lấy mỡ cá heo cùng mỡ rái cá bôi vào. Lại lấy đanh sắt to đóng móc cho các tầng giáp nhau. Lại dùng dây sắt vuông bốn sợi bao cả trên dưới hòm ấy ; lại dùng dây mây mà quấn. Ngoài dây sắt và bì hòm đều sơn đen và bao bằng vải trắng cùng giấy Vĩnh-thọ phết nhựa trám, khiến nước không thấm vào được. Rồi sau lại dùng dây tạm làm đai hòm, buộc hòn sắt vào hòm cho khỏi động dây làm rơi máy đá. Đáy hòm lại buộc hai sợi dây gai to, đầu hai sợi lại hợp làm một để đợi dùng. Lại đeo bong bóng to ở bốn góc đáy hòm, liệu khi đặt trong nước thì nửa chìm nửa nổi là tốt. Làm như thế xong rồi, bèn đến cửa biển, cắm hai cột gỗ rắn làm chỗ cho hòm tựa, cách mặt nước một thước rưỡi, không cho hở ra. Bèn đem hòm ấy đặt xuống nước tựa vào hai cột. Lại cắm bốn cái cột gỗ ngắn để làm giá, rồi đem hòm để trên bốn cột ấy. Trước hòm cắm hai cây cừng, đầu có bánh xe như kiểu ròng rọc. Ngoài cây ấy lại cắm một cái cột to ước thấp hơn cột có bánh xe 2 thước, đầu cột làm bằng, đặt một hòn đá to nặng độ nghìn trăm cân. Bèn lấy hai đầu dây hợp làm một ở đáy hòm đặt trên bánh xe và buộc vào hòm đá lớn làm máy. Hai bên bờ sông đều làm như thế. Rồi sau lấy dây gai nhỏ buộc bên tả bên hữu để chăng ngang qua sông và buộc vào máy đá. Làm như thế xong rồi mới cắt cái dây tạm làm đai hòm, từ từ thả những hòn sắt ra mà buông xuống đáy nước thì tự nhiên yên ổn, không sợ chạy chệch đi chỗ khác. Nếu thuyền giặc chợt đến, mái chèo động vào dây nhỏ chăng ngang sông, dây động thì hòn đá lớn lăn xuống, đá rơi xuống đáy nước thì các hòm thủy lôi nổi lên mặt nước, mà hòn sắt và dây thau chìm xuống, máy đá lửa ở trong hòm phát động thì ngòi thuốc cháy xuống các tầng, thế lửa bùng lên, sắt đá tung ra mà giặc bị cháy hết. Chính là « Muôn khoảnh thần long ngậm đáy nước, mấy đoàn quân giặc chết trong sông ».

Lại dặn rằng : Hòm thủy lôi này các tầng dưới dùi lỗ nhỏ đặt dây thau, buộc hòn sắt, cùng là việc móc các tầng bằng đinh lớn và các việc khác làm xong rồi, mới làm máy đá ở tầng trên, nhất thiết không được lay động, sợ máy đá rơi sớm thì tổn thương quân lính. Người trí tướng nên để ý làm cho cẩn thận, và đừng để tiết lậu phép diệu ấy.

Bài thuốc nạp súng nhỏ trong thủy lôi

Diêm tiêu 10 lạng,	Lưu hoàng 1 lạng 5 phân
Than dâu 5 đồng cân.	

Bài thuốc nạp vào hai bầu trong thủy lôi :

Diêm tiêu 10 lạng,	Lưu hoàng 5 đồng cân,
Than đen 5 đồng cân,	Đồng thanh 2 đồng 3 phân
Thạch châu sa 8 phân,	Thạch tín 6 phân.
Nao sa 8 phân.	

Bài thuốc ngòi:

Diêm tiêu 6 lạng,	Lưu hoàng 5 phân,
Than dâu 1 đồng cân.	

Các kỳ phương thủy chiến trên này cộng 9 điều, thực là quỉ thần không lường được. Người học binh pháp nên hết lòng mà học kỹ lấy.

Kiêm-trai xét: Năm Quang-hưng đời Lê Thế tôn, tiên công tôi là nghĩa - lộc hầu, con Bằng quận công, theo đại vương Nguyễn Hoàng đi đánh giặc Mạc ở Hải-dương, đại vương sai ông đem ba chiến thuyền lớn đi tiền phong. Họ Mạc đem vài nghìn hải phỉ đi vài trăm chiếc thuyền nhỏ xông lại khiêu chiến. Bạn ông là Đào-Duy-Từ (1) bảo ông đem ngay tre nứa rơm ra đóng làm bè to, thả ngang giữa sông, rồi thuyền ta đem súng lớn bắn theo. Thuyền giặc tới bị bè đứng trước ngăn trở, không xông lại được, bị súng của ta bắn chìm, thua chạy. Ông vì có công thắng trận ấy được phong hầu. Bèn tiến Duy-Từ cho đại vương. Duy Từ giúp đại vương làm nên bá nghiệp ở cõi Nam, (2) làm khai quốc công thần, phong Lộc-khê hầu. Mới làm sách này để dạy Chiêu-vũ. Chiêu-vũ cũng thành công thần. Việc này dẫu chỉ là việc chế biến một thời, nhưng không đánh mà người phải khuất phục, chính là việc của Lộc-khê. Nhân phụ chép vào thiên thủy chiến này, cũng đủ thấy là Lộc-khê biết dùng binh.

(1) Sách chép là Đào Sĩ Từ người Hải-dương.

(2) Bỏ hai mục « Phép đeo bùa gỗ xông ra trận » và « Bùa hộ mệnh » có tính chất mê tín

THIÊN BỘ CHIẾN

Cao Chiêu-dương nói : Điều cốt yếu về bộ chiến có 10 điều:

Một là từ chỗ cao trông xuống, có thể đánh được.

Hai là lập trại đóng dinh, phải chiếm địa lợi trước.

Ba là ở đồng bằng nội rộng thì chiếm lấy đầu gió.

Bốn là ở cửa thung lũng rừng sâu thì ra kỳ đặt phục.

Năm là ở bãi cát sông chằm, thì quay lưng nước mà nhử giặc.

Sáu là ở gò cao bằng sáng thì cướp trước đường lấy nước.

Bảy là hai bên bày trận tương đương thì cần nghiêm chỉnh trước.

Tám là giặc ở núi cao thì ngăn chặn đường nước.

Chín là giữ trước giữa bụng trong lòng địch để chia thế giặc.

Mười là giặc tự xa đến thì cắt đứt đường lương.

Mười điều cốt yếu ấy, người trí giả liệu tính. Nếu giặc ở núi cao thì ta lấp nguồn suối ; nếu giặc ở đồng rộng thì ta nắm bến đò, đã chẹt cổ họng, lại đánh ở đầu, khiến thế giặc chia đôi, đầu đuôi không cứu nhau được. Bấy giờ lấy mưu mà bắt, dễ như chẻ tre. Cho nên *Binh pháp* nói « trước làm thế địch không thể thắng được để chờ thế của địch mình có thể thắng », lời ấy thật đúng. Dẫu vậy, phương pháp cũng nhiều, nếu không có phương pháp làm sao đánh được giặc ! Cho nên người xưa đắp lũy xây thành, sửa quách đào hào, để giữ bên trong chiến xa, nhung xa, hỏa xa để giữ bên ngoài, phương pháp cũng kỹ càng chu đáo rồi. Nhưng chính lệnh thắt nút dây (1) không thể giải quyết được việc rối ren đời Tần ; nghệ thuật múa giáo mộc (2) không thể giải vây được trận Bình thành (3). Là vì thời thế thay đổi, xưa nay khác nhau. Cho nên chư công (4) đem hết sức thần, tạo nên các pháp xe kiếm, lũy sắt.

(1) Thắt nút dây : Khi chưa có văn tự, thắt nút dây để ghi nhớ công việc.

(2) Múa giáo mộc : Vua Thuấn đánh họ Hữu-miêu, múa giáo mộc ở thềm mà Hữu-miêu phục.

(3) Bình thành : Hung-nô vây Hán Cao Tổ ở Bình-thành 7 ngày. Cao tổ dùng mưu kế mới giải vây được. Bình thành tức là Bạch-đăng thành (ở núi Bạch-đăng) thuộc địa phận huyện Đại-đồng tỉnh Sơn-tây.

(4) Chư công : Chỉ các ông Lộc Khê Triệu Điền...

xe súng bắn liền, ống tên ngầm kín, thực là phát thần cơ của trời đất, tiết cốt tủy của hiền nhân, khiến cho người đời mắt thấy cơ mưu tinh diệu mà tự nhiên vui mừng múa tay múa chân lên.

Lê Thủ-chân nói : Đời xưa dụng binh cũng nhiều phương pháp, nhưng thế chẳng qua là hùng binh dũng tướng mà thôi, toàn là nhờ cờ xí che kín một trời, gươm giáo như sương lẫm liệt ; nếu đến đồng bằng nội rộng thì bày thành thế trận, gặp chỗ núi sâu hang cùng thì đặt phục đặt kỳ, đấy là lẽ thường, chưa nghe có thần cơ bí pháp gì. Đến khi nghe mấy phép lạ như phép bắn một phát mười tên nỏ của Ngọa-long (1), phép súng đồng hỏa lôi của Lưu Bá-ôn, ta đã phải than rằng : Dẫu trận rắn dài quấn đốt cũng chẳng đối địch nổi dây sắt đạn lửa. Đến như muôn đội hùm beo phục ở khoảng hang núi thì chưa bằng một người có thể bắn được vài mươi tên thuốc độc. Trải đến triều ta, anh hùng lũ lượt, thi thố kỳ tài như các phép mộc bác thần lôi làm gẫy chân tối mắt của Lộc-khê tiên sinh, các phép phục địa, phục tiễn, súng máy bắn liền của Bảo-thúc tiên sinh, các phép xe gươm súng máy của Cao-Toàn tiên sinh, càng là huyền diệu, xem các phép ấy, kém gì cổ nhân ! Cho nên tiên sinh ta nói : « Bảo thư nhược ngộ chinh tru nhật, bất qui hồ đa chỉ qui tinh » (sách báu này dùng khi đánh giặc, chẳng cần binh lắm cốt dùng tinh), lời nói ấy thực đáng tin vậy.



1— PHÉP THẦN CƠ ĐẮP LŨY TẠM.

Phàm người đánh giỏi động ở trên chín tầng trời, người giữ giỏi giấu ở dưới chín tầng đất. Nếu đến chỗ đồng rộng đường xa, vội vàng chưa có thành lũy, thì giữ làm sao được ? Chẳng gì bằng hãy làm lũy tạm mà thôi.

Cách làm : Bốn bề đều dùng gỗ to làm cột, cắm ở bên ngoài, mỗi cột cao hơn 10 thước, cách nhau 1 thước, lại đặt cây ngang ở khoảng giữa cho chắc, rồi dùng cây chuối đặt bên ngoài, lớp lớp

(1) Tức Gia-cát-Lượng.

nối nhau, san sát liền nhau, cao hơn 10 thước, dày hơn 1 thước rưỡi, như hình cái lũy. Lại lấy dây mây buộc lại cho chắc. Đó là lũy trong. Lại lấy sọt tre đựng đất xếp liền nhau cao bằng cây chuối để làm lũy giữa. Lại lấy gỗ dài nhọn 10 cây xâu liền các cây chuối sít nhau như ngón tay, mỗi một cây chuối cao 11 thước 5 tấc, trừ 1 thước 5 tấc không kể, còn 10 thước thì mỗi thước xâu cây gỗ dài ấy làm như hình bức tường. Lại sai quân lính khai rãnh ở ngoài các sọt đất sâu 1 thước 5 tấc, rộng 1 thước, rồi đem những cây chuối ấy trồng xuống, như hình cái thành để làm lũy ngoài. Lại lấy đao gươm chông đanh cắm lên trên cây chuối. Lại dùng súng gỗ, hỏa cầu, đặt liền ở trên lũy trong bằng sọt đất. Rồi mới sai quân lính cắt lượt tuần giữ để phòng hỏa chiến hỏa công. Lũy tạm làm như thế, dẫu giặc dùng súng lớn đầy sắt đến đánh cũng không phá được.



2— PHÉP CHẾ CHIẾN XA BẮN NHIỀU PHÁT.

Tôi hỏi thầy rằng: «Phàm có thể lấy ít thắng nhiều, lấy yếu địch mạnh, lấy nhỏ chế lớn, mới gọi là đánh giỏi. Nếu đương chỗ đường dài nội rộng, chiến kỳ đã gần, mà giặc đem quân trăm vạn chật núi đầy nội kéo đến, ta thì quân ít thế yếu, vội vàng chưa có phòng bị và đặt phục dùng kỳ thì làm thế nào?» Thầy nói: «Phàm quân giặc tự xa xông pha gió sương mà đến, thế hẳn nhọc mệt. Ta đem ngay phép xe súng mà chế thì dễ như trở bàn tay, có sợ gì đâu». — Tôi nói: «Xin được nghe đại lược phép ấy». Thầy nói: «Xe ấy có sáu bánh, từ trước đến sau cộng 7 thước, ngang 10 thước, ở giữa lát ván, trước xe dựng vững 20 cái cột ngắn, mỗi cột cao 1 thước 5 tấc, làm hình chữ thập. Lại chia ngang một xe làm hai ngăn, mỗi ngăn mười cột, sau mỗi cột đặt một cái ghế cao 1 thước 3 tấc. Xong rồi sai thợ đúc 2 hòm sắt, hình như cái quạt, mỗi hòm dày 3 phân dài 4 thước, rộng 1 thước, chia làm hai phần nắp và đáy; trên nắp chính giữa đục một lỗ tròn to hơn 1 tấc, liệu sao tầng nắp trên dậy vào tầng đáy dưới mà giáp nhau chính giữa thì tốt. Mặt trước hòm ở giữa chỗ nắp đáy giáp nhau đục 10 lỗ vuông, mỗi lỗ 1 tấc 3 phân, liệu nửa lỗ ở phần nắp cùng nửa lỗ ở phần

đáy hợp lại thành một lỗ thì khéo. Lại đúc cho mỗi hòm 10 cái súng sắt vuông, mỗi súng dài 4 thước, to 1 tấc 2 phân, hình vuông lòng tròn. Trước mặt hòm, mỗi lỗ xỏ một súng thẳng đến mặt sau của hòm. Liệu đặt các súng ấy cho lỗ phát hỏa liền nhau một hàng mới được. Lại lấy sắt như đanh nhét vào chỗ giữa súng nọ súng kia giáp nhau, khiến những miếng sắt cùng các súng bằng nhau thì tốt. Rồi sau đem hai hòm sắt ấy đặt lên trên hai ghế, mỗi súng gác miệng vào trên cột chữ thập. Nạp thuốc đạn, mỗi súng một liều thuốc 2 viên đạn sắt, nạp xong lại nhét thuốc súng vào chỗ lỗ phát hỏa của các súng. Đem hòm đậy kín lại, đẩy xe tiến thẳng đến trước mặt quân giặc, lấy dây lửa đốt ở lỗ trên nắp chạy thông vào trong lỗ, lỗ hỏa của súng chảy suốt vào trong lòng súng thì tự nhiên súng nổ tung đạn ra.

Xem cách làm xe này một xe 20 súng bắn, ở chỗ đồng rộng bất quá 10 xe thì dẫu giặc có trăm vạn quân, bắn một phát cũng chết hết.

Kiêm trai xét: Hai phép trên này thực có hiệu nghiệm. Trước tiên công tôi là Kết quận công ở đầu đời Quang-thiệu Lê Chiêu tôn theo quân vua đi đánh ngụy chúa là Trần Thăng ở Lạng Sơn. Tương truyền rằng lúc ấy giặc mộ quân thổ phỉ dũng cảm vài trăm kéo đến để liều chết đánh mà quân của ông đều là con em thành thị không đầy 500 người. Ông bèn sai tỳ tướng sờ trên ngực quân lính xem người nào đánh trống ngực thì cho quì xuống đất một vai vác súng sắt, một người thiện xạ đứng kèm ở bên một vai vác giáo dài, du binh thì cầm dao ngắn đứng giáp đấy, bày thành mặt trận tròn để đợi. Lúc quân giặc đến thì bị giáo dài ngăn trở, không xông vào được, quân thiện xạ đều bắn súng ra, quân giặc chết hết. Đấy tuy là việc ngày xưa, mà cũng với hai phép trên này ngấm ngầm giống nhau, nên biên vào đây để ghi hiệu nghiệm và khen tài ứng biến.



3— PHÉP XE GƯƠM PHÁ GIẶC.

Phàm tri tướng hành binh, cốt vận dụng một lòng, không để tiết lậu, cho nên tiến thì như gió, đứng thì như núi, ai động

đến là bị vỡ, phạm đến là bị cháy, đi đến đâu cũng vô địch. Như giặc ở trong thành cậy cao hiểm, hay là ở chỗ đường dài cậy sức mạnh tiến lên mà ta không phá được, thì ta dùng xe gươm để đánh.

Cách làm: Xe có bốn bánh, trước sau to đều 8 thước, ngang 6 thước, khoảng giữa lát ván, hai bên dựng hai cột cao 6 thước 5 tấc, đầu cột làm hình chữ thập. Lại lấy gỗ tròn làm ống, đường kính 1 thước, gác ngang lên đầu hai cột, lấy đanh sắt đóng vào cho chặt. Lại lấy cây gỗ rắn dài 7 thước cắm vào trong ống và lấy 1 sợi dây da thắt chặt vào cái gỗ rắn ở trong ống như hình cái dây khoan. Lại dùi hai lỗ ở hai bên cái ống luồn hai đầu dây ra cho thò xuống dưới, lấy hai cái gỗ buộc ngang như hình chữ đinh. Lại lấy hai bánh xe dày 4 tấc, mặt to 1 thước, lắp ngang vào hai đầu cái gỗ rắn, dùng đanh sắt đóng lại cho chặt. Chung quanh bánh xe đều cắm đao gươm, mỗi gươm dài 1 thước 5 tấc, dùng dây sắt buộc lại thật chặt. Lại do từ chỗ máy trong xuyên ngang ra ngoài độ 3 thước, lấy da trâu che lại, ở ngoài da trâu lại dựng một ống cao 3 thước rưỡi, lại dùng một cái gỗ rắn cắm thẳng vào trong ống, lại lấy dây da thắt lại như trên. Lại dùi một lỗ ở bên ống, đem đầu dây thừa luồn ra, lại cho xuyên qua da trâu vào đến ống ngang trong máy, đầu dây thòng xuống cũng làm hình chữ thập. Ở trên cái gỗ rắn của ống ngoài, lại đặt bằng 1 bánh xe mặt to 1 thước, lấy đanh sắt đóng vào, bốn bên cũng cắm đao gươm như ở trước. Liệu mũi gươm bánh xe ngang cách da trâu 8 tấc thì khéo. Sau xe lại có một cây gỗ thò ra để tiện đẩy xe lên. Trên xe che bằng da trâu như mái nhà để đỡ tên đạn. Khi dùng thì trước sai một người ngồi ở máy trong, ngoài cái ống máy ngang, trong cái da trâu,, cầm cái đầu dây của ống máy thẳng mà kéo cho xoay. Lại sai một người ở đằng sau xe, trên ván lát lấy hai tay kéo hai đầu dây cho chuyển động, một tiến một lui, một thuận một nghịch như cách xay lúa. Như thế thì những đao gươm hai bên và mặt trước múa rối lên, giặc không dám đến gần. Ta tiến đến dưới thành, hoặc dùng hỏa công mà đốt, hoặc dùng thang mây trèo lên, đều được như ý, lo gì thành giặc không phá nổi, hung đảng không trừ hết. Đấy là phép diệu xe gươm.

✂

4— PHÉP GÀI TÊN DƯỚI ĐẤT

Phàm đánh nhau với giặc ở chỗ đồng bằng nội rộng, cổ nhân bày thành thế trận, đó là lẽ thường, chưa phải là diệu. Nay có một cách gọi là gài tên dưới đất, rất là thần kỳ. Phép lạ ấy làm sao? Lấy tre cứng làm cần, không cứ nhiều ít. Xin lấy một cần mà nói. Trên dùng một ống tre, trên thì thông miệng, dưới thì để mắt, dưới mắt khoét một lỗ chếch để cái đầu cần tre vào, xong rồi trong ống nạp tên thuốc độc cho đầy, mỗi cần tre đều làm như thế, hoặc 50 cái hay 80 cái cũng được. Bấy giờ mới đào một cái ao như hình cái quạt, sâu nông rộng hẹp thì liệu cho vừa, đem các cần tre cắm hàng chữ nhất ở trong ao; ở đáy ao lại dựng một cây gỗ dài nhỏ làm máy, đè lên đầu các cần tre, uốn các cần tre đều cong như hình cung khiến các ống tên đều chiếu chếch lên trời. Ở trên máy ấy trồng một cột gỗ, đầu cột có bánh xe. Xong rồi lấy dây gai buộc vào giữa cây ngang máy, dẫn dây vào bánh xe đầu cột như phép ròng rọc và kéo ra đằng sau. Cách hơn 30 bước, lại đào một cái lỗ tròn, đặt tấm ván làm máy như phép thiên la áp trại (1), đem các đầu dây ấy buộc vào giữa cái máy ván rồi lấp bằng trên mặt đất đi. Rồi đem quân khiêu chiến, giả cách thua chạy, quân giặc đuổi theo thì xéo vào chỗ ván máy, ván sập thì dây gai kéo, dây gai kéo thì máy trong ao đều rời mà các cần tre đều bật lên, tên thuốc độc ở trong các ống đều bắn tung lên, quân giặc đều chết. Cho nên *Bảo thư* nói rằng «Chính phu hóa thành mo nang (bị gió thổi rơi)» là thế đấy.



5— PHÉP ỐNG TÊN DẤU HÌNH.

Một hôm tôi hỏi bạn rằng: Trước Ngọa-long (2) có phép bắn một phát mười tên, đấy là liên nỏ. Nay lấy trí khôn của chúng ta mà bắn thì một phát nó có thể bắn được mười tên không?

Bạn tôi trả lời rằng: Trí khôn của cổ nhân ta đâu dám bì. Nhưng thánh nhân có nói: Người ngu nghĩ nghìn điều hẳn cũng có một điều được. Nay tôi ngồi yên mà nghĩ được một phép diệu

(1) Thiên la áp trại: Xem ở sau.
(2) Gia-cát Lượng.

gọi là ống tên giấu hình. Phép ấy một nỏ cũng có thể bắn một phát vài chục tên.

Tôi xin được biết đại lược phép ấy.

Bạn nói : Phép này nên dùng tre núi làm một cái ống dài 5 thước 5 tấc, trên đầu ống làm miệng, dưới ống để mắt, dưới mắt để lại thừa độ hơn 2 tấc. Lại đo tự chỗ mắt để trở xuống cách 1 tấc dùi ngang một lỗ. Lại đo tự lỗ ấy trở xuống 1 tấc, nửa trên để vậy, nửa dưới cắt hai bên đi, chỗ cắt thì đóng hai cái danh thau như hình chữ nhị (二). Xong rồi, bèn làm một cái nỏ to thật khỏe, trước lấy dây nỏ buộc vào đầu cánh bên tả của nỏ, dây dư thì luồn qua lỗ ngang dưới ống tên, rồi đem dây buộc sang cánh bên hữu của nỏ. Xong rồi, làm một cái giá gỗ như hình chữ tỉnh (井), giữa giá dựng một cái cột cao 1 thước 1 tấc, có bốn bánh xe để tiện xoay chuyển mà bắn. Lúc dùng thì đem nỏ ấy để lên đầu cột ở giữa cái giá, lấy dây mây buộc cho chắc, rồi sau cho người kéo dây nỏ giương lên, mà đem hai danh thau ở đằng sau ống tên cắm vào máy nỏ, xong rồi nạp tên thuốc độc vào ống ấy cho đầy ống, để mũi tên thò ra ngoài miệng ống 1 tấc làm cữ. Lại ở dưới máy nỏ buộc một sợi dây gai giữ lấy để dùng. Lúc dùng thì sai người kéo cái dây gai, dây gai động thì máy nỏ bật lên mà dây nỏ ống tên đều phát, các tên trong ống đều nhân sức bắn của ống tên mà bắn tung ra bốn mặt, quân giặc chống sao cho nổi !



6— PHÉP NẤU CƠM Ở ĐẦU NGỰA.

Phàm thiên mấy việc binh quí hồ nhanh chóng, cho nên cổ nhân nói : Canh ba nấu cơm, canh năm quân trẩy. Nếu gặp việc cần phải đi tự canh đầu, chưa kịp nấu cơm thì làm thế nào ? Cho nên đặt ra phép nấu cơm ở đầu ngựa.

Cách làm : Trước khi sai lính kỵ mà hoặc 200 hoặc 300 người, làm sẵn 200, 300 đoạn ống tre tươi lớn. Hãy nói một đoạn : dài từ 3 đốt, đốt thứ nhất làm có miệng, để hoàn toàn, đốt dưới dẽo nhỏ cho tiện cầm ; lấy gạo nước đo đốt trên đổ vào ống tre, lấy gỗ nút miệng lại. Dùng một bó đuốc. Các ống khác

cũng làm như thế. Bấy giờ mới truyền lệnh cho 300 người lên ngựa, binh khí treo ở yên ngựa, mỗi người một tay cầm ống gạo một tay cầm bó đuốc vào ống gạo. Ống ấy cháy thì cơm chín. 300 kỵ binh đều no, hăng hái thêm lên, gặp giặc thì đánh, ai chống cự được !

Kiém-trai xét : Đây là phép nấu cơm của Liễu quân sư truyền lại. Nhưng trước tiên công tôi là Bảng quận công theo Lê Trang tôn ở sông Mã, đi ngầm đường núi, không có nước sôi, ông sai quân lính lấy ống tre non cho gạo vào lấy lửa đốt, tự nhiên nước trong ống tre sôi lên mà thành cơm (1). Khát thì bẻ cành trám mà uống.



7— PHÉP THUỐC TIÊN CHỊU ĐÓI (2).

Bài thuốc *Tô sư ứng cơ đơn.*

Đào nhân 4 lạng.

Cam thảo 1 cân.

Đỗ trọng 4 lạng.

Bạc hà 4 lạng.

Hạnh nhân 1 cân (nấu chín bỏ vỏ và đầu nhọn).

Tiểu hồi 4 lạng sao chín.

Phục linh 4 lạng.

Cát cánh 3 lạng.

Các vị trên này tán nhỏ trộn cho đều, mỗi lần dùng một nhúm ngậm ở trong miệng, gặp các lá cây cỏ như lá thông lá bách lấy nhai ngậm cho hóa ra nước mà nuốt với thuốc này thì nhan sắc như cũ, khí lực không kém, thực là thuốc tiên.

Bài thuốc : ***Thần tiên sung phúc đơn :***

Hạt vừng đen 1 cân.

(1) Đây là phép nấu cơm lam của người miền núi.

(2) Đoạn đầu mục này nói việc Đỗ Phục-uy gặp tiên được truyền hai bài thuốc tiên, chúng tôi bỏ không dịch.

Đậu đen 1 cân.

Long cốt 5 đồng cân.

Ô đầu 1 đồng cân.

Táo hồng 1 cân.

Xích thạch chi 5 đồng cân.

Phòng phong 5 đồng cân.

Các vị trên này tán nhỏ ra, luyện mật làm hoàn to bằng viên đạn, lấy chu sa làm áo, mỗi lần dùng một viên, uống nước lã tống xuống, được một ngày không đói, thực là bài thuốc lạ.

Lại một bài nữa :

Táo hồng 1 cân.

Vừng đen 1 cân.

Nhân sâm 1 cân.

Đều tán nhỏ, luyện mật, viên to bằng viên đạn.

Kiếm trai-nọi. – Hai bài thuốc trên này khí vị bình hòa, đều là ôn bổ, châm chước dần làm một bài thuốc càng tốt.

8 PHÉP THANG HAI TẦNG.

Phàm dùng binh lên núi qua sông, vượt nơi nguy hiểm, đều cần chuẩn bị đầy đủ. Như giặc ở trong trại, thành cao vài trượng thì dùng cách gì để trèo vào thành ?

Cách làm : Làm hai tầng thang, tầng thứ nhất dài 30 thước, ngang 4 thước, tầng thứ hai cũng dài 30 thước, ngang 3 thước 5 tấc. Trước đặt thang tầng thứ hai vào trong thang tầng thứ nhất, đầu thang dùng gỗ rắn làm then ngang nối hai thang làm một, ở dưới thang tầng thứ hai đóng móc sắt. Khi muốn lên thành đem hai thang giáp làm một bắc lên thành, trèo lên thang tầng thứ nhất, lên đến đầu thang thì đem thang tầng thứ hai vắt lên trên thành, đem móc sắt ở đầu thang móc vào đầu thành, quân lính lần vào mà lên. Thế là lên được thành.

9 – PHÉP SÚNG BẮN ĐỔ NÚI.

Phàm người đánh giỏi có thể lấy ít mà địch nhiều, lấy yếu mà địch mạnh. Ví như ở chỗ đồng bằng nội rộng, quân giặc trăm vạn như sóng cuộn biển sôi mà đến, thì nên dùng súng này mà bắn, giặc tất tan gãy.

Cách làm : Trước hết làm ba khẩu súng to, mỗi khẩu trước lấy gỗ nhỏ bó làm một bó to 2 thước dài 6 thước để làm cái cốt súng. Lại lấy gỗ rắn to 2 thước dài 5 thước 5 tấc, trên bằng dưới nhọn, đặt vào sau cái cốt để làm đáy súng. Lại lấy rơm trấu, phân voi trộn vào đất gan trâu, luyện thành bùn để bọc ngoài cốt súng và đáy súng dày 3 tấc. Lại lấy da trâu bao kín ngoài đất, lấy dây gai buộc lại cho chặt. Lại lấy đất luyện nhỏ trước đắp vào bên ngoài da trâu, dày 2 tấc. Lại lấy thanh tre đặt thẳng ở ngoài lần đất, ghép liền cho kín, ngoài lấy dây sắt mà buộc. Xong rồi, mới lấy cái cốt ra. Lại lấy dùi sắt dùi lỗ, cho ống sắt nhỏ vào để làm lỗ ngòi. Ba khẩu súng đều làm như thế. Xong rồi, sai thợ làm đạn dây sắt,. mỗi viên đạn đường kính 1 thước 5 tấc 5 phân, cưa làm hai mảnh, mỗi mảnh đục bỏ ruột sắt đi bằng cái chén, chính giữa dùi một lỗ, lấy dây sắt mà buộc, tả chẳng sang hữu, hữu chẳng sang tả, rồi đem dây sắt vặn lại thành một khối để vào trong lòng hai mảnh, sao cho hai mảnh hợp lại thành một hòn đạn thì tốt. Bấy giờ mới lấy thuốc súng nạp vào dưới đáy súng, lại lấy đạn dây sắt nạp vào trên thuốc súng. Ba khẩu súng đều làm như thế.

Lại như khẩu súng giữa, nên lấy ống gang tròn nạp vào ở trên đạn dây sắt. Phép làm ống gang có bốn hạng. Cái ống mẹ lớn dài 2 thước, to 1 thước 8 tấc, dày 1 phân; ống mẹ nhỏ dài 1 thước 8 phân, to 1 thước 7 tấc, dày 1 phân, ống con lớn dài 1 thước 5 tấc, to 1 thước 6 tấc, dài 1 phân, ống con nhỏ dài 1 thước 4 tấc, to 1 thước 5 tấc, dày 1 phân. Bốn ống đều có nắp trên ốc, *ở dưới* có đáy bằng. Trước đem ống con nhỏ nhồi thuốc súng vào, xoáy nắp tròn ốc, nạp vào trong ống con lớn ; lại nhồi thuốc súng vào trong ống con lớn ngoài ống con nhỏ, cũng xoáy nắp tròn ốc lại ; lại nạp ống con lớn vào trong ống mẹ nhỏ, cũng nạp thuốc súng và xoáy nắp như trước; lại đem ống mẹ nhỏ nạp vào trong ống mẹ lớn, cũng nạp thuốc súng và xoáy nắp lại. Xong tất cả rồi lại lấy dùi sắt dùi

một lỗ tự ngoài ống mẹ lớn thẳng suốt vào các ống con, để làm lỗ ngòi, lại lấy dây ngòi thuốc luồn vào, cái đầu thừa của ngòi thuốc quấn vào quanh mình ống mẹ lớn. Lại lấy dây gai buộc 3, 4 lần. Lại lấy bẹ chuối tươi buộc vào ngoài da gai, rồi đem đuôi ngòi thuốc xuyên ra ngoài để chờ đồ dẫn hỏa chuyền vào, rồi nạp vào trong lòng súng ở trên đan dây sắt. Lại lấy vải giấy bọc một bao đạn nhỏ để lên trên các ống sắt. Đấy là cách làm khẩu súng giữa. Còn hai khẩu súng bên tả bên hữu thì nên dùng tên sắt dài 2 thước, lấy dây da nhỏ buộc thành một bó để vào trên đan dây sắt. Xong rồi thì ngoài ba khẩu súng ấy dựng hai cột ở hai bên tả hữu, mỗi cột cao quá thân khẩu súng 1 thước, đầu mỗi cột dùi ngang một lỗ rộng 2 tấc, tả hữu đối nhau. Lại lấy hai mảnh gỗ giáp lại làm một to độ 1 tấc hơn, cài vào lỗ hai đầu cột ở trên ba khẩu súng, ở giữa hai mảnh gỗ giáp nhau lại ghép ba miếng gỗ nhỏ, ngay vào ba lỗ phát hỏa của ba khẩu súng thì tốt. Mỗi đầu mảnh gỗ lại buộc một sợi dây to, rồi sau lấy ba sợi dây gai buộc vào miếng gỗ nhỏ, đuôi dây hợp lại làm một. Khi muốn bắn thì rút dây ấy xuống, tự nhiên cả ba khẩu súng đều nổ. Giặc dầu có phép tàng hình độn thổ cũng trở thành người dưới suối vàng mà thôi.

11 điều (1) bộ chiến trên này thực là phép diệu xuất quỉ nhập thần, có cơ quỉ thần bất trắc. Vận dụng máy thiêng, phát minh những điều bảo thư chưa phát, bí tàng trời đất, truyền lại những thuật lạ của linh quỉ còn truyền. Người học nên hết lòng vào đấy.

❖

THIÊN THỦ TRẠI

Cao Chiêu-dương nói: Phàm điều cốt yếu trong phép lập trại, trước hết phải tìm địa lợi. Cho nên người trí tướng dựa núi chia nước, bốn mặt thông nhau, trước có bình dương (2), sau có gò cao, để tiện trông nhìn, núi bên tả quanh ôm để tiện phục binh, nước bên

(1) Đã bỏ đi 2 điều, chỉ còn 9 điều.
(2) Nơi bằng phẳng sáng sủa.

hữu thông dòng để tiện vận lương. Nếu không được địa hình như thế, mà ở chỗ đồng rộng thì chiếu theo bát quái mà đặt tám cửa, theo ngũ hành mà lập năm trại, trong mỗi trại đều có phương pháp. Vậy nên người xưa chế các thuật thang mây, gỗ gạc nai, bàn chông, nữ tường, cầu treo, rừng sói (1), thực đã kỹ càng. Nhưng ngoài phép vẫn có kẻ gian, trong thuật vẫn có họa ngầm, cũng chưa được hoàn thiện. Cho nên các ông Lộc-khê, Triệu Điền triều lại đặt ra các phép thần nỏ, bình đỉnh, súng đồng, trải đúc, những phép ấy thực là tài giỏi, người xưa chưa có. Đến nay bọn chúng tôi trộm lấy súng thừa ở biển cả, sao dò ở núi Thái-sơn, lòng nghĩ rằng không gặp gốc rắn thì sao biết được dao rìu là sắc, cho nên trổ hết tài tầm thường mà chế ra các phép máy để giữ lũy, lưới trời yểm trại (2), cũng là các phép nỏ cứng phòng gian, dây tích trói giặc, có khác gì cá nhỏ khoe tài với cá kình, chim oanh khoe tài với chim bằng. Tuy nhiên gặp việc nên làm không phải nhường thầy, người ngu há chẳng có một điều nghĩ được, cho nên đem hết bình sinh mà chế ra các phép này, còn phẩm đề thì xin đợi các bậc quân tử xét.

Lê Thủ-chân nói: Kết trại đặt dinh tất phải xem địa lợi, hoặc dựa núi dựa hang, hoặc giữ hiểm nhân ghềnh, hoặc theo bát quái mà lập tám cửa, hoặc xem ngũ hành mà lập năm trại, đấy là do người trí tướng liệu định. Cổ thi có câu:

Trường sà bàn khúc chuyển sơn bài,
Điệp điệp vân đồn thứ đệ khai.
Đãn khán quân dinh tăng tạo hóa,
Thử vi thiên hạ đại kỳ tài.

(Rắn dài cuộn khúc chuyển non bày; San sát vân đồn thứ tự khai. Chỉ xét quân dinh tăng tạo hóa. Ấy là thiên hạ đại kỳ tài).

Tuy nhiên như vậy, lúc ở yên phải nghĩ đến lúc nguy. Giặc biến trá nhiều cách, không thể lường được, hoặc gian nhân thích khách ngầm đến, hoặc nhân đêm mà cướp trại đánh dinh. Cho nên trí tướng đời xưa ngồi trong trướng xem hướng gió thổi mà tính trước, đặt phục xuất kỳ, đấy là phương lược của cổ nhân.

(1) Về các vật này xin xem **Binh thư yếu lược**.
(2) Chỗ bản là "thiên la yểm trại".

Đến Lộc-khê tiên sinh thì không xem hướng gió, không đặt phục binh. Phàm nơi đóng trại đều rào chông chà, treo bàn chông, rắc gai góc, gài tật lê, ngầm để trúc lôi (1) cẩn thận như thế, giặc dẫu có cánh cũng chẳng bay đến được. Song bọn chúng tôi tưởng nắm được di chỉ của cổ nhân, theo được thần cơ của tiên giác, còn sợ chưa được tinh mật, cho nên đặt ra các phép nỏ thần giữ trại, và phép đặt chữ đinh ở thủy trại, chưa bằng tiền nhân nhưng công dụng cũng có bổ ích một chút.

1 — PHÉP MÁY ĐÁ GIỮ TRẠI.

Phàm phép giữ rất khó, cho nên cổ nhân dùng đủ các thứ răng sói, bàn chông, hỏa tiễn, hỏa công để phòng bị. Nhưng các phép ấy dẫu hay mà công dụng cũng khó, cho nên Lộc-khê tiên sinh chế ra phép máy đá giấu lửa để giữ thành lũy, giặc có quân trăm vạn, bắc thang cao mà trèo lên cũng đều thịt nát xương tan, còn lo gì nó đục thành nữa.

Cách làm : Bốn mặt lũy, trên đầu lũy bên ngoài tầu cũng dựng liền hai cột nhỏ dài 5 tấc, cách nhau hơn 30 thước, lại dùng gỗ rắn dài hơn 30 thước, rộng 4 thước, bốn góc đều có vòng sắt. Trước đem vòng sắt của hai góc ván ấy treo lên cột ngắn trên lũy, còn hai góc mé ngoài thì bỏ xuống. Lại dựng một cái cột ở trong lũy, cao hơn lũy 3 thước, đầu cột đặt bánh xe làm thành ròng rọc. Lại lấy dây mây buộc vòng sắt hai góc bên ngoài của tấm ván, dây góc bên tả chẳng sang góc bên hữu. Xong rồi lại dùng một dây buộc vào giữa dây hai góc dắt vào trong lũy để lên trên cái ròng rọc ở đầu cột cao, đầu dây buộc chặt vào dưới chân cột. Rồi đem đá to đặt chồng chất trên tấm ván. Bốn mặt lũy đều làm như thế. Nếu quân giặc bắc thang mây trèo thành mà lên, hay là nó đào lũy phá thành, thì ta lập tức cắt đứt cái dây ở chân cột, tấm ván nghiêng ra mà đá đổ xuống cả.

Lại sai quân đào một hố vuông vức 4 thước ở bên trong chỗ gần lũy, xong rồi, lại lấy da lợn rừng sống phơi khô làm gối cho lính nằm ở trong hố ấy để nghe xem giặc có đào hang dưới đất hay không. Phép này thực là thần diệu.

(1) Trúc lôi : Địa lôi bằng tre.

2— PHÉP NỎ THẦN GIỮ TRẠI.

Đại-tướng trước hết phải bảo trọng thân mình. Nếu không như thế, thẳng hoặc kẻ gian lẻn vào được mà làm hại thì Nhà nước cậy vào đâu, xã tắc dựa vào đâu ? Cho nên làm tướng ngày thì nghiêm lệnh như Chu Á-phu (1), đêm thì phòng gian như Trịnh tử (2), mà còn làm sự lo sợ ngay ngáy nơm nớp, há dám ngủ kỹ cậy mạnh mà coi thường tính mệnh đâu ! Cho nên Lộc-khê tiên sinh chế ra phép đặt máy nỏ giữ trại. Giả sử Kinh-Kha (3) sống lại Nhiếp Chính (4) phục sinh, cũng chỉ làm người dưới suối vàng mà thôi, còn cậy gì về dao găm mũi nhọn nữa !

Cách làm : Dùng một cái nỏ lớn, xoi rãnh đặt ba tên, dưới nỏ ở chính giữa lại làm một lỗ tròn to hơn 1 tấc. Lại dựng một cột gỗ ở cửa trại, gần chỗ hổ môn (5), đầu cột đóng một cốt sắt tròn đóng vào 5 phân, cao hơn đầu cột 2 tấc. Rồi đem lỗ tròn dưới nỏ lồng vào cột sắt ấy, để tiện xoay chuyển. Đầu nỏ làm một cái vòng thau. Lại lấy hai sợi dây tơ nhỏ, một sợi giăng buộc vòng thau vào cái bạo cửa bên tả, một sợi giăng buộc vào bạo cửa bên hữu, tạm thắt lại như cách thắt giải áo. Lại dùi đằng sau nỏ một lỗ chếch, lấy gỗ nhỏ cắm vào, nửa ở dưới nỏ nửa ở trên nỏ để làm máy nỏ. Lại lấy một miếng gỗ đỡ ở đầu dưới máy nỏ ấy tạm cài vào bên cột máy. Rồi sau giương giây nỏ đặt vào trên máy, bên trên đặt ba tên để đợi dùng. Nếu kẻ gian vô ý xông vào, động phải dây tơ, nỏ tự xoay chuyển, rơi cái gỗ đỡ, dây nỏ bật lên, tên nỏ bắn ra.

3— PHÉP DÂY TIÊN TRÓI GIẶC.

Phàm đêm trong dinh phải có cách phòng gian ; cách nào nên làm trước ? Nên dùng dây tiên trói giặc.

(1) Chu Á-phu : Tướng đời Hán Văn đế, rất nghiêm quân lệnh, vua đến cũng không cho vào và nói rằng trong quân chỉ biết lệnh của tướng.

(2) Trịnh tử : Trịnh Tử Sản, trước khi đem quân đi đánh giặc đặt người canh cửa giữ các quan, giữ các phủ khố cẩn thận rồi mới đem quân đi.

(3) Kinh Kha : Dũng sĩ nước Yên cầm dao găm vào điện vua Tần, suýt nữa đâm được Tần vương (Tần Thủy Hoàng).

(4) Nhiếp Chính : Dũng sĩ người ấp Chỉ cầm gươm đâm chết tướng nước Hàn là Hiệp lũy, báo thù cho Nghiêm Trọng tử.

(5) Hổ môn : Chỗ cửa đêm đi lại vẽ hình con hổ để tỏ uy mãnh.

Cách làm : Trước dựng hai cái cột lớn ở hai bên cửa trướng, hai bên cột treo hai cái đèn đỏ, bấc đèn tẩm các thứ diêm tiêu lưu hoàng. Lại lấy dây mây chăng ngang hai cột, cột bên tả buộc sang bên hữu, cột bên hữu buộc sang bên tả. Lại lấy hai miếng gỗ rắn cài vào trên dây mây, liệu cách cột mỗi bên 3 thước hai bên đều thế. Lại sai hai người khỏe vặn hai miếng gỗ vài mươi lần rất chặt. Treo chuông đồng ở đầu hai miếng gỗ ấy. Lại lấy hai sợi dây gai buộc hai miếng gỗ ấy kéo ra ngoài cửa, làm phép máy động như phép binh đinh. Xong rồi, lại lấy một thanh gỗ rắn cắm ngang vào hai đầu miếng gỗ. Lại lấy một sợ dây da trâu buộc vào giữa thanh gỗ ngang ấy treo xuống làm một cái vòng to, liệu chừng cái máy phát động vừa đúng vào giữa vòng ấy thì khéo. Lại đào lỗ ở trong vòng ấy làm máy phát hỏa, trong máy có ngòi thuốc ngầm thông đến đèn đỏ hai bên, để đợi dùng. Nếu có kẻ gian vô ý bước vào vòng ấy, động vào máy thì hai miếng gỗ chuyển ngược, chuông đồng kêu vang lên đèn đỏ bật sáng lên, kẻ gian sẽ bị trói ngay.

Kiêm trai xét : Phép này làm như phép binh đinh. Nhưng phép binh đinh thất truyền, không thể hiểu được. Cứ ý tôi nghĩ : nên đem hai dây gai buộc hai miếng gỗ kéo ra ngoài cửa hợp làm một dây, đầu dây thò xuống buộc vào miếng gỗ ngang nhỏ dài 2 tấc như chữ đinh « 丁 », lại đào lỗ dưới đất, lấy ván dùi hổng đặt trên miệng lỗ, lấy gỗ nhỏ buộc đầu dây đặt xuống dưới lỗ hổng của ván. Lại lấy gạch đá chặn bên tấm ván ấy, lấy đất cát rải bằng trên mặt. Dây da trâu thì dùng vòng sắt tròn bề kính 5 phân buộc vào đầu dây, lại một đầu luồn vào vòng sắt rồi mới đem buộc vào gỗ ngang trên máy. Cái đầu dây buộc vòng sắt còn thừa rủ xuống, nên dẫn chạy vòng quanh làm vòng tròn to, chạy bên ngoài quanh cái lỗ đặt máy.

❁

4— PHÉP NỎ KHỎE PHÒNG GIAN.

Phàm tri trướng lập dinh đóng trại tất phải chuẩn bị trước để phòng kẻ gian tế. Như trong cửa dinh nên làm một cái nỏ khỏe, sai thợ xoi ba lòng bắn được ba tên. Rồi sau dựng giá gỗ cao 3 thước, đặt nỏ lên trên, buộc lại cho chặt. Đằng sau lại dựng một cái cao 2 thước 5 tấc, đầu cột làm bánh xe như ròng rọc. Lại ở trước cái giá gỗ ở cách hơn 10 bước đào một lỗ sâu 1 thước hơn, trên nhỏ dưới to, mặt lỗ ấy làm máy đặt một tấm ván tròn ở trên, rải đất cát cho bằng, không để lộ ra. Làm như thế xong rồi, bèn giương dây nỏ lên máy, đặt ba tên nỏ thần, mũi tên tẩm thuốc độc. Lại lấy một sợi dây gai nhỏ buộc ở máy nỏ, đem dây ấy gác lên bánh xe, rồi kéo ra trước nỏ, buộc vào tấm ván tròn. Nếu trong đêm tối thích khách của giặc lẻn đến, chân xéo lầm vào tấm ván tròn ở trên miệng lỗ, ván ấy rơi vào trong lỗ thì sợi dây động, tên đều bắn ra, trúng là chết.

Bài thuốc độc tẩm tên.

Nhựa cây thấu cốt (tục gọi là nhựa cây cộng). Ban miêu, Từ thạch (đá nam châm), Điền cơ (tục gọi là khoai dại).

Các vị trên giã riêng ra trữ cả vào trong ống tre, rồi đem tên nỏ bỏ vào ống tre ngâm 3 tháng 10 ngày

❧

5— PHÉP LƯỚI TRỜI YỂM TRẠI.

Trước tôi từng hỏi thầy rằng : *Binh pháp* có nói «Người đánh giỏi trước giả làm yếu, sau tỏ là mạnh, khiến người đến mà không để người khiến mình đến» là nghĩa thế nào?» Thầy nói: «Lấy nhàn mà đợi nhọc, gọi là ứng binh, thừa thắng mà đánh, gọi là kiêu binh. Ứng binh thì được, kiêu binh thì thua. Cho nên ta trước giả làm yếu là muốn làm cho giặc kiêu, sau tỏ sức mạnh là để hoàn toàn nắm sự thắng về ta». Tôi nói: Kế ấy làm thế nào? » Thầy nói: «Lấy lợi mà nhử họ, gọi là dụ giặc, lấy kế mà đánh úp, gọi là đặt kỳ. Lấy quân giặc tham lợi mà địch với mưu đặt kỳ, khác gì đàn dê đánh nhau với hổ dữ, không được là rõ ràng lắm, còn phải nói gì. Ví như quân giặc mới đến, khiêu chiến ta, ta nên yên quân không động, đợi khi nhuệ khí của giặc hơi suy, rồi ta ra quân giao chiến, giả cách thua mà chạy, bỏ cả trại sách. Quân giặc tất đuổi theo tranh cướp lấy trại, khi giặc hẳn kiêu, ta lại ra quân khiêu chiến làm cho nó tức, đợi đến lúc đánh đương say, ta lại từ từ mà lui,

giặc tất cho ta là nhát, rồi chạy suốt vào trại thiên la. Ta đánh phá giặc dễ như lấy đồ trong túi.

Tôi lại hỏi:«Phép thiên la thế nào?»

Thầy nói:«Phép làm, trước lấy dây gai đan làm lưới to, bốn mặt đều có mảnh tre làm nẹp, bốn góc đều có vòng sắt, mỗi vòng đường kính 2 tấc. Lại đo bốn bên lưới ấy, chia trên đất làm bốn góc, mỗi góc đóng hai cái cọc, mỗi cọc cao 2 thước, cách nhau 1 thước, đầu cọc đục suốt một lỗ tròn to 2 tấc 5 phân, 2 lỗ ở hai cọc đối nhau ; bốn góc đều thế. Lại dùng gỗ đẽo làm bốn cái cột neo, mỗi cái dài 8 thước, cái neo một đầu dùng cốt sắt to 1 tấc 9 phân đóng thẳng vào, một đầu dùi ngang một lỗ to 2 tấc. Lại có một thanh gỗ rắn dài 1 thước 6 tấc, to 1 tấc 9 phân. Bốn góc đều làm đủ như thế. Đến khi dùng, trước hết đem cái neo ấy để ở quãng giữa hai cái cọc, lấy thanh gỗ rắn cắm vào như hình chàng xay. Lại lấy cán gỗ đầu neo cắm vào vòng sắt bốn mặt lưới, giương lưới lên cao. Lại dùng bốn cái cây nống, nống bốn cái neo lên. Xong rồi lại lấy bốn sợi dây buộc vào chân cái cây nống kéo ra. Xong rồi, lại lấy một mảnh ván vuông 2 thước, bốn góc ván ấy dùi 2 lỗ, lại sai người đào ở chính giữa một cái hố vuông sâu 2 thước, trên nhỏ dưới to, đem mảnh ván vuông ấy đặt lên trên hố, rồi kéo dây ấy buộc vào lỗ ở bốn góc ván vuông ấy. Trên lưới treo các thứ dao, thương tên, đá, ngoài lưới làm sẵn nhà sắt đỏ như kiểu nhà trại. Nhử giặc đến đấy, quân giặc tham lợi, không ngờ tranh nhau cướp trại, xéo vào ván vuông sập xuống, dây giật cây nống bốn mặt đổ xuống, mà lưới sập chụp hết.



6— PHÉP CHỮ ĐINH GIỮ THỦY TRẠI.

Phàm khi thủy chiến, dùng chiến thuyền kết làm thủy trại, ban đêm ngủ phải có cách phòng gian, nếu không phòng gian thì không phải là trí tướng. Muốn phòng gian phải làm phép đặt chuông.

Cách làm : ở giữa sông dựng hai cái cột cao 4 thước, cách nhau 10 thước, đầu cột gác một cái gỗ ngang làm chữ đinh (丁), hai cột đều thế. Hai bên cái gỗ ngang của mỗi cột treo hai cái thanh la đồng. Đó là phép cột chữ đinh ngang sông.

Lại đi từ hai cột ấy ra ngoài 10 thước, bên tả bên hữu cũng dựng hai cột chữ đinh, cũng treo thanh la như trước (Cộng thanh la ngang sông và hai bên tả hữu là 8 cái). Trước mỗi thanh la dựng một cần tre cao vừa đến chính giữa thanh la, ở dưới mỗi cần tre trong đáy nước đều đóng cọc ngắn, đầu cọc làm bằng. Rồi buộc dây gai vào mỗi đầu cành tre, đầu dây lại buộc vào cái gỗ ngang. Lại đem cần tre kéo xuống uốn thành hình cung, đặt trên đầu cọc bằng, lấy đá đè lên; tám cọc đều thế. Mỗi hòn đá lại buộc bằng dây gai, đầu các dây gai ấy hợp làm một, lại dùng một sợi dây gai dài 100 bước hay 50 bước buộc vào hòn đá, kéo ra bên ngoài mà chăng ngang sông. Nếu có thuyền giặc ban đêm lên vào thủy trại, mái chèo động vào dây chăng ngang sông thì các hòn đá ở đầu cọc đều rơi xuống mà cần tre đều đập vào thanh la kêu vang lên thì ta biết ngay. Đó là phép đặt chữ đinh giữ thủy trại.



7 – PHÉP LÀM CỜ XEM HƯỚNG GIÓ.

Gió là hiệu lệnh của trời, cho nên biết xem gió thì điều hay biết trước và điều không hay cũng biết trước. Như sắp hành binh mà không biết xem hướng gió thì biết đâu lành dữ mà làm theo hay tránh đi. Muốn xem hướng gió thì trước làm cờ xem gió.

Cách làm : Ngoài cửa trại, dựng một cái cột cao vài mươi thước trên đầu cột đặt một cái bánh xe cùng một con diều bằng gỗ, có cái cờ nhỏ như hình đầu cột buồm. Lại lấy mười cân lông đuôi gà kết làm một sợi dây dài bằng cái cột, buộc vào sau đuôi diều gỗ, đầu dây, thò xuống; lại lấy lông ngan kết làm một búp như hình hoa cúc; lại lấy một sợi dây gai nhỏ bằng sợi dây lông ấy buộc vào đầu mỏ diều gỗ, đầu dây thò xuống buộc một hòn sắt, để xem hướng gió. Nếu có gió thì con diều gỗ chuyển động theo mà dây lông bay lên. Muốn biết hướng gió thì dùng một sợi dây tơ nhỏ buộc vào dưới búp lông hoa cúc của dây lông, buộc qua sang gặp cái dây có hòn sắt ở mỏ diều. Rồi dùng địa bàn có kim chỉ nam đặt ở dưới cái dây ngang ấy thì biết hướng gió bốn phương tám mặt.



Lời tổng bình về tập thiên.

Kiên-trai xét : Khoảng đời Lê Chiêu-thống, Nam triều có Loan-khê xử sĩ theo quân đến, đem sách này đến yết kiến tiên công tôi là tiến sĩ chiêu thảo tổng quân cấm binh binh mã tướng quân nói rằng : « Sách này có thể dùng để cần vương đánh giặc ». Tôi thấy chỗ bản Tập Thiên có huấn từ, tôi xin tiên công tôi hiệu đính. Nay xin thuật lời bàn rằng : Trời là ông cha của chúng sinh, là gốc rễ của vạn vật, tôn trọng tuyệt đối, to lớn không còn cái gì ở ngoài. Dầu to như cá côn nhảy 3 nghìn dặm, chim bằng bay 9 vạn dặm, cao như núi Thái-sơn, sâu như sông Hoàng-hà, cũng chỉ là một vật nhỏ trong bầu trời. Tôi đọc sách binh pháp không phải không nhiều, nhưng chật án đầy hòm đều là hình trạng mây gió, dài dòng đầy sách đều là hình thế rắn chim. Duy có sách *Hổ trướng khu cơ* rất là tinh diệu, rất là giản dị. Nếu người ta học được thì trong lúc thảng thốt vẫn bàn nói như thường, dầu có thần binh năm lộ cũng chẳng bằng xem cờ, vỗ đùi (1), vận dụng một lòng mà có thể bẻ mũi nhọn, đánh tan trận, không suy nghĩ mà làm được, không miễn cưỡng mà đúng phép, hình như tạo hóa tự nhiên. Cho nên tôi cách Lộc-khê hơn một trăm năm, mà xem diệu pháp lưu truyền, thần cơ tạo hóa, còn khiến phải thè lưỡi lạnh da, huống là người được thân gần học tập! Nay bốn thiên trong tập này (2) cộng 36 điều, thực là then máy của hổ trướng, khóa chốt của tướng môn, thực xứng với tên *Hổ trướng khu cơ* vậy. Cho nên tôi đối với thiên này thì bảo là nên tiềm tâm, tận tâm, dụng tâm, đối với các bài thơ thì bảo là nên xét kỹ, nghĩ kỹ, xem qui, dốc lâm, cũng chẳng nên sao? Nay xin làm lời huấn từ, để tỏ cái ý ba lần ra lệnh, năm lần nhắc lại.

Huấn từ rằng :

Tờ giấy mỏng điểm bao nét ngọc, sách bìa vàng sáng tựa ngọc châu. Đem văn giáo để giữ thành thì nghĩa sâu của ***Lân kinh*** (3), dùng võ công để dẹp loạn thì then máy của **Hổ trướng** (4). Cầm cờ tướng đảm đương ngoài cõi, tiếng thơm lẫy lừng ;

(1) Xem cờ, vỗ đùi : Lỗ Ẩn công đi xem đánh cờ ở Ấp Đường : Hán Văn đế nghe Phùng Đường nói truyện Liêm Pha Lý Mục thì vỗ đùi mà nói rằng : **Ta được Liêm Pha Lý Mục** mà dùng thì sợ gì.
(2) Lập thiên.
(3) Kinh **Xuân thu**.
(4) Tức là **Hổ trướng khu cơ**.

ngồi trong màn quyết định mưu mô, chước thần không sót. Yên mây mù ở hang nguyệt, kinh ngọc của tướng môn ; quét khói bụi ở chân trời, rùa thiên của binh trường. Chứa cả kiền khôn vào sách báu, rất sâu rất tinh; phát tạo hóa trong lụa vàng, càng kỳ diệu. Xem tam tài mà đặt tên tập (1), văn sáng như ngọc lành; lấy tứ tượng mà chia thiên (2), chữ đẹp như châu qui. Định giang sơn của xã tắc, oanh liệt rồng bay; trong vũ trụ lập công danh, tít cao bằng liệng. Quét sạch khói lang ở cửa ải, không phải mỏi tay, đặt yên nhà nhạn trong cõi trần, không cần nhấn tràn. Rửa nhật nguyệt trên mây biếc, thần phục quỷ kinh; dựng núi sông làm nghiệp to, trời tươi sao sáng. Lừng nghĩa dũng đến nghìn thuở, nào ai địch cùng; định thái bình trong một thời, không gì sánh kịp. Sách thư xướng trước đỡ trời một tay; trúc bạch truyền đời lưu danh muôn thuở. Cứu nhân dân trong đồ thán, thua gì Tử Nha; trở kinh luân ở dưới trời, kém đâu Y Doãn. Thực là khóa chốt của cửa tướng, người học phải suy; thực là then máy của nhà binh, người bậy chớ bảo. Tiên giác bao cao cả; huấn từ nên kính theo.

---

(1) Thiên tập, Địa tập, Nhân tập.
(2) Tứ tượng : Theo lời số của **Kinh Dịch** thì tứ tượng là kim mộc thủy hỏa.

HỔ TRƯỚNG KHU CƠ

QUYỂN II

TẬP ĐỊA

YẾU CHỈ BÀN VỀ TRẬN.

Cao Chiêu-dương nói : Phép bày trận bắt đầu từ Hoàng đế đánh Xi-vưu, trên xem trời, dưới xem đất, theo số âm dương chẵn lẻ cùng việc quỉ thần tạo hóa mà làm ra phép chính kỳ biến hóa (1) làm ra cơ khởi phục hành chỉ (2), mà đặt ra các trận Thái cực, Thái tố, Tiên thiên, Thái thủy, Hà đồ, khiến cho hàng trận của ba quân rõ ràng trật tự. Cho nên tiến thì nhanh như gió, đóng thì vững như núi. Chỗ nào dụng là đầu, biến chính binh làm kỳ binh. Ví như con rắn Thường-sơn, đánh đầu thì đuôi cứu, đánh đuôi thì đầu cứu, đánh giữa thì đầu đuôi cùng cứu, mà cái thế nắm cơ, yên như bàn thạch, quân hàng ức vạn, vững như Thái sơn, công của Hoàng đế sánh cùng trời đất vậy. Về sau có sách *Lục thao* của Thái công, sách *Tam lược* của Hoàng-thạch công, sách *Binh pháp* của Tôn tử, sách *Yếu chỉ* của Tử Phòng, phát thiên căn ở dĩ vãng, dò nguyệt quật ở tương lai, mà làm thành 72 phép, khiến cho đời sau biết phép nhiệm mầu, thì công các ông ấy cũng ngang với Hoàng đế vậy. Từ sau khi các ông ấy mất đi, người học binh thư đều mờ mịt không biết nguồn gốc. Đến đời Hậu Hán có bảy người hiền ở Long-trung (3), ngẫm nghĩ dung hội, đem truyền bảo nhau chế ra các trận Bát môn kim tỏa, Chu thiên hỗn nguyên, trận pháp ấy rõ như mặt trời mặt trăng phát minh những điều tiền hiền chưa phát, người đời ấy xem như vén mây mù mà thấy trời xanh, cắt gai góc mà thấy đường cái, vậy công của bảy người hiền ấy cũng với công của các ông trước kia có thể ngang hàng mà không trái nhau, học giả nên kính cẩn mà đọc.

Kiêm-trai xét: Bảy người hiền ở Long-trung là Thủy kính Tư-mã Huy, Bàng-đức công, Gia-cát Khổng-minh, Thôi Châu-bình, Thạch Quảng-tuyên, Từ Thứ, Mạnh công Uy.

Lê Thủ-chân nói: Trận là bày binh, chẳng qua là bộ khúc phân minh, quân cơ chỉnh túc mà thôi. Tuy nhiên, cái đạo làm tướng

---

(1) Chính kỳ biến hóa : Biến hóa chính làm kỳ, kỳ làm chính.

(2) Khởi phục hành chỉ : Dậy nấp, đi dừng.

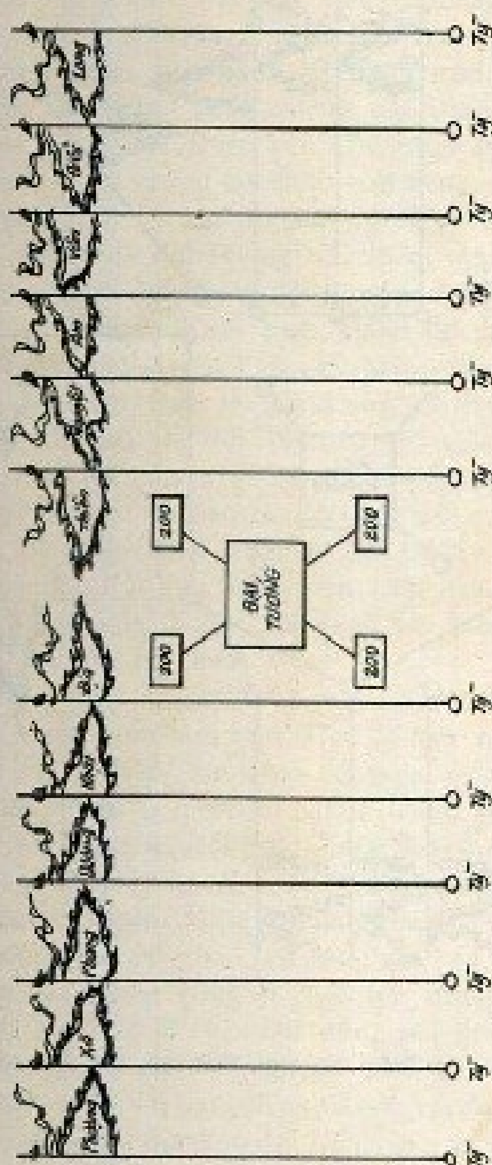
(3) Long-trung : Tên núi ở tỉnh Hồ-bắc, nơi Gia-cát Lượng ở ẩn.

mà không biết trận pháp thì khác gì chân què mà chạy, ngoảnh mặt vào tường mà đứng, để đến nỗi tính mệnh ba quân xác tan ở sa trường, hồn vùi ở chiến địa, mà tiều tụy ở khoảng lưỡi gươm mũi giáo là tội bởi ai? Cho nên Hiên viên xem trên xét dưới, thấy trời có các sao Vũ-khúc Phá-quân, đất có các tượng Ngũ nhạc Cửu châu, thì biết khoảng trời đất đã có trận thế tự nhiên rồi, huống chi là người! Bởi thế mới đặt ra các trận pháp Thái cực, Thái tố, Thái thủy và Hà đồ, Bát quái, Tiên thiên, khắp rồi trở lại, vòng quanh không mối, biến hóa mầu nhiệm, đều có lẽ tự nhiên của trời đất. Cho nên bạn tôi cho rằng công Hoàng đế sánh cùng trời đất cũng chẳng phải sao! Bởi vì phép trận, không đầu đuôi, không sau không trước, bốn phương tám mặt, bỗn nhiên không biết đầu mối vạn ngựa nghìn binh, san sát chẳng biết cửa ngõ. Đến khi giặc đánh chỗ nào thì lấy chỗ ấy làm đầu, mà tách ra trước sau tả hữu để đến cứu. Cho nên *Binh-pháp* nói rằng «chỗ nào đụng là đầu», chẳng rất đúng sao!

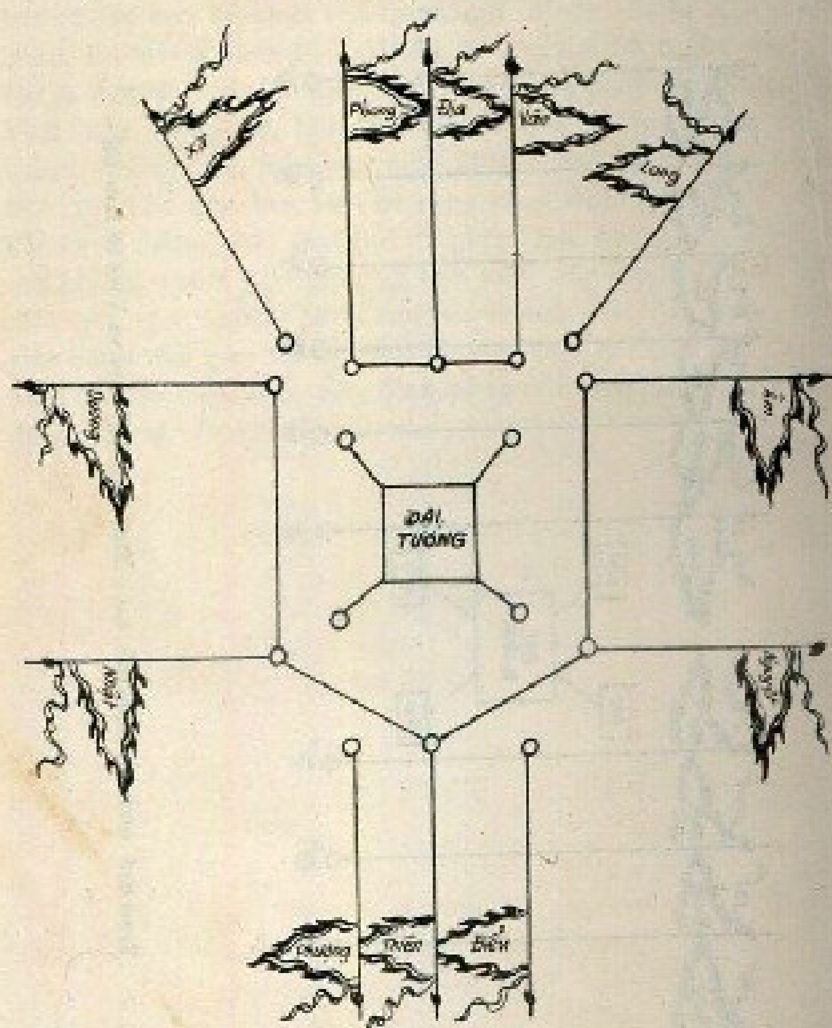


CÁC PHÉP TRẬN

Trận thứ nhất : Thái cực bao hàm
Trận thứ hai : Thái tổ tam tài
Trận thứ ba : Thái thủy hồn nguyên



HÌNH 1 — 2 Trận thứ nhất và trận thứ hai ; Thái cực bao hàm và Thái tổ tam tài



HÌNH 3. Trận thứ ba: Biến làm trận Thái thủy hỗn nguyên

BÀN VỀ BA TRẬN TRÊN.

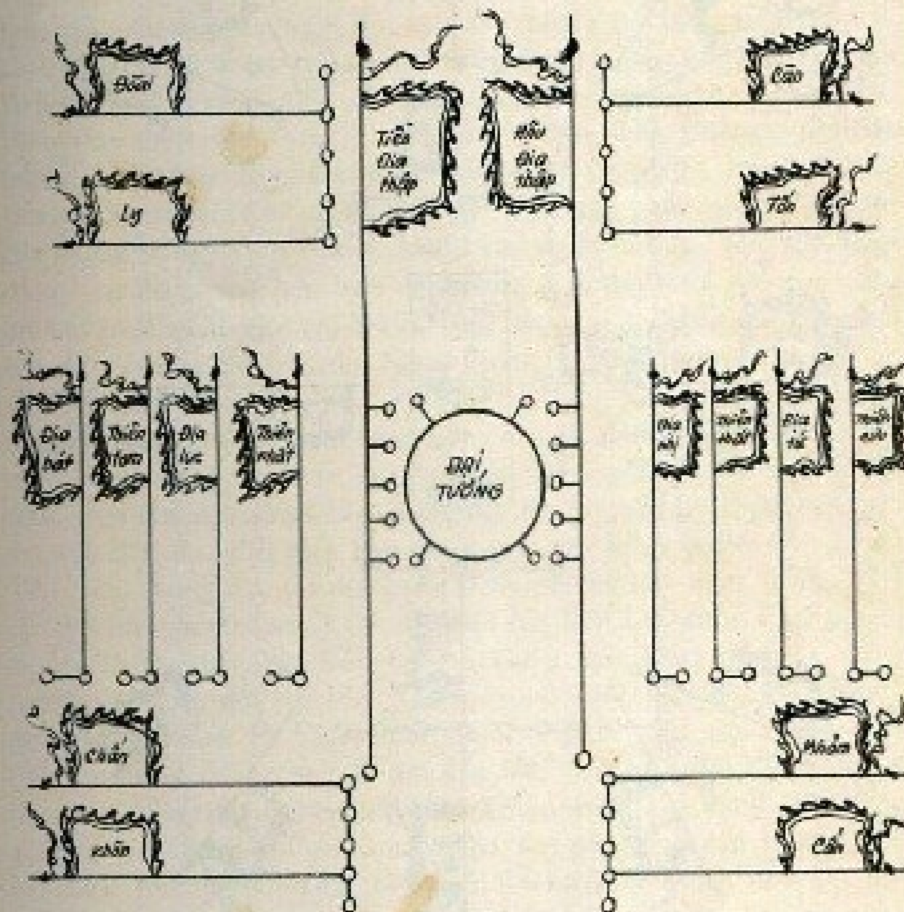
Ba trận trên là phép cổ do Hoàng đế chế, số quân có 5.800 người mà đại tướng ở giữa cầm quân cơ đã 1.000 người, còn 4.800 người chia làm 12 đội, mỗi đội có một tỳ tướng coi 400 người. Đấy là số quân. Nếu muốn bày trận thì trước bày trận *Thái cực bao hàm*, đại tướng ở giữa đánh một tiếng chiêng ba tiếng trống, trước bày trận ngũ hành, một hành làm một trận, mỗi đội 200 người. Xong rồi, lại đánh một tiếng chiêng, đội Địa bên tả cách đại tướng 30 bước mà đứng; đội Thiên bên hữu cách đại tướng 30 bước mà đứng. Xong rồi đại tướng lại đánh một tiếng chiêng, ngoài đội Địa bên tả là đội Nhật nối theo, ngoài đội Nhật là đội Dương nối theo; ngoài đội Dương là đội Phong nối theo, ngoài đội Phong là đội Xà nối theo, ngoài đội Xà là đội Phượng nối theo. Bên hữu, ngoài đội Thiên là đội Nguyệt nối theo, ngoài đội Nguyệt là đội Âm nối theo, ngoài đội Âm là đội Vân nối theo, ngoài đội Vân là đội Điểu nối theo, ngoài đội Điểu là đội Long nối theo. Thành hình chữ nhất (—). Nếu bên tả đội Phượng gặp giặc thì lấy đội Phượng làm chính, đội Xà làm kỳ, đội Phong tiếp chiến, đội Dương ứng cứu, đội Nhật làm chi bên tả, đội Địa làm cánh bên tả, để cùng giúp nhau. Bên hữu đội Long gặp giặc thì lấy đội Long làm chính, đội Điểu làm kỳ, đội Vân tiếp chiến, đội Âm cứu ứng, đội Nguyệt làm chi bên hữu, đội Thiên làm cánh bên hữu. Như thế thành trận thứ nhất *Thái cực bao hàm*.

Nếu muốn biến làm trận *Thái tổ tam tài* thì đại tướng đánh một tiếng chiêng, thổi ba tiếng còi; đại tướng tiến lên bày trận ngũ hành mà đứng. Ở dưới thì hai đội Thiên Địa cách nhau 50 bước mà đứng. Bên tả, ngoài Đội địa thì đội Nhật đứng nối ngang theo để làm đáy trận. Bên hữu ngoài đội Thiên thì đội Nguyệt cũng đứng nối ngang để làm đáy trận. Xong rồi, đại tướng lại đánh một tiếng chiêng thì bên tả đội Dương đi chéo lên đứng vào bên ngoài đội Nhật, ngoài đội Dương đội Phong cũng đi chéo lên đứng nối theo, ngoài đội Phong, đội Xà cũng đi chéo lên đứng nối theo, ngoài đội Xà đội Phượng cũng đi chéo lên đứng nối theo. Bên hữu đội Âm đi chéo lên đứng bên ngoài đội Nguyệt, ngoài đội Âm đội Vân cũng đi chéo lên đứng nối theo, ngoài đội Vân đội Điểu cũng đi chéo lên đứng nối theo ngoài đội Điểu đội Long cũng đi chéo lên đứng nối theo. Phép tiến

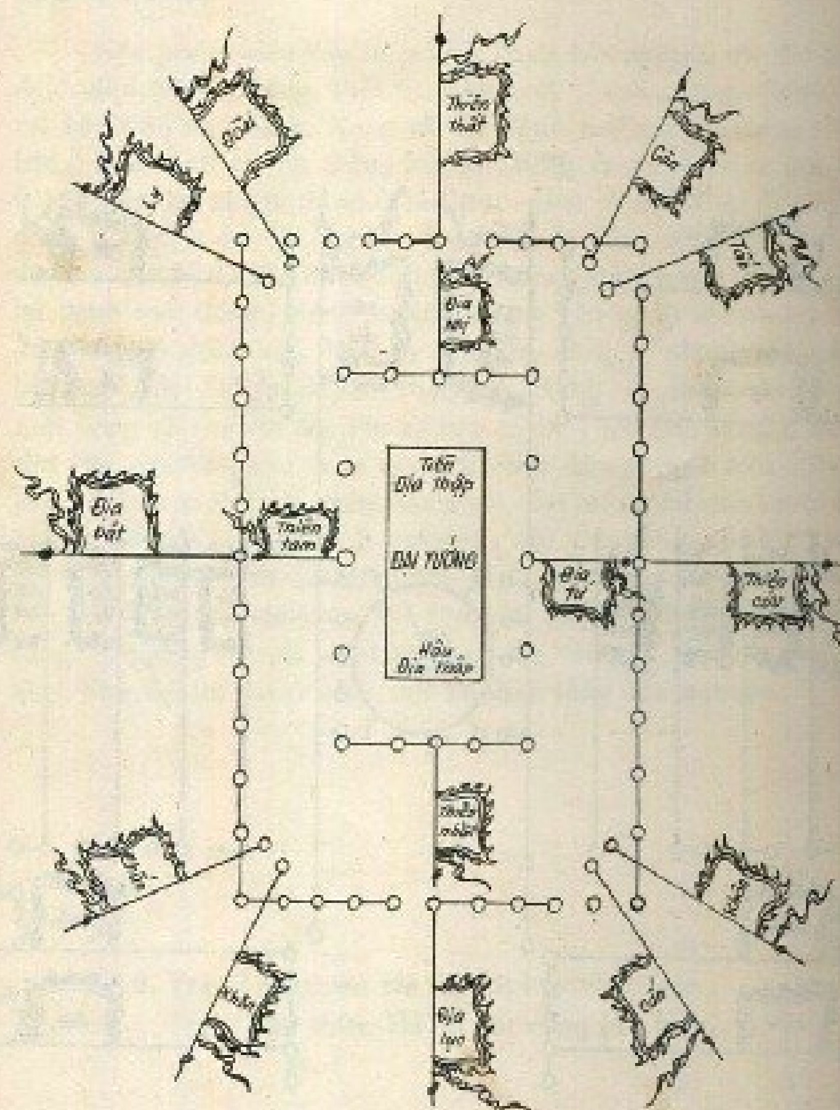
lui đánh đâm cũng giống trận trước. Đấy là trận thứ hai biến làm *Thái tố tam tài*.

Nếu muốn biến làm trận *Thái thủy hỗn nguyên* thì đại tướng đánh một tiếng chiêng, thổi ba tiếng còi ; đại tướng cũng ở giữa mà bày trận ngũ hành. Xong rồi lại đánh một tiếng chiêng thì đội Địa ở bên tả đi nhanh thẳng lên mà đứng ở trước trận, đội thiên ở bên hữu lui xuống đứng ở sau trận. Bên tả đội Nhật đi chéo lên đứng ở bên tả đội Thiên, đội Nguyệt bên hữu cũng đi chéo lên đứng ở bên hữu đội Thiên, để làm mặt sau trận. Xong rồi đại tướng lại đánh một tiếng chiêng thì đội Dương bên tả đi nhanh lên đứng ở bên ngoài đội Nhật, đội Âm bên hữu cũng đi nhanh lên đứng ở bên ngoài đội Nguyệt để làm ruột trận. Xong rồi, đại tướng lại đánh một tiếng chiêng thì đội Phong bên tả đi chéo lên đứng ở bên tả đội Địa, đội Vân bên hữu cũng đi chéo lên đứng ở bên hữu đội Địa, để làm mặt trước trận. Xong rồi, đại tướng lại đánh một tiếng chiêng thì đội Xà bên tả đi ngang ra nối vào bên trên đội Phong, đội Phượng cũng đi ngang ra nối vào bên dưới đội Nhật, đội Điểu bên hữu cũng đi ngang ra nối vào bên dưới đội Nguyệt, đội Long cũng đi ngang ra nối vào bên trên đội Vân, để làm du binh ứng tiếp. Như thế thì thành trận thứ ba *Thái thủy hỗn nguyên*.

2. Trận Tiên thiên Hà đồ đất hẹp nhất biến.
Trận Tiên thiên Hà đồ đất rộng nhị biến.



HÌNH 4 **Trận Tiên Thiên Hà Đồ đất hẹp nhất biến**



HÌNH 5. Trận Tiên thiên Hà đồ đất rộng nhị biến

BÀN VỀ HAI TRẬN TRÊN.

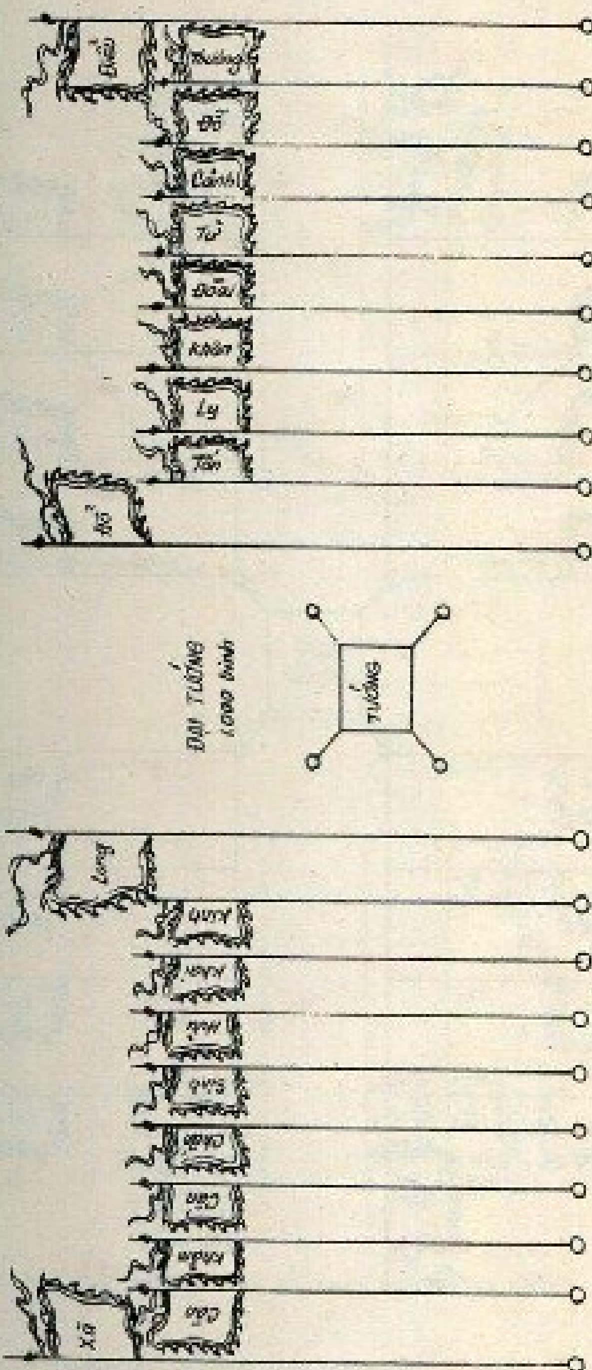
Tiên thiên Hà đồ là do con long mã mang đồ thư hiện ra trên sông. Phục Hy theo đấy mà vạch ra bát quái, Hoàng-đế theo đấy mà chế ra trận pháp. Số quân có 7.600 người, đại-tướng lĩnh 1.000 người, còn 6.600, trước lấy 5.000 người chia làm 9 đội (1) làm số thiên địa. Trong 9 đội ấy quân nhiều ít không đều nhau là theo phép chẵn lẻ trước sau của trời đất. Lại lấy 1.600 người chia làm 8 đội bát quái, mỗi đội 200 người để phòng khi dùng đến. Phép này đại-tướng đứng ở giữa, đánh năm tiếng chiêng một tiếng trống, trước bày quân làm trận ngũ hành. Xong rồi, lại đánh một tiếng chiêng một tiếng trống, cầm cờ Địa thập phất một cái thì đội Địa thập đằng trước đứng vào bên tả đại-tướng, đội Địa thập đằng sau đứng vào bên hữu đại-tướng. Lại thổi một hồi còi, cầm cờ Bát quái phất một cái thì các đội Bát quái đi thẳng lên chia làm hai dãy, bên tả thì bốn đội Khôn Chấn Ly Đoài đứng ở bên ngoài đội Địa thập tiền, bên hữu thì bốn đội Cấn Khảm Tốn Càn đứng ở bên ngoài đội Địa thập hậu. Xong rồi, lại đánh một tiếng chiêng một tiếng trống, cầm cờ Thiên nhất phất một cái thì đội Thiên nhất tiến lên đứng vào bên tả các đội Khôn Chấn Ly Đoài, bên hữu thì đội Địa nhị cũng tiến lên đứng vào bên hữu các đội Cấn Khảm Tốn Càn. Xong rồi, lại đánh sáu tiếng chiêng bảy tiếng trống, cầm cờ Địa lục phất một cái thì đội Địa lục tiến lên đứng ngang bên tả đội Thiên nhất, bên hữu thì đội Thiên thất cũng tiến lên đứng ngang bên hữu đội Địa nhị. Xong rồi, lại đánh ba tiếng chiêng bốn tiếng trống, cầm cờ Thiên tam phất một cái thì đội Thiên tam tiến lên đứng ngang bên tả đội Địa lục, bên hữu đội Địa tứ cũng tiến lên đứng ngang bên hữu đội Thiên thất. Lại đánh tám tiếng chiêng, chín tiếng trống, cầm cờ Địa bát phất một cái thì đội Địa bát tiến lên đứng ngang bên tả đội Thiên tam bên hữu thì đội Thiên cửu cũng tiến lên đứng ngang bên hữu đội Địa tứ. Như thế thì thành trận *Tiên thiên Hà đồ đất hẹp nhất biến*. Việc tiến lui đánh đâm chính kỳ ứng tiếp thì cũng giống như trận *Thái cực* trước, không cần nói nữa.

(1) 9 đội là : Thiên nhất, Địa nhị, Thiên tam, Địa tứ, Thiên thất, Địa lục, Thiên cửu, Địa bát và Địa thập. Còn Thiên ngũ là đại tướng, mà Địa-thập lại chia hai làm Địa thập tiền, Địa thập hậu.

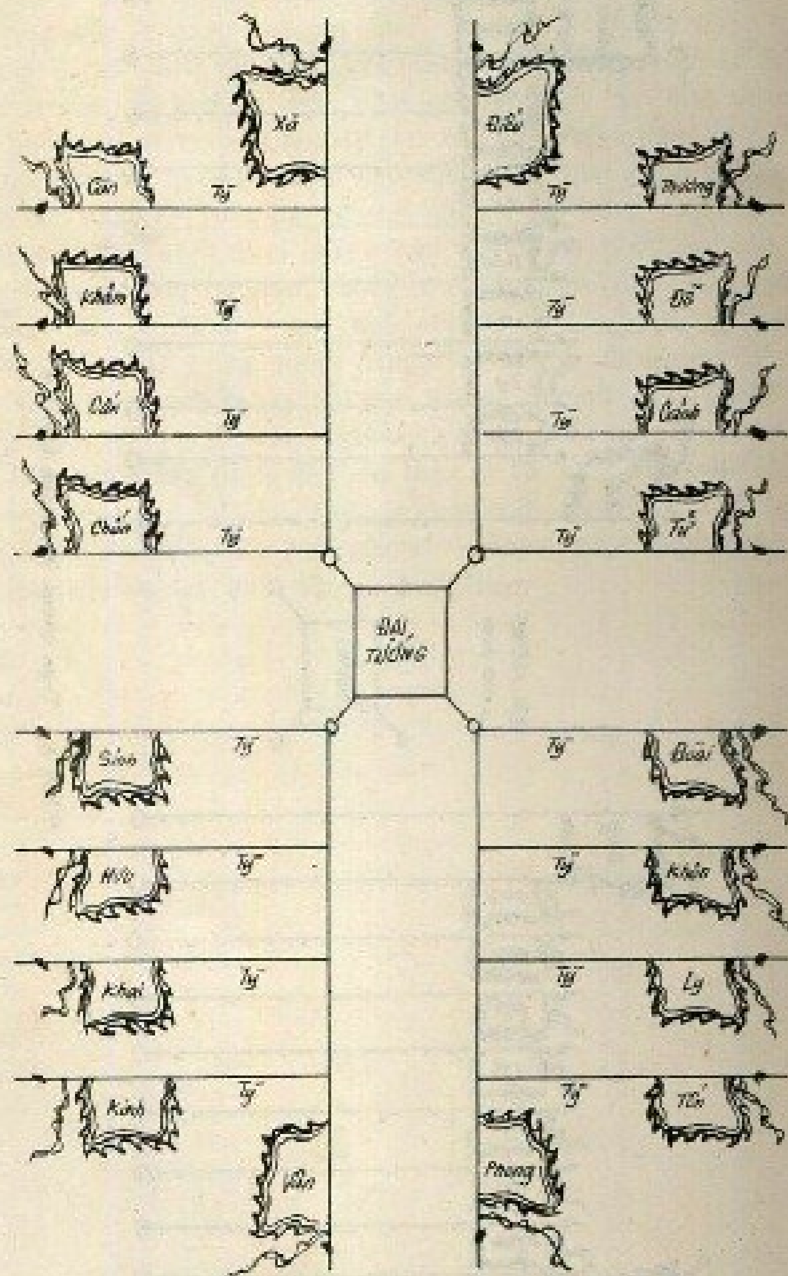
Nếu muốn biến làm trận ***Tiên thiên Hà đồ bát quái hổ tàng đả bồ*** (1), thì đại tướng đứng giữa đánh năm tiếng chiêng một tiếng trống, cũng tiến lên trước bày trận ngũ hành. Xong rồi, lại đánh mười tiếng chiêng mười tiếng trống, cầm cờ Địa thập phất lên, thì bên tả đội Địa thập tiền tiến lên đứng chắn ngang trước mặt đại tướng, bên hữu đội Địa thập hậu lui xuống đứng chắn ngang sau lưng đại tướng. Xong rồi, lại thổi một hồi còi, cầm cờ Bát quái phất lên, thì bên tả các đội Khôn Chấn Ly Đoài tiến lên đứng vào bên tả đại tướng, bên hữu các đội Cấn Khảm Tốn Càn tiến lên đứng vào bên hữu đại tướng. Xong rồi, lại đánh một tiếng chiêng hai tiếng trống, cầm cờ Thiên nhất phất lên, thì bên hữu đội Thiên nhất lui xuống đứng vào đằng sau đội Địa thập hậu, bên hữu đội Địa nhị cũng tiến lên đứng vào đằng trước đội Địa thập tiền. Xong rồi, lại đánh sáu tiếng chiêng bảy tiếng trống, cầm cờ Địa lục phất lên, thì bên tả đội Địa lục lui xuống đứng vào bên dưới đội Thiên nhất, bên hữu đội Thiên nhất cũng tiến lên đứng vào bên trên đội Địa nhị. Xong rồi, lại đánh ba tiếng chiêng bốn tiếng trống, cầm cờ Thiên tam phất lên, thì bên tả đội Thiên tam tiến lên đứng vào bên ngoài các đội Khôn Chấn Ly Đoài, bên hữu đội Địa tứ cũng tiến lên đứng vào bên ngoài các đội Cấn Khảm Tốn Càn. Xong rồi, lại đánh tám tiếng chiêng chín tiếng trống, cầm cờ Địa bát phất lên, thì bên tả đội Địa bát tiến lên đứng vào bên ngoài đội Thiên tam, bên hữu đội Thiên cửu cũng tiến lên đứng vào bên ngoài đội Địa tứ. Như thế là phép âm dương xen nhau, che giấu lẫn nhau. Xong rồi, đại tướng lại thổi ba hồi còi, cầm cờ Bát quái phất lên, thì bên tả hai đội Khôn Chấn rẽ ngang xuống đứng vào góc đông-bắc, hai đội Ly Đoài cũng rẽ ngang lên đứng vào góc đông-nam, bên hữu hai đội Cấn Khảm rẽ ngang xuống đứng vào góc tây-bắc, hai đội Tốn Càn cũng rẽ ngang lên đứng vào góc tây-nam. Như thế thì thành phép ***Tiên thiên Hà đồ Bát quái hổ tàng đả bồ.***

3. Trận Bát môn kim tỏa nhất biến
Trận Bát môn kim tỏa nhị biến
Trận Bát môn kim tỏa tam biến
Trận Bát môn kim tỏa tứ biến

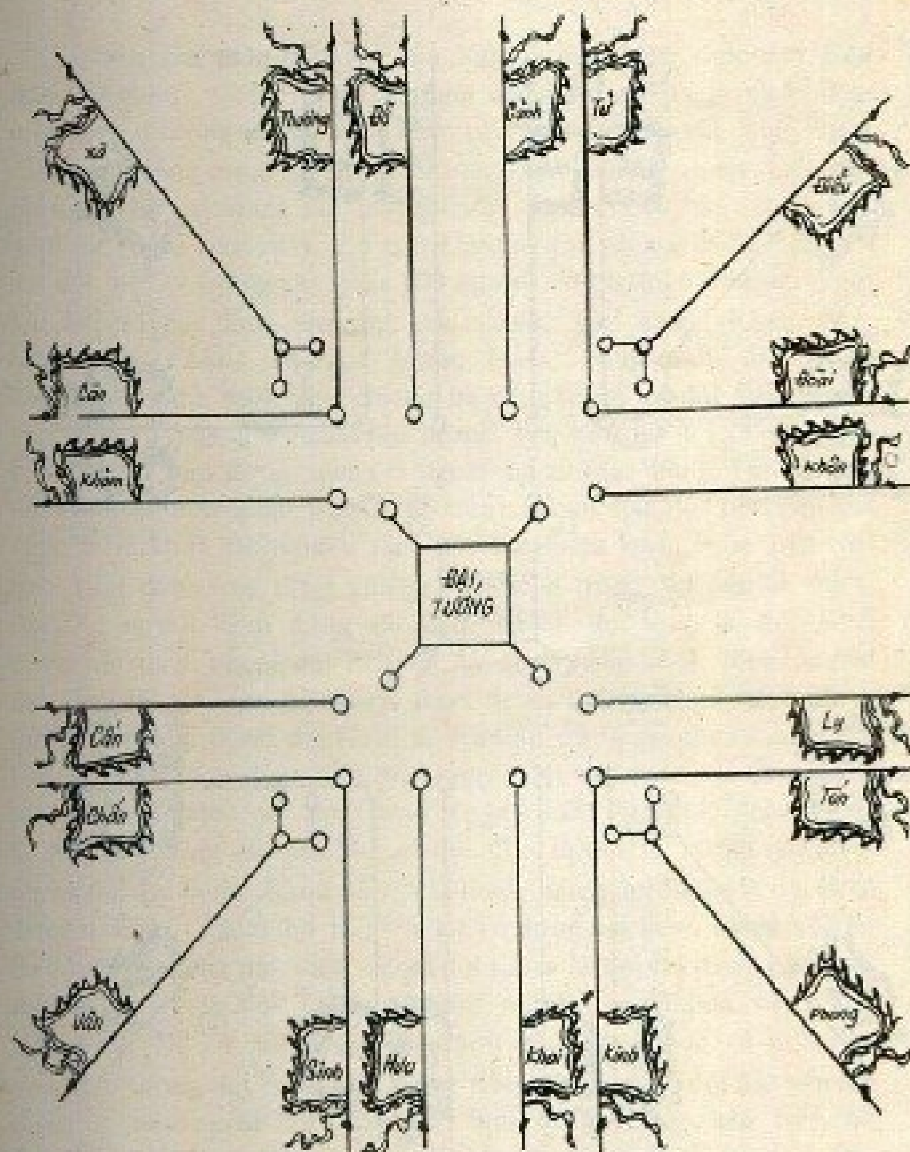
(1) Hổ tàng đả bồ : Che giấu lẫn nhau để đánh giặc và bắt giặc.



HÌNH 6 Trận chính Bát môn kim tỏa



HÌNH 7. Trận Bát môn kim tỏa nhị biến



HÌNH 8. Trận Bát môn kim tỏa tứ biến

HÌNH 9 **Trận Bát môn kim tỏa tứ biến**

BÀN VỀ BỐN TRẬN TRÊN.

Trận ***Bát môn Kim tỏa*** của Nam-dương tiên sinh đời Hậu Hán bắt chước số bát môn bát quái mà đặt ra là phép mà Khổng-minh vẫn thường dùng, hình như cái khóa, phép rất khít khao, cho nên Khổng-minh gọi là Kim tỏa. Trận đầu số quân một nửa chỉ có 5.000 người mà đại tướng trước lĩnh 1.000 bày trận Ngũ hành để nắm then máy, chỉ còn 4.000 người, chia làm 20 đội, mỗi đội đặt một tỳ tướng cai quản 200 người, có các hiệu Phong, Vân, Xà, Điểu, Hưu, Sinh, Thương, Đỗ, Cảnh, Tử, Kinh, Khai, Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài, Phép trận, đại tướng đứng giữa đánh một tiếng chiêng ba tiếng trống thì đội Vân tiến từ bên tả đứng ngang ở ngoài đại tướng, bên hữu thì đội Phong cũng tiến từ bên hữu đứng ngang ở ngoài đại tướng, thành Vân Phong đối nhau để làm nhãn trận (mắt trận). Đã có mắt thì bốn chi thể cùng trăm khúc xương đều theo đấy làm hiệu lệnh. Cho nên đại tướng lại đánh một tiếng chiêng ba tiếng trống thì bên tả ngoài đội Vân là đội Kinh đứng nối theo, ngoài đội Kinh là đội Khai đứng nối theo, ngoài đội Khai là đội Hưu đứng nối theo, ngoài đội Hưu là đội Sinh đứng nối theo, ngoài đội Sinh tới đội Chấn đứng nối theo, ngoài đội Chấn là đội Cấn đứng nối theo, ngoài đội Cấn là đội Khảm đứng nối theo, ngoài đội Khảm là đội Càn đứng nối theo, để làm vây cánh trận tả; bên hữu thì ngoài đội Phong là đội Tốn đứng nối theo, ngoài đội Tốn là đội Ly đứng nối theo, ngoài đội Ly là đội Khôn đứng nối theo, ngoài đội Khôn là đội Đoài đứng nối theo, ngoài đội Đoài là đội Tử đứng nối theo, ngoài đội Tử là đội Cảnh đứng nối theo, ngoài đội Cảnh là đội Đỗ đứng nối theo, ngoài đội Đỗ là đội Thương đứng nối theo, để làm vây cánh trận hữu. Đã có mắt cùng vây cánh thì sao không có ai? Cho nên đại tướng lại đánh một tiếng trống thì bên tả đội Xà tiến lên đứng ở bên ngoài đội Càn để làm tai bên tả, bên hữu thì đội Điểu tiến lên đứng ở bên ngoài đội Thương để làm tai bên hữu, Như thế là thành trận ***Bát môn đệ nhất biến ngang dài.*** Đó là trận đệ nhất biến. Nếu giặc đánh vào đội Xà bên tả thì lấy đội Xà làm chính, đội Vân làm kỳ, các đội Càn, Khảm Cấn, Chấn là tả chi, các đội Sinh, Hưu, Khai, Kinh làm tả dực để cứu.

Nếu giặc đánh vào đội Điều bên hữu thì lấy đội Điều làm chính đội Phong làm kỳ, các đội Thương, Đỗ, Cảnh, Tử làm hữu chi, các đội Tốn, Ly, Khôn, Đoài làm hữu dực để cứu. Còn như đại tướng thì ở giữa nên bị giặc đánh trước, thì đội Vân đội Phong làm chính, đội Xà đội Điều làm kỳ, các đội Kinh, Khai, Hưu, Tử, Càn, Khảm, Cấn, Chấn làm tả chi, các đội Tốn, Ly, Khôn, Đoài, Tử, Cảnh, Đỗ, Thương làm hữu dực, để cùng cứu ứng nhau. Thế là biến chính làm kỳ, biến kỳ làm chính, lấy trước làm sau, lấy sau làm trước, làm phép biến trận mầu nhiệm. Cho nên *Binh pháp* nói rằng « Trận như con rắn Thường-sơn, đánh đầu thì đuôi cứu đánh đuôi thì đầu cứu, đánh giữa thì đầu đuôi cùng cứu ». Các phép biến sau đều theo đấy mà liệu tính.

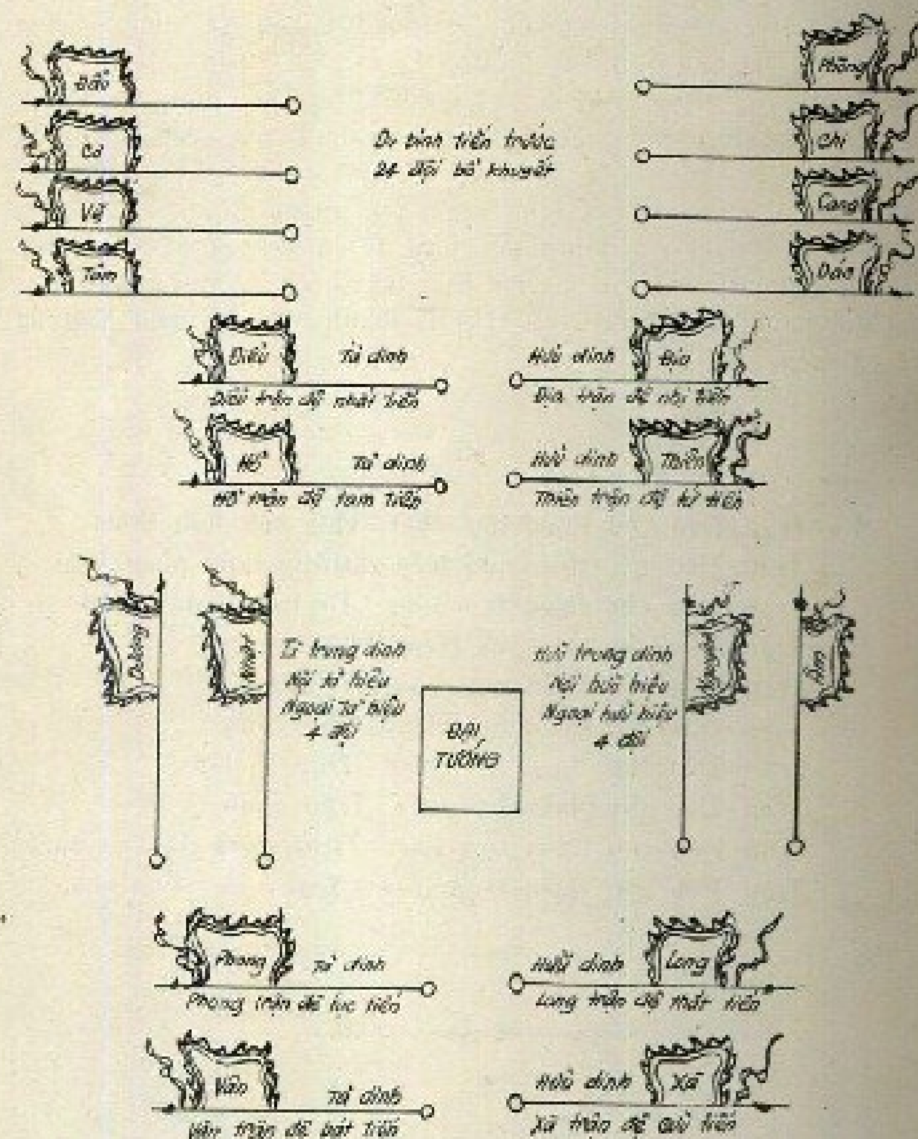
Đến như tái biến thì đại tướng ở giữa, đánh một tiếng chiêng ba tiếng trống, tiến lên trên trận, bày trận ngũ hành để nắm then máy. Xong rồi, đánh một tiếng chiêng ba tiếng trống thì bên tả đội Xà tiến trước lên đứng vào góc bên hữu trận, còn các đội khác cũng theo thứ tự như trận trên mà tiến nối lên, thì đội Vân lại ở vào góc bên tả dưới trận. Thế là Thái cực nhất động mà sinh dương Đại tướng lại đánh một tiếng chiêng ba tiếng trống, thì bên hữu đội Điều tiến lên trước đứng vào góc bên hữu trên trận, mà các đội khác cũng theo thứ tự mà tiến theo nối lên, thì đội Phong lại ở góc bên hữu dưới trận Thế là Thái cực tái động mà sinh âm. Còn phép ứng tiếp đánh đấm cũng giống trận trước. Thế là trận *Bát môn kim tỏa nhất biến vi nhị*. Đấy là trận đệ nhị biến.

Nếu muốn biến làm trận thứ ba thì đại tướng đánh một tiếng chiêng ba tiếng trống; tiến lên bày trận ngũ hành, mỗi hành số binh 200 trở xuống. Xong rồi, lại đánh ba tiếng chiêng thì bên tả bốn đội Sinh, Hưu, Khai, Kinh lui xuống đứng chắn ngang sau trận, mà bốn đội Càn, Khảm, Cấn, Chấn lui đứng về bên tả trận, bên hữu bốn đội Tử, Cảnh, Đỗ, Thương tiến lên đứng ngang ở trước trận, bốn đội Đoài, Thiên, Ly Tốn thì tiến đứng về bên hữu trận, còn bốn đội Phong, Vân, Xà, Điều thì vẫn đóng yên bên góc trận như trước. Phép tiến lui đánh đấm cũng giống như trước. Thế là thành lưỡng nghi sinh tứ tượng. Đấy là *trận đệ tam biến*.

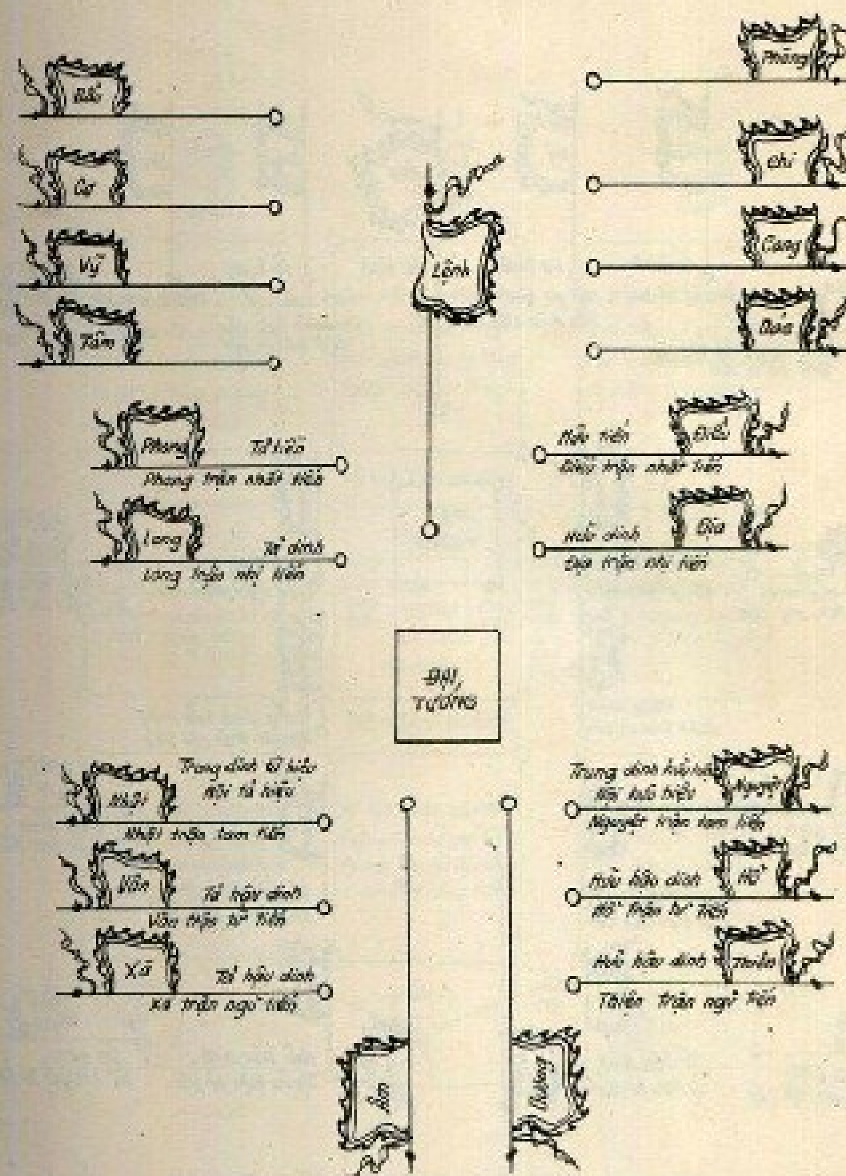
Nếu muốn biến hữu thì đại tướng đánh một tiếng trống, hai đội Hưu, Sinh ở sau trận bên tả đi chéo lên đứng ngang vào

chính nam trước trận, hai đội Đỗ, Thương đi chéo lên đứng vào góc trên đông-nam, hai đội Cấn, Chấn đứng thẳng vào chính đông bên tả trận, hai đội Kinh, Khai ở sau trận bên hữu đi chéo lên đứng vào góc dưới tây-bắc, hai đội Ly, Tốn lui xuống ngang vào chính bắc sau trận, mà hai đội Cảnh, Tử ở trước trận thì đi chéo lên đứng vào góc tây-nam, hai đội Khôn, Đoài đứng vào chính tây bên hữu trận. Xong rồi, đại-tướng lại đánh một tiếng chiêng thì đội, Vân ở góc dưới bên tả đi lên đứng xen vào quãng giữa hai đội Sinh, Hưu mà đội Xà thì đứng xen quãng giữa hai đội Càn, Khảm, đội Phong ở góc dưới bên hữu đi lên đứng xen vào quãng giữa hai đội Kinh, Khai, mà đội Điều thì đứng xen vào quãng giữa hai đội Cảnh, Tử ở góc trên. Thế là thành trận *Bát môn Kim tỏa đệ tứ biến*.

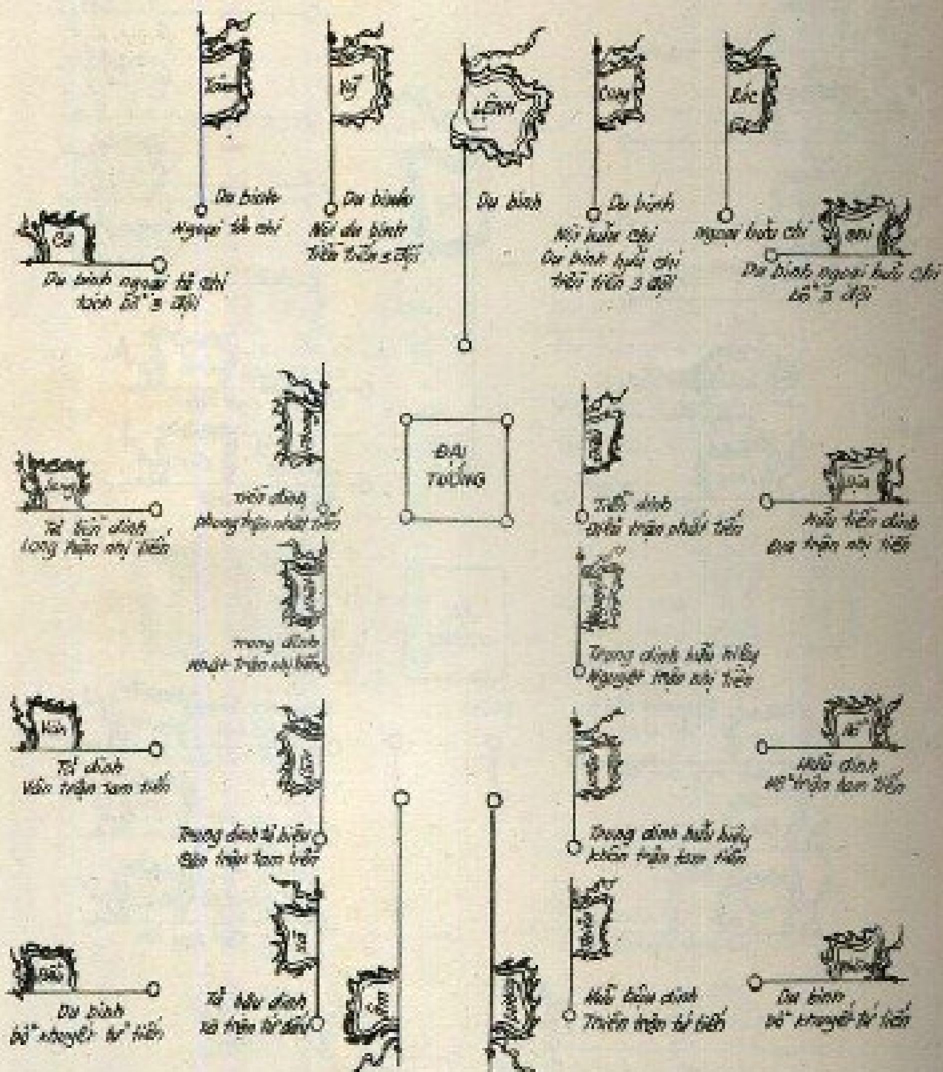
4 — Trận Tiểu chu thiên thứ nhất : Thái cực hỗn thiên.
Trận Tiểu chu thiên nhị biến : Lưỡng nghi phân khai.
Trận Tiểu chu thiên tam biến : Tứ tướng đối xung.
Trận Tiểu chu thiên tứ biến : Trận vuông.
Trận Tiểu chu thiên ngũ biến : Trận tròn.
Trận Tiểu chu thiên lục biến : Trận cong.
Trận Tiểu chu thiên thất biến : Trận thẳng.
Trận Tiểu chu thiên bát biến : Trận nhọn.
Trận Tiểu chu thiên cửu biến : Trường xà đảo quyền.
Trận Tiểu chu thiên thập biến : Trường xà liên châu.



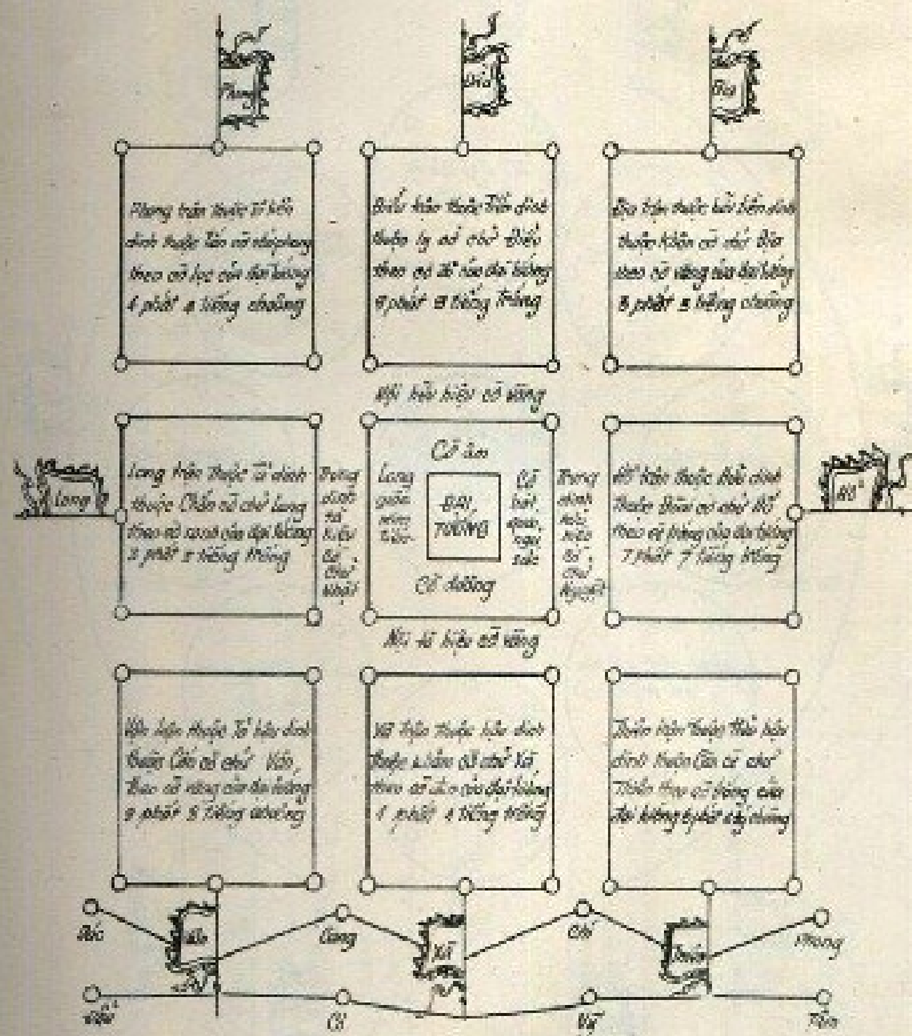
HÌNH 10 Trận thứ ba: Biến làm trận Thái thủy hỗn nguyên



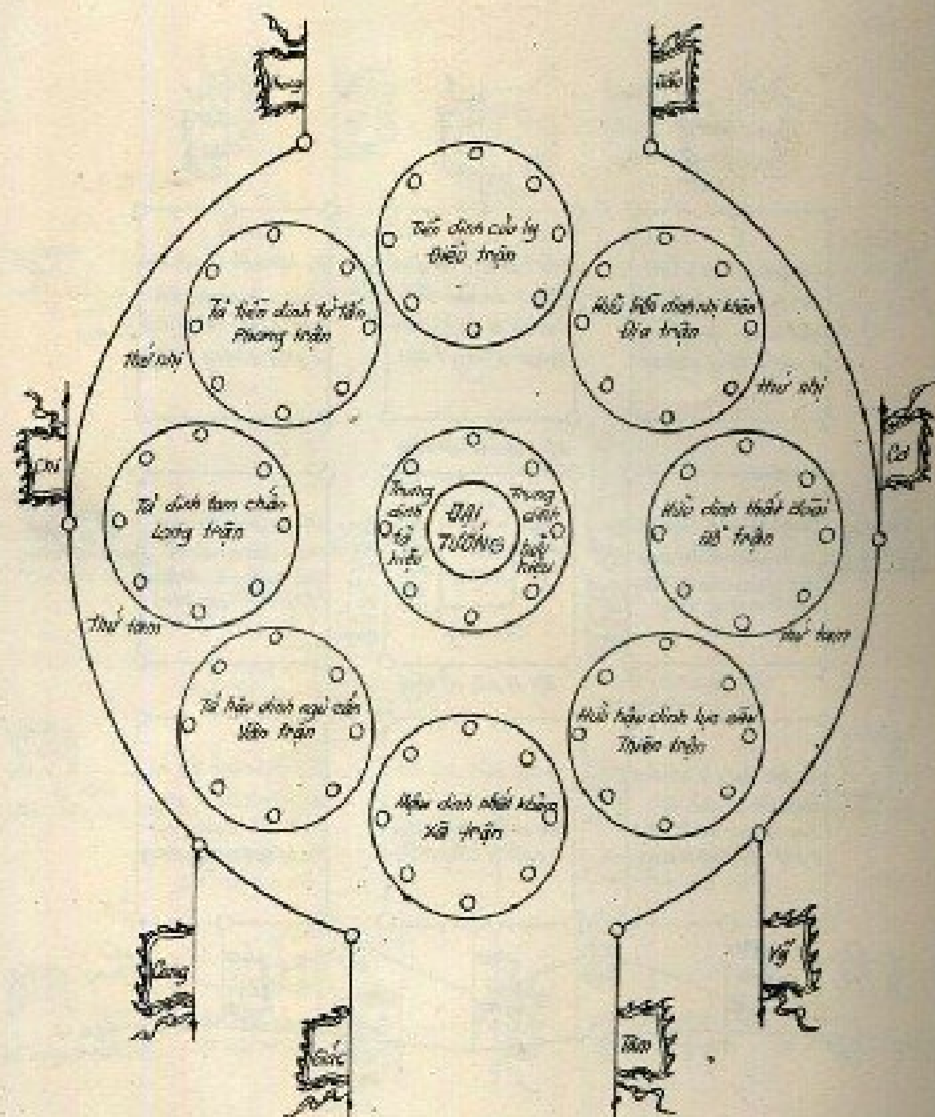
HÌNH 11 Trận nhị biến : Lưỡng nghi phân khai



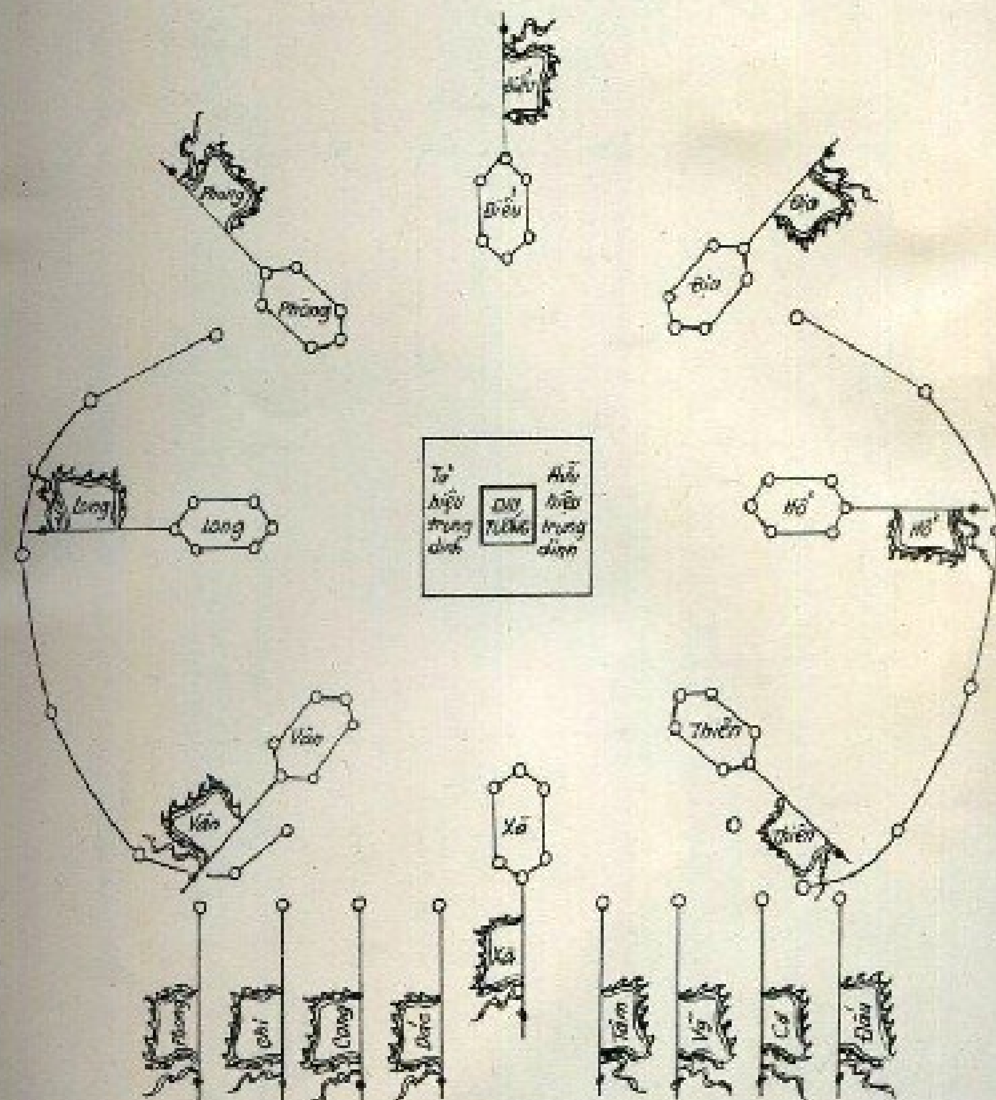
HÌNH 12. Trận tam biến : Tứ tượng đối xung



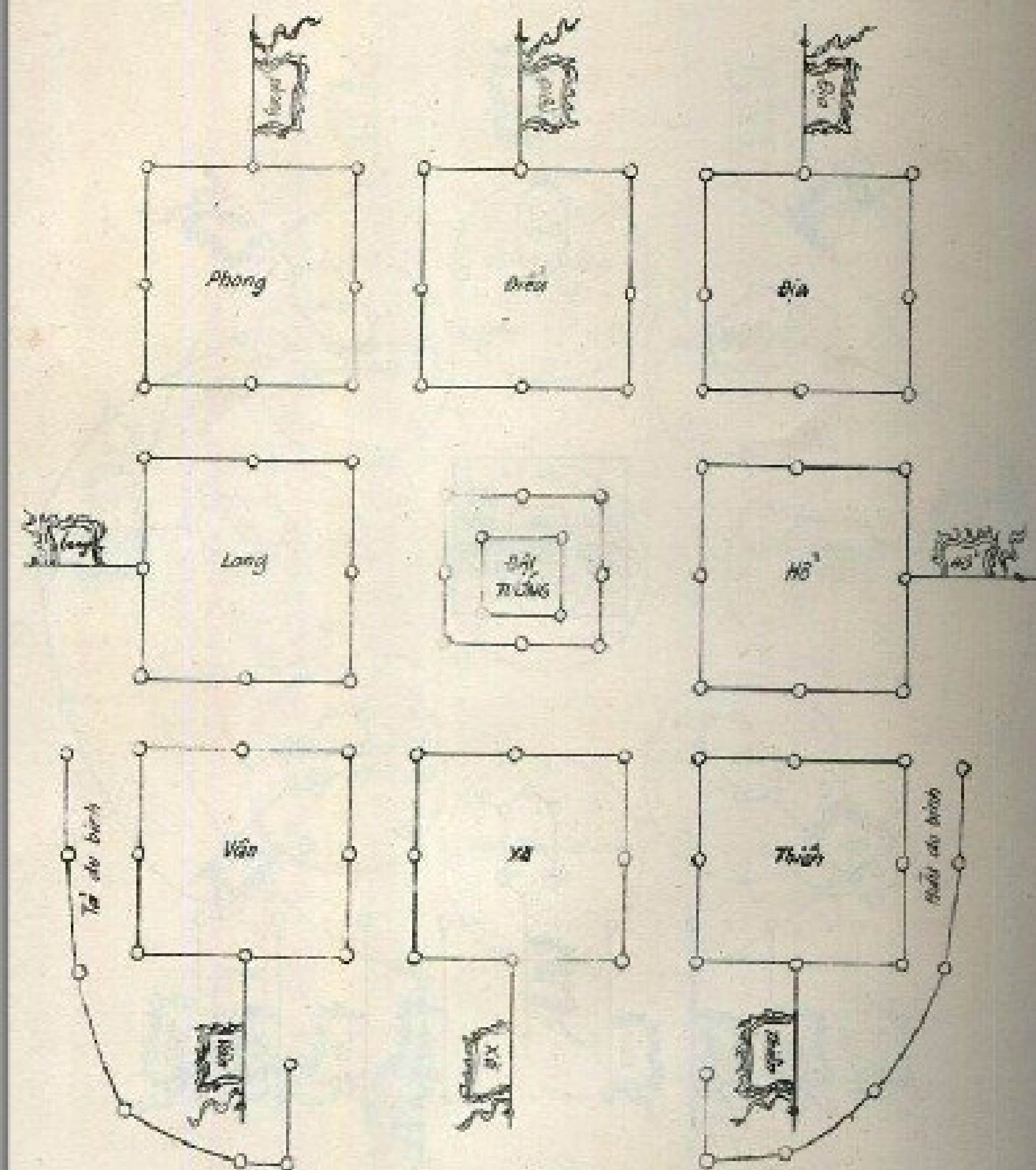
HÌNH 13. Tiểu chu thiên đệ tứ biến : trận vuông.



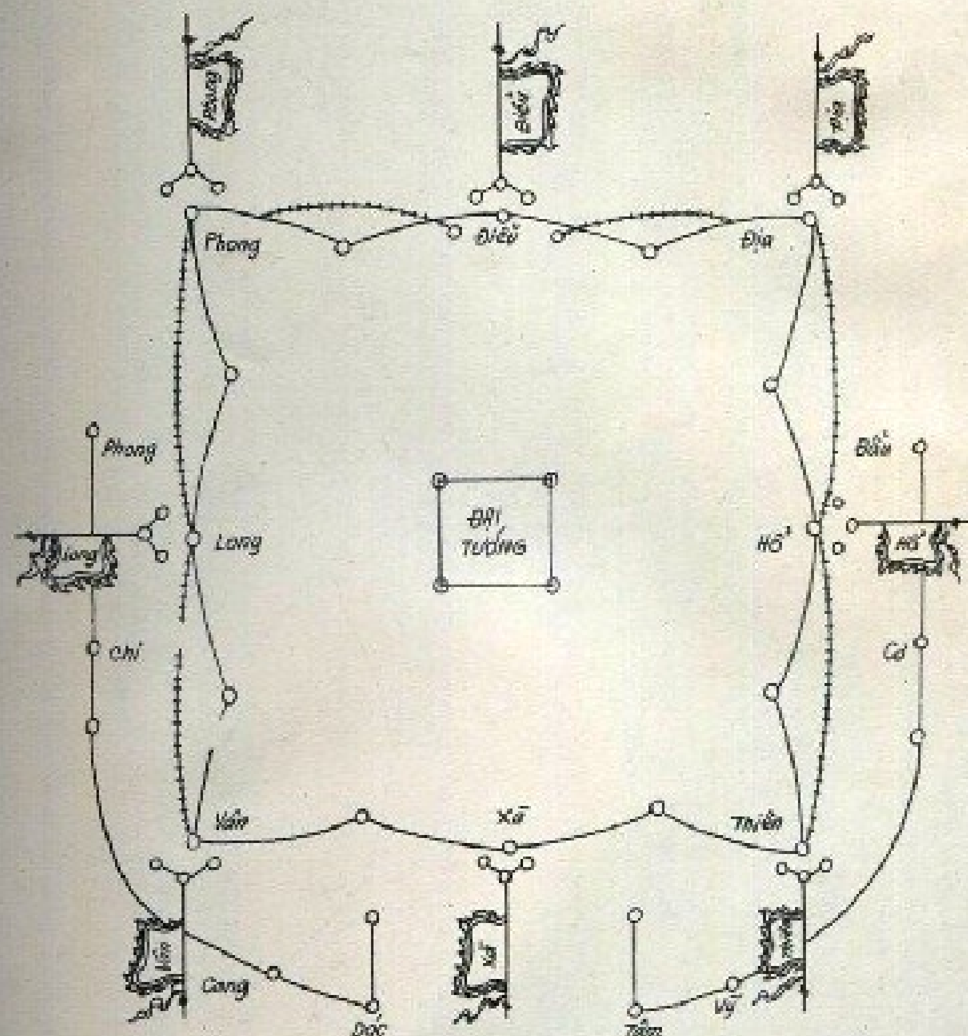
HÌNH 14 Tiểu chu thiên đệ ngũ biến : Trận tròn



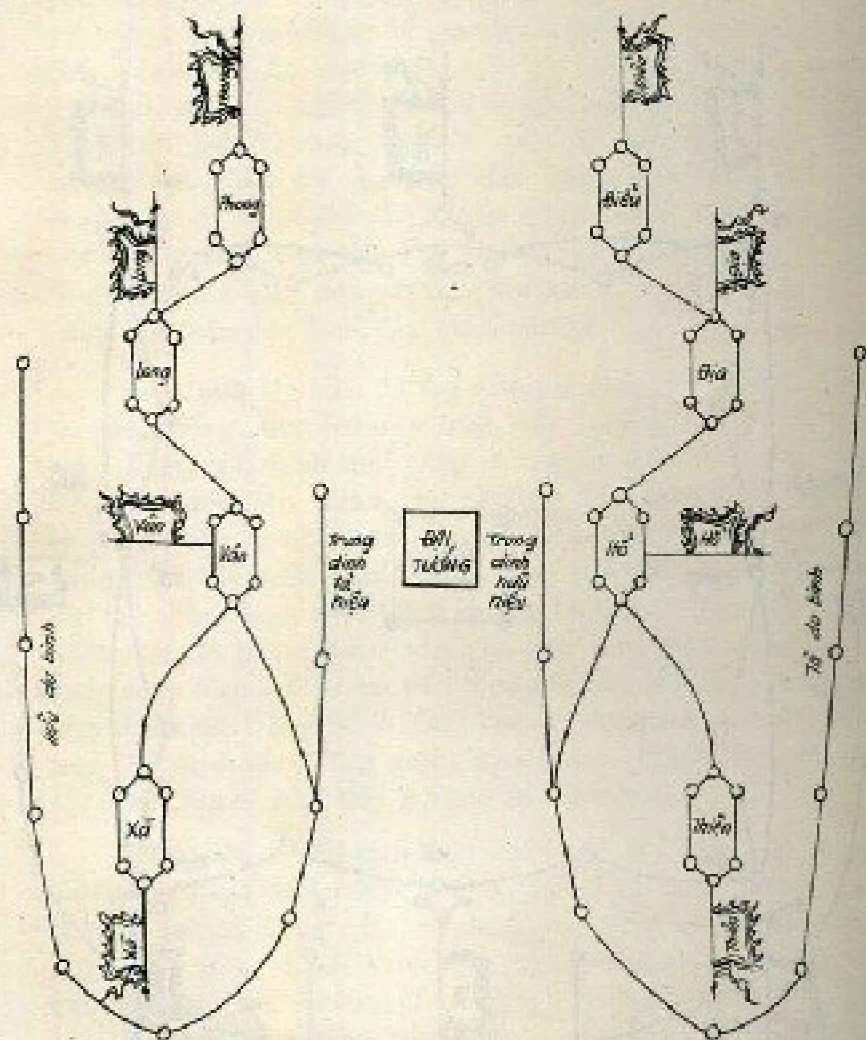
HÌNH 15 Tiểu chu thiên đệ lục biến: Khúc trận



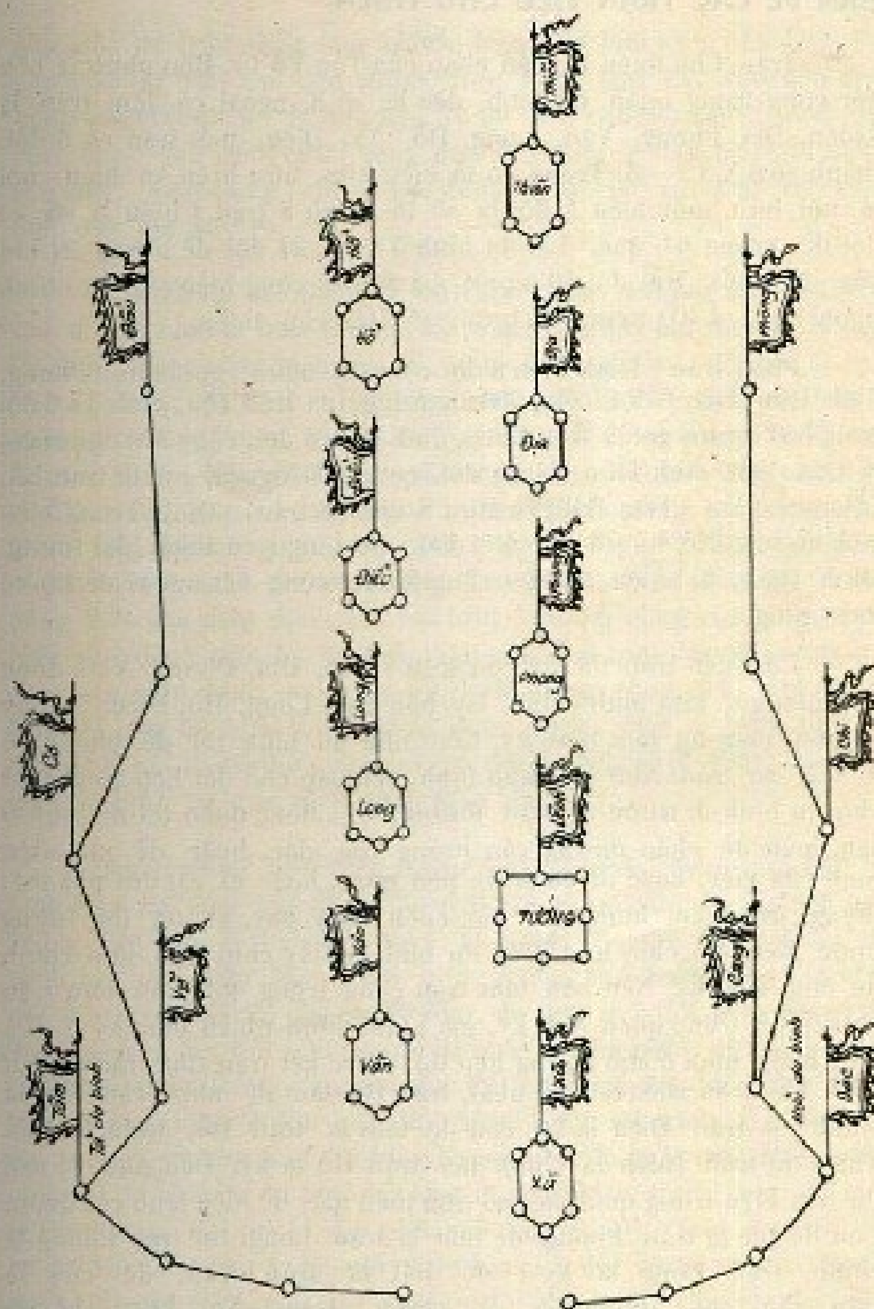
HÌNH 16. **Tiểu chu thiên đệ thất biến: Trực trận**



HÌNH 17. **Tiểu chu thiên đệ cửu biến: Trường xà đảo quyển**



HÌNH 18 Tiểu chu thiên đệ cửu biến : Trường xà đảo quyển



HÌNH 19. Tiểu chu thiên đệ thập biến: Trường xà liên châu

BÀN VỀ CÁC TRẬN TIỂU CHU THIÊN.

Trận Chu thiên là trận pháp của Tôn Võ tử. Bốn phương bốn góc cùng trung quân du binh, đều là số 8, ngoài có tám trận là Thiên, Địa, Phong, Vân, Long, Hổ, Xà, Điểu, mỗi trận có 6 đội, thành số 6 X 8 = 48. Trong có tả hiệu hữu, hữu hiệu và hiệu nội tả, nội hữu, mỗi hiệu 4 đội là số 16. Cộng 8 trận 4 hiệu là số 64 đội để tượng 64 quẻ. Lại du binh 3 x 8 = 24 đội để tượng 24 khí của trời đất. Mỗi đội 50 người. Cả 8 trận cùng hiệu và du binh ngoài cộng 1.400 người để tượng số Tiểu chu thiên.

Phép trận : Dinh Tiền 6 đội cộng 300 người, gọi là trận Phong, dinh Hữu Tiền 6 đội, cộng 300 người, gọi là trận Địa, dinh Tả 6 đội cộng 300 người gọi là trận Long, dinh Hữu 6 đội, cộng 300 người gọi là trận Vân, dinh Hữu Hậu 6 đội, cộng 300 người, gọi là trận Xà, (Kiêm-trai xét : Tiền Hậu Tả Hữu 8 dinh 8 trận). Dinh Trung hiệu Nội tả, hiệu Nội hữu 8 đội cộng 400 người, nguyên thuộc đại tướng. Dinh Trung hai hiệu tả hữu cũng 8 đội, cộng 400 người để hộ vệ đại tướng.

Lúc biến trận thì lấy bốn trận Thiên, Địa, Phong, Vân, đóng vào bốn góc làm binh chính. lấy bốn trận Long, Hổ, Điểu. Xà bày ra bốn phương làm binh kỳ. Còn như du binh thì để phòng bổ khuyết các trận. Như lúc hành binh, nếu gặp chỗ đất hẹp gò ghề thì cho du binh đi trước để dẫn đường. Khi đóng quân thì du binh ở sau, hoặc để chặn đường vận lương của giặc, hoặc để phá viện binh của giặc, hoặc để đánh úp phá quân, hoặc để cắt đứt phá thế, tùy cơ ứng biến, hình như gió cuốn mây bay, không thể lường được. Nếu bàn chín trận cùng du binh thì lấy chín trận làm chính du binh làm kỳ. Nếu bàn tám trận cùng trung quân thì tám trận làm chính trung quân làm kỳ, mà binh chính nhiều binh kỳ ít. Giả như hành binh ở chỗ đường hẹp thì trước kết trận *Chu thiên nhất biến.* Lấy trận Điểu làm đệ nhất, trận Địa làm đệ nhị, trận Địa là chính mà trận Điểu là kỳ, còn đệ tam là trận Hổ, đệ tứ là trận Thiên thì trận Thiên là chính mà trận Hổ là kỳ. Đến như đệ ngũ thì bốn hiệu trung quân là chỗ cầm then máy để hiệu lệnh các quân. Còn đệ lục là trận Phong, đệ thất là trận Long, thì trận Phong là chính trận Long là kỳ ; đệ Bát là trận Vân, đệ cửu là trận Xà, thì trận Vân là chính, trận Xà kỳ. Thế là một kỳ đương một chính trong *Binh pháp*. Nếu trận Điểu

gặp giặc thì trận Điểu làm chính, trận Địa làm kỳ ; nếu trận Địa gặp giặc thì trận Địa làm chính, trận Điểu làm kỳ. Cho nên *Binh pháp* nói «Chính lại là làm kỳ, Kỳ lại làm chính ; đánh đuôi đầu cứu, đánh đầu đuôi cứu ; vòng quanh không có đầu mối», là nghĩa thế đấy. Còn phép chính kỳ đánh đôm của các trận thì cũng theo đấy mà suy ra.

Chu Thiên đệ nhị biến thì chia quân làm hai dãy mà tiến. Chi tả, đệ nhất là trận Phong, đệ nhị là trận Long, đệ tam là hiệu tả dinh Trung cùng hiệu Nội tả, đệ tứ là trận Vân, đệ ngũ là trận Xà. Chi hữu, đệ nhất là trận Điểu, đệ nhị là trận Địa, đệ tam là hiệu hữu dinh Trung cùng hiệu Nội hữu, đệ tứ là trận Hổ, đệ ngũ là trận Thiên. Nếu giặc đánh vào trận nào, thì các trận chính kỳ tả hữu cùng xúm lại mà cứu, cho nên *Binh pháp* nói rằng «Một chính một kỳ, cùng giúp đỡ nhau» là thế đấy. Ví như giặc đánh vào trận Phong ở chi tả thì trận Long cứu, hiệu Tả dinh Trung cũng theo sau giáp đánh mà hai trận Vân Xà cũng cứu ứng nhau. Nếu giặc đánh trận Xà thì trận Vân cứu, hai trận Phong Long cũng theo sau giáp đánh mà hiệu Tả dinh Trung cũng cứu ứng nhau. Còn chi hữu thì nhất thiết không được động, một là binh tĩnh để đợi giặc, hai là để nhân chỗ hở mà đánh. Nếu giặc đánh vào chi hữu thì binh cơ ứng địch cũng theo phép ấy.

Chu thiên đệ tam Biến (tứ tượng) thì chia quân mỗi dãy lại tách làm hai dãy mà tiến. Cho nên chi tả nội thì đệ nhất là trận Phong, đệ nhị là hai đội hiệu Tả dinh Trung (trong 4 đội đã trích hai đội biến làm 2 đội hiệu Ngoại tả), 2 đội hiệu Nội tả (4 đội đã trích bổ 2 đội cho đại tướng), đệ tam là 2 đội hiệu Ngoại tả, đệ tứ là trận Xà. Chi hữu nội thì đệ nhất là trận Điểu, đệ nhị là 2 đội hiệu Hữu dinh Trung (trong 4 đội đã trích hai đội biến làm 2 đội hiệu Ngoại hữu, 2 đội hiệu Nội hữu (4 đội đã trích bổ 2 đội cho đại tướng), đệ tam là 2 đội hiệu Ngoại hữu, đệ tứ là trận Thiên. Chi tả ngoại đệ nhất là du binh bổ khuyết, đệ nhị là trận Long, đệ tam là trận Vân, đệ tứ là du binh bổ khuyết. (Du binh trên đó có 12 đội thì tách làm 3 đội nội tả du binh, 3 đội ngoại tả du binh, 3 đội bổ khuyết du binh, còn 3 đội thì lui xuống bổ khuyết cho sau trận) Chi hữu ngoại đệ nhất là du binh bổ khuyết, đệ nhị là trận Địa, đệ tam trận Hổ, đệ tứ là du binh bổ khuyết (du binh

trên đó 12 đội thì tách làm 3 đội nội hữu du binh, 3 đội ngoại hữu du binh, 3 đội bổ khuyết du binh, còn 3 đội thì lùi xuống bổ khuyết cho sau trận). Nếu gặp giặc thì đại tướng đánh một tiếng chiêng, bắn một tiếng súng hiệu, hết cả biến làm trận vuông, bốn phương bốn góc, bốn chính bốn kỳ, Hiệu Tả hiệu Hữu theo hiệu lệnh của cờ đại tướng mà biến. Ví như hai bên tiếp nhau, dùng trận vuông để đánh, thì đại tướng đánh chín tiếng trống, cầm cờ đỏ phất lên thì trận Điểu ra đánh. Đại tướng lại cầm cờ lục cờ vàng phất lên, đánh hai tiếng chiêng thì trận Phong trận Địa ra đánh, lại đánh ba tiếng trống, cầm cờ xanh cờ trắng phất lên, thì trận Phong trận Hổ tiếp đánh. Đại tướng cầm cờ vàng cờ trắng phất lên, đánh sáu tiếng chiêng thì trận Vân trận Thiên ra đánh. Lại cầm cờ đen phất lên, đánh một tiếng trống, thì trận Xà tiếp ứng. Nếu trận Điểu bất lợi thì hiệu Nội dinh Trung tiếp ứng. Nếu trận Phong bất lợi thì hiệu Nội hữu và hiệu Hữu tiếp ứng. Trận Long bất lợi thì hiệu Tả tiếp ứng. Trận Vân bất lợi thì hiệu Nội tả và hiệu Tả tiếp ứng, Trận Xà bất lợi thì hiệu Hữu và hiệu Nội hữu tiếp ứng. Còn du binh thì bày như hình bán nguyệt, một thuận một nghịch để xung đột thế giặc, Đây là thế trận vuông.

Nếu ở đồng bằng nội rộng thì kết trận tròn : *Đệ ngũ biến trận tròn* Đại tướng phải dùng cờ vàng cùng cờ bát quái, cờ ngũ sắc, cùng các thứ chiêng trống và lệnh tiễn để làm hiệu lệnh. Trận Điểu thì dùng cờ Điểu, trận Phong thì dùng cờ Phong, trận Long thì dùng cờ Long, các trận khác cũng như thế. Nếu là hiệu Tả thì dùng cờ Nhật, hiệu Hữu thì dùng cờ Nguyệt, hiệu Nội tả thì dùng cờ Dương, hiệu nội hữu thì dùng cờ Âm, như hai đạo du binh thì dùng cờ Giác, Cang, Tâm,, Vĩ, Chỉ, Phòng, Cơ, Đẩu ; không nên lẫn lộn với cờ tướng, Như bốn trận Long, Hổ, Điểu, Xà, thì dựng cờ lệnh Chấn Đoài Khảm Ly của đại tướng, bốn trận Thiên, Địa, Phong, Vân thì dựng cờ lệnh Càn Khôn Tốn Cấn của đại tướng. Nếu là du binh thì thảo lệnh tiễn của đại tướng, không được trễ nải thất thố. Cho nên *Binh pháp* nói rằng hiệu lệnh «sáng như lửa đuốc, dữ như sấm sét» nghĩa là thế đấy. Khi xuất chiến thì đại tướng cầm bốn cờ Khảm Ly Chấn Đoài phất lên, đánh một tiếng trống, thì trận Điểu trận Xà ra đánh mà trận Long trận Hổ giáp đánh. Nếu bốn cờ Càn Khảm, Tốn Cấn phất lên, đánh một tiếng trống, thì trận Thiên trận Địa ra đánh, mà trận Phong trận Vân giáp đánh. Nếu trận Điểu gặp giặc thì trận Địa trận Phong

giáp đánh ở tả hữu, trận Long gặp giặc thì trận Phong trận Vân giáp đánh ở tả hữu, trận Hổ gặp giặc thì trận Thiên trận Địa giáp đánh ở tả hữu, trận Xà gặp giặc thì trận Thiên trận Vân giáp đánh ở tả hữu. Ví như rắn Thường-sơn, đánh vào giữa thì đầu đuôi đều ứng. Thế là phép hai kỳ một chính.

Còn du binh thì bày trận binh sau Đầu để đặt quân phục mà đánh úp. Song trong du binh cũng có hiệu cờ ngũ hành, ví như lúc thám đường, nếu đằng trước gặp núi rừng thì dựng cờ Mộc để báo, đằng trước có sông chằm thì dựng cờ Thủy để báo, đằng trước có khói lửa thì dựng cờ Hỏa để báo, đằng trước có thành quách gò đá thì dựng cờ Thổ để báo, đằng trước có binh mã thì dựng cờ Kim để báo. Đấy là ý trên dưới giao tiếp, trong ngoài giao thông của *Binh pháp.*

Nếu gặp chỗ đất gập ghềnh hiểm trở thì biến làm trận cong : *Tiểu chu thiên đệ lục biến, trận cong*. Đại-tướng đánh một tiếng chiêng, cầm cờ vàng phất lên thì trận Phong trận Vân ra đánh ; đánh ba tiếng trống, cầm cờ vàng phất lên hai cái, thì trận Thiên trận Địa ra đánh ; đánh ba tiếng chiêng, cầm cờ vàng phất lên ba cái, thì trận Điểu trận Long ra đánh ; đánh bốn tiếng trống, cầm cờ vàng phất lên bốn cái, thì trận Hổ trận Xà ra đánh, Đấy là phép chính kỳ xen nhau trong *Binh pháp.*

Nếu gặp chỗ đường cái rộng lớn thì nên bày trận thẳng. *Tiểu Chu thiên đệ thất biến, trận thẳng*. Đại tướng đánh bốn tiếng trống, cầm cờ xanh phất lên bốn cái, thì trận Điểu ra đánh, mà các trận Phong Vân Long Hổ giáp đánh ; đánh ba tiếng chiêng, cầm cờ xanh phất ba cái, thì trận Địa ra đánh, mà các trận Điểu Phong Thiên Hổ giáp đánh ; đánh hai tiếng trống, cầm cờ xanh phất hai cái, thì trận Hổ ra đánh, mà các trận Điểu Địa Xà Thiên giáp đánh ; đánh một tiếng trống, cầm cờ xanh phất một cái, thì trận Thiên ra đánh, mà các trận Địa Hổ Vân Xà giáp đánh. Từ tả xoay sang hữu, sau đều như thế. Đấy là phép bốn kỳ một chính trong *Binh pháp.*

Nếu như đường cong thì nên dùng trận nhọn : *Đệ bát biến trận nhọn*. Đại tướng đánh một tiếng trống, cầm cờ đỏ phất năm cái, thì trận Long trận Điểu ra đánh, mà các trận Phong Vân Địa giáp đánh ; đánh 3 tiếng chiêng, cầm cờ đỏ phất bốn cái

thì trận Hổ trận Xà ra đánh, mà các trận Thiên Vân giáp đánh, đánh ba tiếng trống, cầm cờ đỏ phất ba cái, thì trận Phong trận Thiên ra đánh, mà các trận Điểu Địa Hổ giáp đánh; đánh bốn tiếng chiêng, cầm cờ đỏ phất 3 cái, thì trận Địa trận Vân ra đánh mà các trận Hổ Thiên Xà giáp đánh; đánh bốn tiếng chiêng, cầm cờ đỏ phất một cái, thì trận Phong trận Địa ra đánh, mà các trận Hổ Điểu Long giáp đánh. Đấy là năm trận biến hóa.

Nếu như địa hình khuất khúc thì biến làm trận trường xà đảo quyển : *Tiểu chu Thiên đệ cửu biến, Trường xà đảo quyển*. Đại tướng ở giữa, đánh một tiếng chiêng ba tiếng trống, thì bốn trận Xà Vân Long Phong đảo lên bên tả, bày chếch như thế rắn vung, bốn trận Thiên Hổ Địa Điểu đảo lên bên hữu, bày chếch như hình rắn vung để hộ vệ đại tướng, du binh hai bên tả hữu cũng tùy thế mà bày ở ngoài. Nếu hai trận Điểu Phong gặp giặc, thì đại tướng đánh bốn tiếng chiêng, ba tiếng trống, trận Long trận Địa ra đánh, mà các trận Vân Hổ giáp đánh, các trận Xà Thiên tiếp ứng. Đấy là phép hai kỳ hai chính trong *Binh pháp*.

Nếu là núi cao hiểm dốc, khấp khểnh gập ghềnh, sợ giặc đánh bất ngờ mà đầu đuôi không ứng nhau được, thì biến làm trận rắn dài thẳng tiến, hình như liên châu trường xà: *Tiểu chu thiên đệ thập biến, Trường xà liên châu*. Phép này thì trận Thiên tiến thẳng thăm đường ở đỉnh núi, nếu không có địch thì cho người về báo mà chiếm đóng đỉnh núi. Các trận thì theo thứ tự mà tiến. Nếu thấy có địch cũng cho người về báo, cứ từ từ mà tiến lên, không nên gián đoạn. Nếu trận Hổ bên tả không có giặc thì cũng cho người về báo mà chiếm đóng núi bên tả, trận Địa bên hữu không có giặc cũng cho người về báo mà chiếm đóng núi bên hữu. Các trận khác cũng cứ thế mà suy. Nếu giặc đánh vào trận Thiên thì hai trận Hổ Địa ở tả hữu giáp đánh. Nếu giặc đánh vào trận Hổ ở núi bên tả thì trận Địa ở núi bên hữu giáp đánh. Nếu giặc lui thì trận Thiên tiếp mà đánh, còn các trận khác cũng từ từ tiến lên chiếm đóng. Nếu giặc đánh vào trận Xà đằng sau lưng thì các trận lấy trước làm sau, lấy sau làm trước, lấy lùi làm tiến, lấy tiến làm lùi, hết rồi lại bắt đầu, thế như chuỗi hạt châu, không nên gián đoạn. Cho nên *Binh pháp* nói rằng «Chỗ nào dùng là đâu», nghĩa là thế đó.

TỔNG LUẬN VỀ TOÀN CHỈ CHU THIÊN.

Xét mười trận Chu Thiên, mỗi trận 64 đội, mỗi đội 50 người mà biến hóa vô cùng. Như trận đệ nhất là trận chính Thái cực hỗn thiên, trận đệ nhị là trận biến Lưỡng nghi phân khai, trận đệ tam là trận biến Tứ tượng đối xung, trận đệ tứ là biến trận vuông, trận đệ ngũ là biến trận tròn, trận đệ lục là biến trận cong, trận đệ thất là biến trận thẳng, trận đệ bát là biến trận nhọn, trận đệ cửu là biến Trường xà đảo quyển, trận đệ thập là biến Trường xà liên châu, cộng là mười trận. Trong mười trận ấy đều có phép ngũ hành, như trận tròn thuộc kim, trận vuông thuộc thổ, trận cong thuộc thủy, trận thẳng thuộc mộc, trận nhọn thuộc hỏa, mỗi trận 64 mỗi đội cũng biến thành năm trận là vuông, tròn, cong, thẳng, nhọn cộng là 320 trận, cùng với 10 trận ở trên là 330 trận, cùng du binh 24 đội tức là biến thành 354 trận, Vì số Chu thiên là 365 độ cho nên gọi là trận Chu thiên,

Xin đem một đội mà nói, để biết. Trong số 50 người, biến chia làm 9 trận, trận Điểu 5 người, trận Phong 5 người, trận Vân 5 người, trận Long 5 người, trận Xà 5 người, trận Thiên 5 người, trận Hổ 5 người, trận Địa 5 người, cộng 40 người. Hiệu Tả 2 người, hiệu Nội tả 2 người, hiệu Hữu 2 người, hiệu Nội hữu 2 người. Cũng là một đội mà biến. Còn các đội khác cũng theo đấy mà suy.

Còn du binh 24 đội, thì biến thành 24 trận chữ nhất, cùng với trận Hai cánh uyên ương và 5 trận vuông, tròn, cong, thẳng, nhọn, trận Thất đầu, trận Ngũ hành, trận Khúc đầu, trận Đảo quyển, trận Liên châu, cộng 35 trận. Trong mỗi trận có đủ sáu thế, một là long phi, hai là hổ cứ, ba là điểu tường, bốn là bàn xà, năm là phong dương, sáu là vân thùy (1). Ví như trận phong gặp giặc mà trận Địa trận Vân giáp đánh, thế như hai cánh chim, cho nên gọi là thế điểu tường. Thế này rất dễ đánh úp giặc. Nếu trận Long trận Hổ chia làm hai chi mà tiến thì gọi là thế phong dương, thế này dễ xuyên vào trận giặc. Nếu trận Xà ở sau trận mà đột xuất đánh một mình, các trận tùy thế mà chuyển, thì gọi là thế long phi, thế này dễ diệt giặc. Nếu

(1) Rồng bay : Cọp ngồi : Chim liệng : Rắn cuộn : Gió nổi : Mây rủ.

trận Vân trận Thiên chia làm hai đạo mà chuyển tiến đồ quanh đánh bên tả bên hữu, thì gọi là thế Xà bàn, thế này để vòng quanh giặc. Nếu trận Điểu ra đánh, giả cách thua chạy, khiến du binh phục để đánh úp thì gọi là thế Hổ cứ, thế này để cướp giặc. Nếu trận Điểu ra đánh, trung quân phục để đợi dụ giặc vào giữa lòng rồi bốn mặt xúm quanh mà đánh, thế gọi là thế Vân thủy, thế này để vây giặc. Phàm sáu thế ấy rất dễ dùng để đánh.

Còn như đặt phục ra kỳ thì dùng thế âm dương đắp đổi. Thế này lấy nhàn mà đợi nhọc. Như đại tướng cầm cờ vàng phất mãi, chiêng chống đánh liền, thì bốn trận Long, Hổ, Xà, Điểu ra đánh, phút chốc lại thấy ngũ cờ im trống, tất là quân lui. Lại một chốc cờ trống rầm trời, thì bốn trận Thiên Địa Phong Vân ra đánh, ít lâu cũng lui. Còn hiệu Tả thì tiếp ứng các trận Thiên Địa Phong Vân, hiệu Hữu thì tiếp ứng các trận Long Hổ Điểu Xà, một tiến một lui, hết rồi lại bắt đầu, một động một tĩnh, luân chuyển vô cùng. Đấy là thế âm dương đắp đổi.



YẾU LUẬN VỀ GIÁO TRƯỜNG DIỄN TRẬN.

Phép tập trận ở giáo trường, trước hết phải theo hiệu lệnh của tướng. Nếu tướng lệnh không nghiêm, ba quân không chỉnh, thì làm sao tập trận mà biến hóa được. Cho nên xong ba hồi chiêng trống của đại tướng rồi thì đại tướng cùng bốn hiệu và các tỳ tướng cùng tiến, chia làm tám vị mà tiến. Còn du binh thì chia ra làm hai đạo tiếp sau mà tiến. Chia binh như thế xong rồi, hễ hiệu cờ bát quái của đại tướng phất lên một cái và đánh một tiếng trống thì bốn trận Long Hổ Điểu Xà cùng cất cờ hiệu, và bốn trận Thiên Địa Phong Vân cũng cất cờ hiệu bày làm trận vuông. Xong rồi, du binh biến làm hình bán nguyệt, mỗi người cách nhau một bước. Còn trong 8 trận thì mỗi trận cách nhau 100 bước, chia làm 8 cửa. Đấy là *Binh pháp* nói «trong trận có khách trận, trong đội có khách đội». Thấy đại tướng cầm cờ vàng phất hai cái và nghe đánh hai hồi chiêng trống xong, thì các trận biến làm trận tròn. Nếu cờ vàng phất ba cái và chiêng trống đánh ba hồi thì các trận biến làm trận cong. Nếu cờ vàng phất bốn cái và chiêng trống đánh bốn hồi thì các

trận biến làm trận thẳng. Nếu cờ vàng phất năm cái, và chiêng trống đánh năm hồi thì các trận biến thành trận nhọn. Biến hiệu của các trận khác cũng y theo trận vuông trước. Thế là hiệu lệnh của đại tướng là ở bốn kỳ, hiệu lệnh của bốn kỳ là ở bốn chính mà biến năm trận. Xong rồi, chợt thấy đại tướng cầm cờ ngũ sắc phất một cái và nghe đánh một tiếng trống, thì các trận đều dậy; nếu cờ ngũ sắc phất hai cái, trống đánh hai tiếng thì các trận đều tiến; nếu cờ ngũ sắc phất ba cái, trống đánh ba tiếng thì các trận đều tiến gấp; nếu cờ ngũ sắc phất bốn cái, trống đánh bốn tiếng thì các trận đều lên trước. Ví như lúc giao chiến đang say chợt cờ bát quái phất một cái và thổi một tiếng còi thì các trận tiến về phía đông, cờ phất hai cái và còi thổi hai tiếng thì các trận tiến về phía nam, cờ phất ba cái và còi thổi ba tiếng thì các trận tiến về phía tây, cờ phất bốn cái và còi thổi bốn tiếng thì các trận tiến về phía bắc, cờ phất năm cái và còi thổi năm tiếng thì các trận đều về. Nếu nghe đánh lẻ một tiếng chiêng thì các trận bãi chiến, đánh hai tiếng chiêng thì các trận đều đứng, đánh ba tiếng chiêng thì các trận đều quay lưng lại, đánh bốn tiếng chiêng thì các trận đều lui, đánh năm tiếng chiêng thì các trận đều về nguyên vị mà đứng, không được làm rối loạn. Ví như trận vuông thấy đại tướng cầm cờ vàng phất một cái, nghe đánh một tiếng trống, thì trận Địa giơ cờ hiệu lên mà trận Điểu ra đánh; cờ vàng phất hai cái, trống đánh hai tiếng thì trận Hổ giơ cờ hiệu lên trước mà trận Địa ra đánh; cờ phất ba cái, trống đánh ba tiếng thì trận Long giơ cờ hiệu lên trước mà trận Phong ra đánh, Các trận khác đều theo như thế.

Lại như trận tròn, thấy đại tướng cầm cờ vàng phất 2 cái, nghe đánh chiêng 2 tiếng thì trận Điểu trận Địa ra đánh, cờ phất 3 cái, trống đánh 3 tiếng thì trận Phong trận Long ra đánh. Hiệu lệnh các trận khác cũng theo bốn trận này mà suy.

Lại như trận cong, thấy đại tướng cầm cờ vàng phất 3 cái, nghe đánh chiêng 3 tiếng thì trận Vân trận Địa đều giơ cờ hiệu, mà trận Điểu trận Xà ra đánh; cờ phất 4 cái, chiêng đánh 4 tiếng thì trận Phong trận Thiên đều giơ cờ hiệu, mà trận Long trận Hổ ra đánh. Các trận khác cũng theo bốn trận này mà suy.

Lại như trận thẳng, thấy đại tướng cầm cờ vàng phất 4 cái

nghe đánh trống 4 tiếng thì trận Long trận Xà đều giơ cờ hiệu, mà trận Phong trận Vân ra đánh ; cờ phất 5 cái, trống đánh 5 tiếng thì trận Điểu trận Hổ đều giơ cờ hiệu, mà trận Thiên trận Địa ra đánh. Các trận khác cũng theo hiệu lệnh ấy mà đánh.

Lại như trận nhọn, thấy đại tướng cầm cờ vàng phất 5 cái, nghe đánh chiêng 5 tiếng thì trận Điểu ra đánh ; cờ phất 6 cái, trống đánh 6 tiếng ... Các trận khác cũng theo hiệu lệnh ấy mà đánh.

Còn như hiệu Tả thì trông cờ Dương mà ứng, hiệu hữu thì trông cờ Âm mà ứng. Đến như du binh thì xem lệnh tiễn của đại tướng. Nếu lệnh tiễn phóng một cái thì 4 đạo Giác, Cang, Chi, Phong ra tiếp ứng ; lệnh tiễn phóng 2 cái thì 4 đạo Tâm, Vĩ, Cơ, Đẩu ra tiếp ứng ; lệnh tiễn phóng 3 cái thì các đạo du binh đều tiếp ứng.

Đánh ngày thì dùng hiệu cờ, đánh đêm thì dùng hiệu đèn. Quân các trận ra đánh, cờ sắc gì, quần áo gì, phải cho 3 quân tai nghe mắt thấy, ngày thường thuộc sẵn để đến khi ra trận thì như thân sai cánh tay, cánh tay sai ngón tay, mạch lạc quán thông, ai dám không theo. Cho nên Gia cát nói rằng phép đồ trận phải hiệu lệnh nghiêm minh, bộ khúc chỉnh tề, cùng hàng ngũ bộ số, trước sau tả hữu, tiến lui đánh đâm, cái gì cũng thuộc kỹ. Người dũng không thể tiến một mình, người nhát không thể lui một mình, cùng lòng cùng sức, cùng phù trì nhau. Cho nên năm người làm một ngũ, 50 người làm một đội, nếu một người xông lên đánh giặc mà bốn người không cứu, một ngũ gặp nguy mà chín ngũ đứng nhìn, thì theo quân pháp mà trừng trị. Dẫu người bách tính lạ nhau cùng quân ở họp cũng thân nhau như anh em cha con, có ai dám trái lệnh phạm pháp đâu.

Còn như người chấp nhất, học phép Thái ất kỳ môn, đem ba quân bày các trận mà phương không biết, chế độ không xét, chỉ câu nệ vượng tướng cô hư (1), thiên quan thời nhật (2), mà về đạo làm tướng thì mờ mịt không hiểu gì, thế thì có khác gì sa xuống vực sâu, ngã vào hang tối, tất là bại binh tổn

(1) Vượng tướng cô hư : Chữ của đạo gia nói hành nào thì vượng về chi nào.

(2) Thiên quan thời nhật : Giờ ngày do Thiên quan xem.

tướng, có dùng làm gì. Còn ai nghe lời ta dạy thì hẳn là trăm đánh trăm thắng.

Lại xét về chân trận, cũng có phương lược chắc chắn. Ví như trận vuông, thì trước sai trận Xà trận Điểu ra đánh, rồi sai trận Long trận Hổ giúp nhau, thì 4 trận Thiên, Địa, Phong, Vân cũng kết làm 8 trận mà đứng. Nếu là trận tròn thì trước sai trận Thiên trận Địa ra đánh, rồi sai trận Phong trận Vân giáp đánh, thì 4 trận Long Hổ Xà Điểu cũng kết làm 8 trận mà đứng. Mỗi một trận 6 đội nên chia đôi ra lấy 3 đội làm một trận, thì các nửa trong 4 trận cũng thành 8 trận. Các trận khác cũng theo đấy mà suy.



YẾU PHÁP PHÁ TRẬN.

Phàm phép phá trận, đời xưa vẫn có, Nhưng phải có phương lược, nếu không có phương lược thì phá sao nổi. Ví như bên địch bày trận vuông, trước sai trận Điểu ra đánh, rồi sai trận Phong trận Địa tiếp đánh, thì ta bày trận tròn, trước sai hai trận Xà Điểu đón đánh, rồi sai bốn trận Long Hổ Thiên Địa tiếp đánh, Như thế thì họ có một mà ta có hai, lo gì chẳng phá được trận. Các trận khác cũng theo đấy mà suy.



TỒNG BÌNH VỀ TẬP ĐỊA

Kiếm-trai xét : Loan-khê xử sĩ dẫn lời bàn của Tùng-cúc chủ nhân nói rằng : Sách *Quảng nghĩa* nói thể đất không dày thì chở muôn vật nặng không mang nổi, cho nên ***Kinh Dịch*** nói Khôn (đất) dày chở vật, đức lớn không có bờ nào, là nghĩa thế đấy, Xem như đất đặt núi sông để ngăn Di Địch, định phong cương để dựng muôn nước, công đức biết là nhường nào. Lại có núi cao chót vót, sông dữ sục sôi, xem như cửa Kiếm-các (1), cửa Hào-hàm, dẫu có đường ruột dê đường chân chim mà quân giáo đồng ngựa sắt, cũng khó bay nhảy vào được. Lại xem dòng sông Trường-giang, sóng biển Bột hải, dẫu có sức buồm nhẹ chèo mau mà cái nạn đắm thuyền đuối người vẫn

(1) Cửa ải ở tỉnh Tứ-xuyên ngày nay

chưa khỏi sợ. Đấy đều là đất đặt núi sông dễ giữ vững vậy. Tôi đọc sách *Hồ trướng khu cơ* đến Tập Địa thì vỗ sách mà than rằng: Xem thánh hiền xưa đặt ra trận pháp, như các trận Tiên thiên Hà đồ, Bát môn kim tỏa, cùng các trận Chu thiên tựa hồ đương chỗ đồng bằng nội rộng mà đột ngột nổi lên ngũ hồ ngũ nhạc, chín châu bốn biển, dẫu có nghìn môn vạn hộ, bốn mặt tám phương, nhưng trong ấy hiểm trở kín đáo thế không lọt được cái kim, vì dù quân giặc trăm vạn, dõng tướng nghìn viên cũng không làm gì nổi. Thế mới biết Gia-cát tiên sinh học trận pháp có thể bảo là đức ngang với trời, công ngang với đất vậy. Chỉ thấy chín sao rõ ràng, tám cửa âm hợp, chiếm cơ quan của trời đất, cướp tạo hóa của phong vân, trước sau bày thế Điểu Xà, tả hữu chia hình Long Hổ; binh đinh đội trước, như muôn tia lửa nóng đốt non; nhâm quí theo sau, như nghìn đợt sóng cuộn ngập đất; thế tả xoay vần thanh khí; hình hữu soi suốt bạch quan; khôn thổ chỉ chiếm trung ương; hoàng đạo toàn theo mậu kỷ (1). Kể trong tám cửa, đủ phần hai mươi tám sao; các trận bốn phương ẩn cả sáu mươi tư quẻ. Quanh quanh quần quần, rối ren đội ngũ biến trường xà; chỉnh chỉnh tề tề, im lặng uy nghi như phục hổ; trận Mai hoa một xung một đột; trận Tam tài hoặc trước hoặc sau. Chẳng phải khoe bát trận thành công; chẳng phải nói lục thao thủ thắng. Học thì học diệu kế của Khổng-minh; dùng thì dùng thần cơ của Lã Vọng. Nếu không phải tiên núi Bạch-hạc truyền phép diệu, thì làm sao rồng bay lên trời giúp công to?

(1) Mậu kỷ là thổ, thuộc trung ương.

HỒ TRƯỚNG KHU CƠ

QUYỂN III

TẬP NHÂN

- **Yếu chỉ bàn về tướng.**
- **Phép chọn tướng luyện binh.**
- **Yếu luận về quân cơ.**
- **Phép dạy quân đánh giặc.**
- **Phép giữ thành chống giặc.**
- **Yếu luận về địa thế.**

YẾU CHỈ BÀN VỀ TƯỚNG.

Phàm đạo làm tướng, có tám điều cốt yếu; Một là dốc nhân, hai là minh nghĩa, ba là cần tín, bốn là trí tuệ, năm là minh triết, sáu là tài năng, bảy là cương dũng, tám là uy nghiêm. Trong tám điều ấy, lấy chí thành làm chủ. Cho nên *Kinh Dịch* nói rằng: «Chí thành là đạo trời, giữ thành là đạo người, chưa thấy có thành mà lại không cảm động được lòng người». Cho nên làm tướng có tám điều cốt yếu ấy, nếu đem lòng chí thành để giữ gìn, thì trên có thể giúp đỡ xã tắc, chia phần lo việc với vua; dưới có thể giữ mệnh ba quân, cứu nhân dân trong cảnh khổ.

Nhân làm đầu mọi nết tốt, là đức của lòng người, đạo trời lấy làm đầu, đạo người lấy làm gốc. Cho nên, thể thì yên lặng như núi dụng thì mạnh mẽ khó đương. Nếu làm tướng mà không dốc lòng nhân thì lấy gì để cố kết nhân tâm cho giặc phục? Cho nên người xưa nói «Không sợ thế giặc đương cường, chỉ sợ lòng dân đã hở», là nghĩa thế đấy.

Nghĩa là lẽ phải của việc để kiềm chế lòng người. Không có nghĩa thì việc làm mất lẽ phải, người người tạm bợ. Cho nên làm tướng tất trước phải biết nghĩa. Nghĩa đã rõ thì có thể biết trung báo ơn nước, xử sự đúng lẽ mà duy trì được lòng người. Ngày xưa Nhạc Nghị làm tướng nước Yên mà người nước Tề phục là có nghĩa, cũng bởi thế đấy. Nếu làm tướng không biết nghĩa chính đại mà cầu lợi lặt vặt, thì người thất phu thất phụ vác cầy bừa mà đuổi đi, còn đánh giặc làm sao được.

Tín là của báu của nhà nước, là gốc rễ của muôn việc, dẫu giống vật ngu si cũng biết cảm động. Cho nên cổ nhân cảm động lợn cá (1), bắn xuyên hổ đá (2), há chẳng bởi lòng thành tín sao?

---

(1) Lợn cá: Kinh Dịch, quẻ «Trung phu» nói «Lợn cá cũng tin» là lòng thành tín cảm động đến cùng, vì lợn cá là giống vật ngu mà còn cảm động được.

(2) Bắn hổ đá: Hán thư chép Lý Quảng đi săn thấy hòn đá ở trong cỏ, nghĩ là con hổ giương cung lên bắn, bắn trúng, đến sau thấy chỉ là hòn đá mà tên vào đá ngập và, lại bắn lần nữa thì tên không cắm đá nữa.

Tấn Văn công không tham lợi đánh ấp Nguyên (1), Tề Hoàn công không trái hẹn với Tào Mạt (2), rồi làm nên bá nghiệp được. Trọng Do nửa lời xử án (3), Nhạc Nghị một lữ phá Tề (4), đều bởi có tín đấy thôi. Cho nên thánh nhân nói rằng «Bỏ việc ăn, bỏ việc quân, duy tín không thể bỏ được», thì biết tín là của báu không thể khinh. Lúc bình thời còn như thế nữa là lúc loạn! Cho nên làm tướng mà cần tín thì chính lệnh đưa ra, vững như vàng đá, tin như bốn mùa không ai dám có lòng gì khác. Nếu làm tướng mà bất tín, thì trên dưới hai lòng, quân cơ mất nhịp, dẫu đứa trẻ năm thước cũng chẳng vui lòng, nữa là nước giặc sao!

Trí là cái gì cũng biết. Nếu có trí tuệ thì việc thiên hạ, dẫu việc rất nhỏ trông qua cũng biết nữa là việc binh. Cho nên làm tướng có trí tuệ thì vận dụng đúng mực, kinh quyền hợp nhịp, mà cơ biến trong phút chốc xử trí dễ như trở tay, dẫu quỷ thần cũng không thể lường, huống chi là người! Nếu làm tướng mà không trí tuệ thì nhấc 1 góc, ba góc vẫn không nổi được, trong lúc xử sự chỉ như người đánh dấu mạn thuyền để tìm gươm. Lúc lâm cơ thì khác nào sừng dê húc giậu, dẫu có quân trăm vạn mạnh như Mạnh Bôn Ô Hoạch (5) cũng ngồi mà chờ chết, huống chi là trong lúc thảng thốt! Cho nên *Kinh Dịch* nói «Đệ tử dư thi (6) đột như kỳ lai như phần như (7), tử như, khí như (8), khấp huyết liên như (9).»? những lời ấy có sai đâu.

---

(1) Ấp Nguyên: Tấn Văn công đem quân đi đánh Nguyên, hẹn cho quân đem lương ăn 3 ngày. 3 ngày không hạ được, cho quân về. Ấp Nguyên phục là thành tín mà hàng.

(2) Tào Mạt: Tề hoàn công hội với Lỗ hầu. Tào Mạt là tướng Lỗ, cầm gươm hiếp Hoàn công. Hoàn công hẹn trả lại đất cho nước Lỗ, sau Hoàn công toan không trả, Quản trọng can rằng: Muốn thành nghiệp bá phải giữ lời hứa. Hoàn công bèn trả đất cho nước Lỗ.

(3) Xử án: Trọng Do tức Tử Lộ, là người dũng tín, cho nên nói nửa lời cũng đủ kết xong việc án.

(4) Nhạc Nghị làm tướng nước Yên, đi đánh nước Tề, vì có tín nghĩa nên năm nước láng giềng giúp quân cho, mới đánh nổi nước Tề.

(5) Mạnh Bôn, Ô Hoạch: Hai người dũng sĩ đời Tần Vũ vương.

(6) Đệ tử dư thi: Con em chất xác chở đầy xe. (**Kinh Dịch**, Quẻ Sư hào lục ngũ).

(7) Đột như, kỳ lai như, phần như: Nếu cương táo bất trung thì thế cương đột đến, bức bách người trên như lửa đốt (**Kinh dịch**, Quẻ Ly hào cửu tứ).

(8) Tử như, khí như: Đốt như thế tất có họa cho nên tất chết; nghịch đức như thế mọi người đều bỏ (**Kinh** dịch, Quẻ Ly hào cửu tứ).

(9) **Khấp huyết** liên như. Nơi cực hiểm mà không quân ứng viện, đến cùng chỉ khóc đổ máu mắt ra mà thôi. (**Kinh Dịch**, Quẻ Truân hào thượng lục).

Minh là tự lòng mình sáng thiêng không mờ tối, cho nên đối với việc thiên hạ dẫu nhỏ như mầm mống hào lý đều hiểu rõ hết. Phàm những lời gièm pha thấm thía, những lời vu cáo quanh co mà không nhận thức như kẻ không trông thấy cả xe củi, thì đều không phải là thể bản nhiên. Cho nên làm tướng phải minh triết, để phòng việc nhỏ, thì trong khoảng cơ biến còn rõ ràng ở trước mắt, huống là tình hình bên địch, *Kinh Dịch* nói « Quân tử biết mềm biết rắn, biết nhỏ biết lớn, biết cơ là thần rồi ; giao thiệp với người trên không nịnh, giao thiệp với người dưới không nhờn mà minh triết giữ mình, là nghĩa thế đấy.

Tài năng là phẩm quý của người mà rất khó được. Phàm người có tài, mở trời xoay đất, giúp đỡ yên dân, thì thiên tử không bắt làm tôi được, chư hầu không đem làm bạn được. Nếu người làm vua mà không thành kính tận lễ ba lần đến đón thì không được gặp. Còn những tài nhỏ tầm thường, sàn sàn hèn mọn, văn không đủ giúp nước, võ không đủ yên dân, mà dùng làm việc quân thì là đem quân trăm vạn mà xô xuống ngòi rãnh thôi, trông cậy gì được.

Cương thì không bị dụ vì lợi, mà dũng cũng nhờ vào đấy, thấy điều nghĩa là làm ngay, làm sự thì thận trọng, như Thang Võ một lần nổi giận mà thiên hạ được yên, thế mới là đại dũng. Còn những người mặc áo giáp cầm giáo sắc, đánh tan trận giặc, bẻ gẫy mũi nhọn, và múa gươm quắc mắt, đó chỉ là dũng huyết khí, không phải là đại dũng quân tử. Cho nên làm tướng mà không cương dũng thì bị dụ vì lợi, thấy lợi là làm, mà ba quân không cử động chân tay được:

Nghiêm là việc cốt yếu của binh gia, bởi vì quyền hành cõi ngoài về tay đại tướng. Người xưa nói « Tướng ở ngoài, mệnh vua cũng có điều không theo » là nghĩa thế đấy. Làm tướng mà không uy nghiêm thì quân sĩ dọc ngang, ba quân trễ nải, dẫu chỗ đất bé nhỏ như nốt ruồi viên đạn cũng không đánh lấy được, huống là đối với giặc mạnh ! Cho nên làm tướng trước phải hiệu lệnh nghiêm minh, ba quân chỉnh túc, giữ thì bắt chước Chu Á-phu đóng quân Tế Liễu, lệnh thì bắt chước Tôn Vũ tử luyện tập nữ binh. Như thế thì sĩ tốt khi đánh giặc dẫu chết cũng không dám lui, ba quân ra trận, nếu lâm nguy càng hăng hái, dẫu giặc khỏe như gốc quánh

thớ dai còn không đủ sợ, huống là đám giặc cỏ như đàn ong lũ kiến. Cho nên nói rằng làm tướng phải lấy uy nghiêm làm việc cốt yếu.



PHÉP CHỌN TƯỚNG LUYỆN BINH.

Phàm tướng là đồ quan trọng của nhà nước. Đồ cứng thì gẫy quyền trọng thì nguy ; binh là hung khí, bất đắt dĩ mới dùng đến. Cho nên binh quý tinh mà không quý nhiều, tướng cần mưu mà không cần dũng. Binh cơ không chuyên dùng một người nào, tướng quyền không chuyên giao một người nào. Bởi vì chuyên dùng một người thì thua, chuyên giao một người thì mất. Cốt ở hòa nhân tâm mà thôi. Phàm chọn người, có người ném bút nghiên mà đi lập công danh, thì tùy tài mà bổ dùng ; có người mất nhà mà thề chết, thì trao chức mà chuyên dùng ; có người đội tội mà lập công, thì tha tội lỗi mà dùng lấy ; có người bày lời mà dâng lên, thì xem người mà dùng lời ; có người bị nhục với kẻ vẻ vang mà tự sỉ, thì xét tài mà yên ủi lòng ; có người gan dạ mà ra trận; thì cho đi trước để thỏa lòng. Cho nên *Binh pháp* nói « Cội gốc có một, là ở sai khiến người, sai người mà được chỗ cốt yếu thì là trọng khí của miếu đường », có phải lời nói không đâu. Phàm phép dùng thì tùy theo tài, hỏi để nói xem trả lời có rõ ràng không, hỏi gạn cùng để xem có biến hóa không, bảo cho việc khó khăn để xem khí thế, cho uống rượu say để xem thái độ. Như thế thì hiền ngu hay dở không thể giấu được. Đến khi dùng, tài lớn thì dùng làm việc lớn, tài nhỏ thì dùng làm việc nhỏ, người hiền ngu hay dở đều không bỏ ai. Ví như dùng gỗ, gỗ tốt như kỷ tử, dẫu cao vài thước, người thợ giỏi cũng không bỏ. Cho nên *Binh pháp* nói « Về việc quân, năm tài không bỏ sót thứ gì », lời nói đáng tin thay. Như người điếc thì chuyên việc nhìn, có thể giữ vọng lâu ; người mù thì chuyên việc nghe, có thể khiến cầm canh ; người ngay không tham thì cho giữ kho, người tham không sợ chết thì cho đi tiên phong người trung không mang hai lòng thì cho làm gián điệp, năm tài đều dùng không bỏ sót, thì tướng sĩ hòa nhau, đánh một trận mà thành công. *Binh pháp* nói « Sĩ tốt theo mệnh, bởi vì kính lễ hiền nhân thì sĩ để đến». Bởi vì tính mệnh ba quân ở trong tay một tướng, tướng dùng

người, như nuôi vợ con, người dũng thì cho ăn lộc hậu, người trí thì đem thân ủy cho, người tài thì phong tước cho, người hiền thì lấy lễ mà khuyến. Ví như người rét thì cho áo mặc, người đói thì cho cơm ăn, người ốm thì cho thuốc uống, người chết thì thương xót mà tống táng. Như thế thì lòng sĩ tốt thà chết chứ không lui để sống.

Binh pháp lại nói « Tướng chịu trách nhiệm lúc nguy ». Bởi vì có lúc an thì có lúc nguy ; ăn lộc vua thì siêng việc vua ; nếu lúc an mà không lo thì như chim yến làm tổ trên màn, như con cá bơi lội trong chậu, an thế nào được. Lúc lâm nạn thì có tai mắt chân tay. Người không tai mắt lấy gì mà nghe trông, không chân tay lấy gì mà động tác. Cho nên người trí thì làm tai mắt lòng dạ, người dũng thì làm chân tay nanh vuốt. Chớ vì người mình yêu mà tác uy ; chớ vì mình có quyền mà lấn át ; chớ vì thế mà oan riêng ; chớ đem thưởng cho người thân. Như thế thì trên dưới cùng lòng mà ba quân liều chết. Cho nên *Thần kinh* nói rằng « Tướng như thuyền, quân như nước, nước chở được thuyền mà cũng đắm được thuyền ». Nếu thưởng không đáng công, phạt không đúng tội, thì ba quân đều oán. Cho nên, người có công dẫu thù cũng thưởng, người có tội dẫu thân cũng phạt ; thưởng không để quá một tuần, phạt chẳng nể người thân, là nghĩa thế đấy. Cho nên *Binh pháp* nói « Điều cốt yếu để cho quân hòa là ở thưởng phạt công, thủ xả minh mà thôi ». Lại nói « Tướng cần có nhiều người phụ ». Bởi vì nhiều người phụ thì tướng mạnh, ít người phụ thì tướng yếu. Như có tướng dữ như hổ lang, lại được quân như báo khuyển, tướng biết tính quân, quân biết ý tướng, dẫu quân nhiều đến trăm vạn, chỉ bảo cũng như chỉ bảo một người,

Như hành binh phải có lễ, sai người phải theo thời. Kể ra lễ là tiết văn của thiên lý, là nghi tắc của nhân sự, như người đi trước đợi người đi sau, người đi sau trông người đi trước, người bên tả đợi người bên hữu, người bên hữu đợi người bên tả; ngôi chia trên dưới, uống rượu chớ ồn ào, thấy của không tranh cướp thấy sắc không cuống cuồng, đều là lễ cả. Thời là âm dương nóng rét, xuân hạ thu đông, sớm tối no đói. Theo thời mà sai khiến, cũng như thân mình. Quý tiện dẫu khác, lòng người giống nhau Tướng rõ điều ấy thì lòng người hẳn hòa. Được lòng hòa thì Tấn

Việt kết làm anh em, một lòng còn thì anh em cũng thành cừu thù, *Binh pháp* nói rằng «Yêu sĩ tất như yêu gái đẹp, thần cơ không lường được, thấy sĩ tốt mà không thương thì quân trong lâm giặc, tướng có nghĩa thì binh có công», là ý thế đấy.

Làm tướng chớ cùng ba môn, mang bốn giống. Ba môn là: Nói cùng lời thì lòng người oán, hiếu sắc đến cùng thì trong thành loạn, dùng của đến cùng thì thiên hạ tan. Bốn giống là giống tham thì quân không phục, giống độc thì quân không hòa, giống kiêu thì quân tất thua, giống hung thì quyền hẳn mất. Tướng không biết như thế, sao làm cho quân hòa được? *Binh pháp* nói « Ở dưới mồi thơm hẳn có cá to; ở dưới thưởng trọng hẳn có người anh dũng». Nếu thưởng phạt không minh, dùng người không quyết, tiểu nhân làm quan ở triều đình, quân tử ẩn náu ở nhà quê, thì tướng chẳng đáng tướng, tất đem nước cho giặc. Không biết dùng người hiền thì bị nước địch khinh. Cho nên mong người hiền như khát mong nước uống, thấy người hiền sợ tiếp đãi không kịp thì mới phải, *Binh pháp* nói rằng «Áo giáp không bền, khác gì không mặc áo; bắn không trúng, khác gì không có tên bắn. Có người hiền mà không biết dùng, khác gì không có hiền, trong nước không hòa, khác gì không có vua», là nghĩa thế đấy. Lại nói «Người trên theo lời gièm thì kẻ dưới lìa lòng». Trên dưới lìa nhau thì thất hòa; thất hòa thì kẻ có tội cũng không sợ, người được thưởng cũng không phục, bởi vì thưởng phạt dẫu khinh, tội tình rất nặng. Cầu người giỏi không bằng cầu gái đẹp là đem mình cho giặc, làm tội không đáng tội là đem quân cho giặc, thưởng phạt bất minh thì quân bất hòa. Cho nên dùng binh lấy hòa làm quý, lấy lễ làm đầu. Quân đóng thì theo lễ, quân đi thì dùng uy. Cơ mưu tự khi đóng trại, ứng biến ở lúc lâm thời, thưởng phạt không nhầm, cơ biến rất đúng, thì tự nhiên quân thắng trận.

Lại tướng nên bỏ tám điều tệ, chớ bỏ ba điều hòa. Tám tệ là : kiêu mà khinh người trí, lười mà không tập, dũng mà vô mưu, tham mà ăn bẩn, rượu hỏng tinh tinh, sắc hỏng việc nước, độc mà bất nhân, chuyên mà tự đoán. Trong tám điều ấy mà mắc một điều là đem thân cho giặc. Ba điều hòa là : hòa với quân lính, hòa với liêu hữu, hòa với mấy nước láng giềng. Trong ba điều hòa ấy nếu bỏ mất một là đem nước cho giặc. *Binh pháp* nói «Tướng không

có nanh vuốt, như người đói ăn thuốc độc ; quân không có nghiêm lệnh, như người mù đi đêm.» Cho nên tướng phải dùng người quân, phải giữ phép mới phải. *Binh pháp* lại nói « Dùng người không có phép, thì quân sĩ xôn xao ». bởi vì không có phép thì nhọc mà vô công. Cho nên dùng người có sáu cách : Một là người kiêu thì cho đánh trước, đến đâu là tung hoành, đằng trước không thấy có giặc, đằng sau không thấy có vua, trên không nệ trời, dưới không nệ đất, tiến thì như đất rách núi lở, uy bay muôn dặm nước địch tất phải sợ hãi. Hai là người tham thì sai tranh lương cướp cỏ, không kể sống chết, lòng chỉ tham lợi, lợi cho binh lương. Ba là người dũng thì nên dùng làm chân tay đùi vế, để phòng lúc nguy nan thì họ liều chết. Bốn là người trung tín thì sai làm gián điệp, sự cơ rõ ràng, đặt phục xuất kỳ, nghe lệnh tất theo, nghe trống tất đi, việc không sai trái. Năm là người già yếu thì sai giữ kho, ngày đêm giữ cẩn thận, kẻ gian không dám xâm phạm. Sáu là người cường tráng thì nên sai theo quân mà vận lương, gánh gạo, gánh nước, hái củi. Sáu hạng người ấy đều nên chuẩn bị cả. Cho nên *Binh pháp* lại nói « Chuyên hiệu lệnh, thông tình báo, chia trước sau, rõ đặt phục, truyền ra vào, vàng tiến lui, hiểu thiên thời, xét địa lợi, biện nhân hòa, » là ý thế đấy. Làm tướng trước lập thân mình mà sau cho quân đội, định kế sách mà chọn nhân tài, luyện tập binh linh mà cổ lệ sĩ tốt ; trí năng hơn mọi người, dũng mãnh nhất tam quân, năm tài đủ cả, ba đức nắm toàn. Năm tài là nhân, trí, dũng, trung, tín. Ba đức là khoan, từ, thiện. Phàm lượng rộng như sông biển, để lòng không mà nhận lời can, thì gọi là khoan. Nhân thương người dưới, ơn đến ba quân thì gọi là từ. Tài kiêm tam lược, trí đủ năm xe, thì gọi là thiện (giỏi.) Phàm người đánh giỏi vận cơ mưu ở trong màn trướng, thành công không riêng, có nhiều người giúp; quyết được thua ở lúc hành trận, động chẳng một mình, tiến phải có quân. Còn như bày trận để nắm quân linh, cầm cờ để chia đội ngũ nổi chiêng trống để nghiêm hiệu lệnh, giảng súng đạn để vững đồn dinh, chứa chất nhiều để đủ lương cỏ, sắc gươm giáo để tránh tên đạn, ngậm tăm theo lệnh, đánh kẻng giữ dinh, công thành hiến đầu giặc, can qua luôn sẵn sàng, mệnh trời cho, lòng người hòa nước láng giềng giúp, nước thù địch hàng, thế mới có thể lập công ở đương thời, để tiếng cho hậu thế.

⁂

YẾU LUẬN VỀ QUÂN CƠ

Quân cơ sáu có điều cốt yếu : Một là uy nghiêm, hai là hiệu lệnh, ba là chỉnh túc, bốn là tinh nhuệ, năm là tử tế sáu là thanh liêm. Uy nghiêm là việc cuối cùng của tướng pháp, mà là việc bắt đầu của quân cơ. Vua không nhân không lấy gì mà sai tướng ; tướng không uy không lấy gì mà sai quân. Tướng chỉ đông thì không dám hướng về tây, chỉ nam thì không dám hướng về bắc : giục tiến không dám lui, thúc lên trước giặc thì không dám ở lại sau, nếu không theo thì có quân pháp. Cho nên *binh pháp* nói rằng «hiệu lệnh nghiêm như sấm lớn». Cho nên nghiêm là việc trước nhất của quân cơ.

Hiệu lệnh là then chốt của quân cơ, quân không có lệnh như hổ không có đầu, đến lúc cơ biến, chân tay không động tác được. Cho nên nói rằng đánh trận ban ngày thì lấy cờ xí làm hiệu lệnh, đánh trận ban đêm thì lấy chiêng trống làm cơ quan. Ví như cờ phất một cái thì tiến, cờ phất hai cái thì lui, trong khoảng phương lược, cái gì cũng mắt thấy tai nghe, cho nên đến lúc làm trận, không nói mà tin, không giận mà sợ.

Chỉnh túc là việc gốc của quân cơ. Nếu bộ khúc rối loạn, hàng trận lộn xộn, thì giặc coi như trẻ con, đánh dễ như bẻ cành khô, còn chống giặc làm sao được.

Tinh nhuệ tất có dũng cảm, dũng cảm tất có lòng liều chết ; có lòng liều chết thì vui đánh giặc mà lâm sự không sợ, xông vào giặc không lạnh lòng, dẫu quân trăm vạn cũng coi bé như nốt ruồi viên đạn mà thôi.

Tử tế là việc thường của binh gia, không có gì lạ. Nhưng dùng binh mà không tử tế (nhiệm nhặt) thì cẩu thả sơ hở, quân cơ rối loạn. Thái sơn ở trước mắt mà không trông thấy, sấm sét dậy bên tai mà không nghe thấy, làm sao có thể cử động cho đúng được.

Thanh liêm thì không ham lợi. Lợi là mối đầu của hại, là triệu bại vong, cho nên *Binh pháp* nói «Ngày đi trăm dặm để xô về lợi thì què thượng tướng, ngày đi năm chục dặm để xô về lợi thì

quân đến có một nửa », có phải sai đâu. Quân mà thanh liêm thì dẫu giặc ngày ngày đem cho vàng ngọc bừa bãi cũng không thèm, đứng thẳng mà nhìn vào, nữa là manh tâm cướp bóc! Đấy là việc binh cơ kiêm việc nhân nghĩa. Cho nên quân cơ lấy điều này làm điều cuối cùng.



PHÉP DẠY QUÂN ĐÁNH GIẶC.

Phàm ngày thường ước thúc, tất có quân cơ; đánh giặc xâm lăng, cũng có kế sách. Nếu không có kế sách thì trong lúc vội vàng làm sao có thể ứng biến được. Cốt yếu có 15 phép: Một là qua chỗ hiểm phòng nguy; hai là xét nấp phục; ba là phòng nước độc; bốn là qua cầu phải cẩn thận; năm là dùng lửa chống lửa; sáu là lấy nhàn đợi nhọc; bảy là lấy nhọc chế nhàn; tám là nhọc nhàn đắp đổi; chín là hư trương thanh thế; mười là tránh chỗ thực đánh chỗ hư; mười một là lấy hư làm thực; mười hai là lấy thực làm hư; mười ba là phòng gian xét biến; mười bốn là chọn đất lập dinh; mười lăm là cẩn thận thiên thời.

Điều thứ nhất. Ví như lấn vào cõi giặc, gặp chỗ đồng bằng nội rộng thì nên kết trận. Nếu gặp núi sông hiểm trở, thì sai ngay quân kiêu kỵ du binh đi trước. Nếu thấy gò cao rậm rạp, núi hang gập ghềnh, thì tiền quân từ từ tiến chậm để đợi hậu quân, không được cách tuyệt gián đoạn. Đấy là yếu lược qua chỗ hiểm phòng nguy.

Điều thứ hai. Nếu như đường cái dễ tiến; cũng sai du binh lên chỗ núi gò cao, tả hữu tiền hậu xem xét kỹ càng, nếu thấy chỗ nào chim chóc bay lên, vượn chồn chạy loạn, hoặc cây cỏ không gió mà động và bụi đất mù trời, dưới chỗ ấy hẳn có phục binh, thì du binh quay về báo cho chủ tướng, dừng xe kết trận mà đóng lại, để đợi xem thế giặc làm sao. Đấy là yếu lược xét nấp phục.

Điều thứ ba. Như mới vào chỗ đất lạ, nước suối cũng nên cẩn thận. Nếu mình chưa quen thủy thổ, không nên uống nước là một; sợ quân giặc ở trên dòng bỏ thuốc độc vào nước là hai; nước lạ mình chưa rõ tính không nên uống là ba; mùa hè nóng

nực, khi độc nghi ngút, nước từ trên cao chảy xuống, hoặc sắc đen mà nhiều hoa, hoặc sắc đỏ mà nhiều chất phèn, hoặc đục mà mùi chua mặn, cũng không nên uống là bốn; hoặc mùa đông mưa lũ, dưới núi nhiều khe và mạch nước phun ra, lá cây cỏ ngâm nát thành độc, cũng không nên uống là năm; hoặc đất ấy sông núi có nhiều rắn độc có độc, cũng không nên uống là sáu. Nếu bất đắc dĩ phải uống, thì sai quân chọn chỗ đất vàng, đào xuống 3 thước, lấy một hòn đất và hùng hoàng, chu sa, mỗi thứ 1 lạng, bạch phàn 1 đồng cân, cam thảo 3 đồng cân, muối một ít, đều tán nhỏ ra bỏ vào nước quấy đều, mỗi người uống lót dạ một chén, rồi thì sau tha hồ uống nước cũng không trúng độc. Đấy là yếu lược phòng nước độc.

Điều thứ tư. Vào sâu cõi giặc, gần đến đường xung yếu, chợt thấy đất mới, trên đất cỏ khô như cháy, thì ở dưới chỗ ấy ngờ có trá nguy gì, phải dò xét kỹ lưỡng, rồi mới nên đi. Nếu đi qua cầu cống của giặc, thì trước lấy đồ nặng mà chất lên thử rồi mới nên đi, không cẩn thận như thế thì sợ xảy ra tai nạn sụp đổ. Đấy là yếu lược qua cầu.

Điều thứ năm. Hỏa công không cần phải đợi mặt trăng phạm vào các sao Cơ Tất Dực Chẩn cũng được; nếu giặc ở dưới gió, ta ở đầu gió cũng có thể dùng được. Nếu ta ở dưới gió, giặc ở đầu gió phóng lửa xuống, thì ta cũng phóng lửa ngay, lửa của giặc đến nơi, lửa của ta đã tắt, ta nên nhằm chỗ đất đen (chỗ đã đốt cháy) mà tránh, giặc dùng hỏa công cũng không làm gì được. Đấy là điều cốt yếu lấy lửa chống lửa.

Điều thứ sáu. Xuất chiến phải xét địa hình, cho nên người đánh giỏi tất trước chiếm địa lợi, bày thành thế trận để đợi ra quân. *Binh pháp* nói « Người giỏi đánh khiến người đến mà không bị người khiến đến,» là nghĩa thế đấy. Nếu quân giặc mới đến, cờ trống chưa nghiêm, binh mã chưa chỉnh, thì chia quân đánh gấp. Cho nên *Binh pháp* nói «Đánh như nước sông vỡ, đánh như sấm động vang», cũng là nghĩa đấy. Nếu như đằng trước có gò cao rừng núi, thì quân ta chiếm ngay lấy để làm địa lợi, nếu có giao chiến thì lấy đấy làm chỗ phục binh, nếu có cấp bách thì lấy đấy làm quân tiếp viện, để tiện yên ủi người ngựa của ta. Đấy là yếu lược lấy nhàn đợi nhọc.

Điều thứ bảy. Nếu quân giặc trước chiếm được địa lợi, hoặc núi rừng gò đống, hoặc đồng bằng nội rộng mà quân ta mới đến, vội vàng chưa yên, chớ giao chiến ngay. Tức chia quân làm dương binh, nghi binh, là kế thay đổi nhau ra đánh, để chống quân giặc, đợi đến khi ngày gần tối, giặc mỏi mệt đói khát, quân muốn đánh mà tướng do dự, tướng muốn đánh mà quân dùng dằng, bấy giờ ta mới gấp sai du binh tiến thẳng lên chỗ kín bên núi mà phao tin là đánh trại giặc hoặc đi cướp lương giặc, thế thì tinh giặc càng ngờ vực, lòng quân bối rối, thế trận rối ren. Bấy giờ ta đem súng và tên lửa, nỏ khỏe, cung cứng mà đánh, đánh tả đánh hữu, đánh trước đánh sau, khiến cho quân giặc đầu đuôi không cứu được nhau. Đấy là yếu lược lấy nhọc chế nhàn.

Điều thứ tám. Hai bên bày trận đánh nhau, quân giặc khỏe mạnh, một tiến một lùi, làm kế thay đổi nhau ra vào để quấy quân ta, mà quân ta thì mỏi nhọc đói khát, không thể đánh được, thế thì ta chia quân ngay làm ba đội : Đội thứ nhất làm dương binh, một thuận một nghịch, vừa đánh vừa giữ, để chống quân giặc. Đội thứ hai làm nghi binh, nghiêm chỉnh cờ xí, chiêng trống đánh luôn để hộ vệ quân trước. Đội thứ ba thì đốt nồi nấu cơm, bếp mỗi ngày một thêm và chứa lương cỏ để dùng gấp, ngày đêm cắt lượt. Thế là quân giặc cắt lượt nhau ta cũng cắt lượt nhau. Như thế thì dẫu giặc đánh đêm đánh ngày quân ta cũng không mỏi mệt. Đấy là yếu lược nhọc nhàn đắp đổi.

Điều thứ chín. Trại giặc liên lạc dài rộng, mà binh ngựa có ít, thế là giặc hư trương thanh thế. Ta nên xuất kỳ bất ý mà đánh úp, hoặc đợi đến đêm mà cướp trại giặc; gấp sai quân giữ đường xung yếu để phòng nó đến chụp mình. Đấy là yếu lược hư trương thanh thế.

Điều thứ mười. Hai trận tương đương, thế như nấm sừng nhau, thì ta dòm giặc mà đánh trước là được. Cho nên người giỏi đánh đánh vào lúc không ngờ, đánh vào chỗ không phòng, hoặc cắt lương của địch, hoặc chặn viện của nó, hoặc để nó đương sang sông mà đánh, hoặc đợi nó mệt mỏi, tán loạn mà đánh, hoặc chặn nguồn lấy nước, hoặc chặn cả bốn ngả đường, đều do một lòng liệu định mà thôi. Cho nên Tôn tử nói « Người giỏi đánh động ở trên chín tầng trời, tránh chỗ thực đánh chỗ hư », là nghĩa thế đấy.

Điều mười một. Quân ta mới thắng, thế giặc hơi suy, mà có tin gió thổi động cờ xí, thì đêm ấy nên phòng giặc cướp trại. Nên gấp sai du binh đi trước phục chặn đường giặc về, rồi sai tinh binh mai phục ở chỗ kín hai bên đường. Còn ở trong trại thì giả làm thế yếu, hoặc cờ xí rối loạn, hàng ngũ bừa bãi, giặc ắt cho là ta kiêu mà không phòng bị, cứ xông vào không ngờ gì. Bấy giờ ta phát hiệu lệnh một tiếng, quân phục đều nổi dậy, quân giặc tất bị trói hết. Đấy là yếu lược lấy hư làm thực.

Điều thứ mười hai. Quân giặc đóng trại lâu ngày, chợt một hôm bếp nấu thêm nhiều, tất là giặc sắp bỏ trại mà trốn, cho nên giả thêm bếp nấu để đánh lừa ta. Ta lập tức sai du binh mai phục chỗ đường hiểm yếu, đợi giặc qua mà đánh, thế nào cũng được. Đấy là yếu lược lấy thực làm hư.

Điều mười ba. Quân gian biến trá nhiều mối, cần phải xem xét, phàm tế tác gian dối, làm cho lòng quân sinh biến, tất là trong có cơ mưu. Hoặc dùng văn tự chế nhạo, hoặc lấy cây cỏ làm điềm tin, hoặc dùng ngôn ngữ mà thí dụ, hoặc dùng tiếng chim muông, các cơ mưu ấy là đáng sợ. Nên dùng một vài người tâm phúc, cho lẻn vào trong quân giặc giả làm bè đảng mà thám thính hư thực, thì biết cơ biến. Đấy là yếu lược phòng gian xét biến.

Điều mười bốn. Chọn đất đóng dinh, cần phải cẩn thận, cho nên người trí tướng đóng đồn đóng dinh tất chọn địa lợi. Như trước có thủy đạo, vận tải lưu thông, bên tả có núi cao, bên hữu có đồng bằng, thì có thể đóng quân được. Nếu là chỗ sông hồ ngòi khe, bốn mặt quanh co, thì không nên đóng trại, sợ quân giặc cắt đứt đường đi thì tiến lui không thông. Cho nên người trí tướng hành binh, không hướng vào gò cao, không đón dòng nước, đằng trước có nước không tiến, đằng sau có khe không lui, hoặc bãi sông bên tả liền sang gò bên hữu, hoặc một bên gò núi một bên sông hồ, đất ấy đều nên kiêng kỵ. Đấy là yếu lược chọn đất đóng dinh.

Điều mười lăm. Nếu lập trại, về mùa xuân hạ không nên đóng gần chỗ cây cỏ rậm rạp, sợ giặc tiện đánh hỏa công. Về mùa thu đông không nên đóng gần chỗ núi cao khe suối, sợ giặc thừa thế nắm nước mà chụp quân ta. Việc hành binh cũng nên cẩn thận. Đấy là yếu lược cẩn thận thiên thời.

PHÉP GIỮ THÀNH CHỐNG GIẶC

Phàm binh là hung khí. Thánh nhân nói «Làm sự thì lo nghĩ, hay mưu mới thành công». Phàm lúc ngày thường, hiệu lệnh nghiêm minh, quân cơ tập thuộc, thì đến lúc làm sự, không đến hoang mang luống cuống, mà lúc giữ thành không đến nỗi hỏng việc. Cho nên người trí tướng lập dinh đóng trại, trước hết phải nghiêm hiệu lệnh. Như trại nào có giặc đánh vào thì trại ấy trước nổi hiệu trống để các trại khác cũng nổi hiệu trống, làm thanh thế mà ứng xa ; trại nào không có giặc thì chỉnh bị binh mã để ứng cứu. Điều ấy đã thành lệ rồi. Trong lúc vội vàng, cơ nhanh như trở bàn tay, nếu không chuẩn bị thì một chốc một lát, dinh trại đã không phải của mình rồi. Cho nên dinh nào có giặc đến trước thì dùng ngay hỏa phong, hỏa pháo, hỏa tiễn mà chống. Nếu quân giặc đến sát dưới thành thì dùng móc sắt móc hay mà ném, cái gì cũng phải chuẩn bị trước. Nếu giặc đem rơm cỏ lấp hào thì ta đem tên lửa quả lửa mà bắn để đốt những rơm cỏ và khí giới bằng gỗ của giặc. Giặc bắc thang mây leo lên thành, thì ta đem gỗ đá ném xuống, bắn súng, đốt lò nấu chảy sắt mà rót xuống, hoặc lấy vôi bột giấm nồng mà vung xuống, hoặc ống cát, thuốc độc mà vãi xuống. Nếu quân giặc như kiến leo thành, thì dùng dùi sắt răng sói mà đánh. Nếu giặc tay bám vào tường mà leo, thì dùng cái dùi liền mà đánh, hoặc lấy búa mà chặt tay giặc. Nếu giặc dùng xe húc mà phá thành thì ta dùng vòng sắt, vòng gỗ, dầu rái mà chống. Nếu giặc dùng thang bấu vào thành mà lên, thì ta dùng chàng nạng mà chống. Nếu giặc dùng lừa gỗ mà đục thành thì ta dùng xa trục, dùi sắt, đuốc đuôi én mà phá. Nếu giặc bắn súng đạn thì ta căng màn vải mà chế. Nếu giặc dùng địa đạo mà đến đánh, thì ta dùng phép nghe dưới đất, đào giếng mà đón, dùng hỏa cầu, pháo tích lịch và binh khí tạp mà hại. Nếu giặc lên lầu cao mà xuống thành thì ta dùng hỏa thương hỏa tiễn mà đốt, hay là dùng ống thuốc độc mà tưới. Nếu giặc dùng hỏa công mà đốt thành thì ta dùng túi nước, đẫy nước, ống đất mà ném xuống, và dùng chổi gai giấp bùn mà chế. Nếu giặc đốt cửa thành thì ta dùng cát ướt mà giập. Nếu giặc phá nữ tường đất thì ta dùng nữ tường gỗ mà chống. Nếu giặc đánh phá cửa thành thì ta dùng xe súng xe gươm mà chống. Các phương trên này, cái gì cũng rõ ràng đầy đủ, đấy là phép của cổ nhân, một bên đánh một bên giữ. Nhưng thừa thế khác

nhau, xưa nay khác lối, cho nên người trí tướng làm cơ ứng biến mầu nhiệm là ở trong lòng, cũng không nên khư khư câu nệ. *Tôn tử* nói «người giỏi giữ giấu ở dưới chín lần đất», lời ấy thực là diệu vậy.



YẾU LUẬN VỀ ĐỊA THẾ

Phàm người làm tướng, trên thông thiên văn, dưới hiểu địa lý. Thiên văn là biết vận độ của nhật nguyệt tinh thần (1) biết then máy âm dương rét nóng để rõ manh mối họa phúc, điềm triệu lành dữ. Địa lý là biết sự biến đi của chim muông cây cỏ, biết thế hiểm dễ của núi sông hang khe, để đặt phục ra kỳ, lập dinh đóng trại. Không như học giả đời sau học thiên văn chỉ câu chấp ngày giờ tốt xấu mà không biết biến thông, học địa lý chỉ câu nệ long hổ xà tước mà không biết hình thế.

Trước có người bạn hỏi tôi rằng : Địa lý là gì ? Tôi đáp rằng : Địa thì có mười kiểu, bốn kiểu xấu, sáu kiểu tốt. Bốn kiểu xấu là thế nào ? Một là đất thiên khảo, hai là đất tử phách, ba là đất tử trụ bốn là đất tử ngục. Trong bốn đất ấy dẫu có trí tướng ở vào đấy cũng không làm thế nào được.

Bạn nói : Xin nghe hình thế những kiểu đất ấy.

Tôi đáp : Phàm bốn bề đồng bằng, giữa có thung lũng thì gọi là thiên khảo ; nên kiêng cửa thung lũng mà đừng đóng dinh, sợ giặc đánh bốn mặt mà không có lối tiến lui. Còn chỗ bốn phương là nội rộng, trong có một núi một thung lũng thì gọi là song thiên khảo, đất ấy thì kiêng đầu núi, chớ đóng dinh, sợ giặc tự đằng sau qua núi mà ta mất chỗ hiểm, tiến lui đều khó, sẽ bị giặc bắt. Chỗ nào tha ma mộ địa thì gọi là đất tử phách, sĩ tốt ban đêm hay hoảng hốt, rồi sinh bệnh tật, đó là âm cảm sinh ra. Chỗ nào bốn bên bằng phẳng, giữa có gò cao hình như cái chậu úp thì gọi là đất tử trụ, chớ đóng dinh, một là sợ bốn phương sương gió, hai là sợ bốn mặt bị giặc. Chỗ nào bốn bề đều có gò núi, ở giữa bằng phẳng

(1) Nhật nguyệt tinh thần : Mặt trời mặt trăng và các vì sao.

hình như cái chậu ngửa, thì gọi là đất tử ngục, chớ đóng dinh, sợ giặc dựa cao mà đánh xuống.

Sáu kiểu đất tốt là gì ? Một là thông địa, hai là quai địa, ba là chi địa, bốn là ải địa, năm là hiểm địa, sáu viễn địa. Chỗ nào bốn phương đều có đường sá đi lại được thì gọi là thông địa. Đất này có thể dựa vào mà đóng trại, sau có đường lương, mà tiện đường viện binh. Các ngã đường tất thì cần phải quan phòng, đừng cho giặc ngầm đến, Chỗ nào quân dễ đi mà khó lại thì gọi là quai địa. Đất này thì sai người thám thính quân giặc, nhân lúc giặc không phòng bị mà ta đánh úp thì có thể phản khách làm chủ, giặc tiến lui đều khó mà sẽ bị bắt. Chỗ nào hai bên xuất chiến đều bị bất lợi thì gọi là chi địa, Nếu có giặc trước đến khiêu chiến là giặc nhử ta, ta không nên đánh, ta nên lấy nhàn mà đợi nhọc, đợi quân giặc đến gần trại ta, ta đem quân sinh lực ra đánh, thì tất là thắng. Đóng quân ở cửa thung lũng mà hai bên đều có núi cao thì gọi là ải địa. Gặp chỗ này lập tức chia quân kết trận mà giữ cửa thung lũng để đợi quân giặc xung đột. Nếu giặc trước chiếm đất ấy, thì ta nên kết trận ở ngoài cửa thung lũng, hai bên tả hữu đều đặt quân phục, đợi giặc ra cửa thì ta đón mà đánh, hẳn là phải thắng. Còn như ở chỗ cao mà đánh xuống thấp, giữ chỗ dễ đánh chỗ nguy, thì gọi là hiểm địa. Gặp đất này thì nên chiếm trước làm lợi. Nếu giặc chiếm được trước thì ta lui đi, đợi cơ giặc không nên giao chiến. Nếu hai quân cách nhau rất xa, thì gọi là viễn địa. Nếu quân giặc khiêu chiến thì tất có quân phục, ta nên cẩn thận.

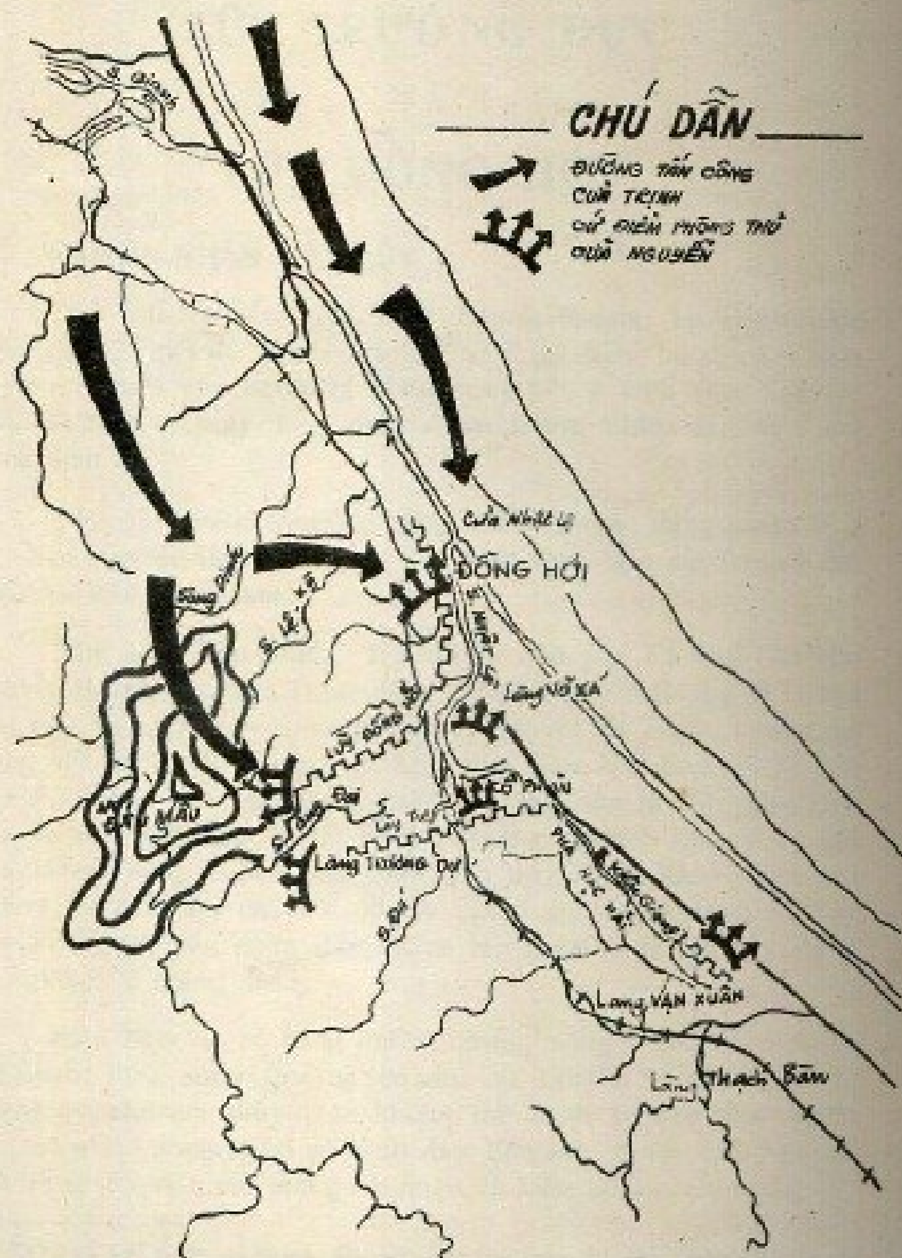
Hình thế mười kiểu đất ấy là đại lược của binh gia, còn như những điều nhỏ nhặt thì không thể nói hết. Ví như chỗ gần núi cao cũng không nên đóng, là sợ trong núi có quân phục ; nếu là bên cây rừng rậm rạp cũng không nên đóng, là sợ bốn phương có quân phục Còn như đường trước núi non khuất khúc thì không nên khinh tiến; đường sau núi non chắn ngang, thì không nên tiến gấp, đặt phục mà giữ, phòng quân giặc chặn sau lưng ta. Và như trước mặt hai bên đều có núi ngăn trở, nếu quân ta đóng ở đất ấy thì gấp sai du binh dò thăm đường khe bốn phía, cùng các đường tắt, đặt phục mà giữ, để phòng giặc ngầm đến đánh ta, như thế mới là thượng sách, Cho nên đạo làm tướng tất lấy địa lý làm đầu.

Bạn ta nói : Mầu nhiệm thay ! Ta phải viết lấy. Vậy có thơ rằng :

Thẳng vân tri tướng thiện hành binh ;
Thập pháp chi trung vật tự khinh.
Khoáng dã bình nguyên nghi kết trận ;
Y sơn bang thủy khả an dinh.
Đương sư tu tảo phòng hung địa :
Chấn lữ vưu đương chiếm địa hình.
Viễn cận hiểm di tâm tận quát ;
Phong trần nhất tảo trứ phương danh.

(Nay xem trí tướng khéo hành binh ; Mười phép trên này chớ tự khinh. Nội rộng đồng bằng nên kết trận ; Dựa non bên nước khá bày dinh. Đóng quân trước hết phòng hung địa ; Cắm trại càng nên chiếm địa hình. Hiểm dễ xa gần lòng thấu suốt ; Phong trần quét sạch để phương danh).

HẾT



LŨY TRƯỢNG DỤC VÀ ĐỒNG HỚI

LŨY TRƯỜNG DỤC VÀ LŨY ĐỒNG HỚI

I — NGUYÊN NHÂN XÂY LŨY.

Sau khi Nguyễn-Uông, anh Nguyễn-Hoàng, bị Trịnh-Kiểm kiếm chuyện giết đi, Nguyễn-Hoàng sợ Trịnh-Kiểm lại sẽ có ý hãm hại mình, mới cho người ra Hải-Dương hỏi ý kiến Ông Nguyễn-Bỉnh-Khiêm, ông ấy bảo rằng « Hoành-Sơn nhất đái, vạn đại dung thân ».

(Một dãy Hoành-Sơn kia (1) có thể yên thân được muôn đời)

Nên Nguyễn-Hoàng mới nói với chị là Ngọc-Bảo xin Trịnh-Kiểm cho vào trấn phía Nam.

Năm Mậu Ngọ (1558), Trịnh-Kiểm tâu vua Lê-Anh-Tôn cho Nguyễn-Hoàng vào trấn Thuận-Hóa. Từ khi Nguyễn-Hoàng về Thuận Hóa rồi, bề ngoài tuy chưa ra mặt chống với họ Trịnh, nhưng bề trong hết sức lo sự phòng bị. Xem như năm Quí Sửu (1613), khi Nguyễn-Hoàng sắp mất, gọi người con thứ sáu là Nguyễn-Phúc-Nguyên vào dặn rằng : « Đất Thuận, Quảng này bên Bắc thì có núi Hoành-Sơn, sông Linh Giang, bên Nam thì có núi Hải-Vân và núi Bi-Sơn, thật là một nơi trời để cho người anh hùng dụng võ, vậy ta phải thương yêu nhân dân, luyện tập quân sĩ để mà gây dựng cơ nghiệp về muôn đời ».

Miền Nam tuy có sông nhiều, nhưng sông không giao thông với nhau, lòng sông thường có cồn cát, thuyền bè đi lại hay bị ngưng trệ, cho nên thủy quân không thể bành trướng như ngoài Bắc, có nhiều sông to lại có kinh đào liên lạc. Vì vậy nhà Nguyễn chú trọng đến việc mở mang lục quân và kiến thiết các đồn ải.

(1) Hoành Sơn là dãy núi Ngang. Đầu niên hiệu Gia Long đặt dinh Quảng Bình lấy núi này làm giới hạn : Nửa núi ra phía Bắc thuộc tỉnh Hà Tĩnh, nửa núi vào phía Nam thuộc tỉnh Quảng Bình.

Năm Đinh Mão (1627) Nam, Bắc khởi cuộc binh đao. Ngoài Bắc lúc này Trịnh-Tráng cầm quyền được rỗi rảnh vì bấy giờ nhà Minh bên Tàu đang chống nhau với nhà Thanh, và họ Mạc ở Cao-Bằng đã về hàng nên mới nghĩ tới việc đối phó với miền Nam. Trịnh-Tráng sai quân vào Thuận-Hóa mượn tiếng vua Lê đòi tiền thuế từ ba năm về trước. Chúa Sãi, Nguyễn-Phúc-Nguyên tiếp sứ nhưng không chịu thuế. Trịnh-Tráng lại sai sứ mang sắc vua Lê vào dụ Chúa Sãi cho con ra chầu và nộp 30 con voi cùng 30 chiếc thuyền để đưa đi cống nhà Minh, Chúa Sãi lại cũng không chịu. Trịnh-Tráng thấy vậy, bèn quyết ý đánh họ Nguyễn; Sai Nguyễn-Khải và Nguyễn-Danh-Thế đem 5.000 quân đi làm tiền phong vào đóng ở xã Hà-Trung (tục gọi là cầu doanh) rồi đem đại binh rước vua Lê đi đánh. Các tài liệu đều có chép là vào năm 1627, hai bên Trịnh Nguyễn dàn quân trên tả ngạn sông Nhật-Lệ, tức sông Đồng-Hới, giới hạn bởi một bức lũy (1). Bên Nguyễn chưa kịp chuẩn bị, nên bị chết hại rất nhiều. Bọn Nguyễn-Hữu-Dật (miền Nam) vì vậy phải đặt kế phao rằng ở Bắc có Trịnh Gia, Trịnh Nhạc (có họ với Trịnh-Tráng sắp làm loạn. Trịnh-Tráng nghe tin ấy trong bụng sinh nghi, không biết thực hư thế nào, bèn rước vua và rút quân về Bắc.

Thế là, dù cuộc đụng độ đầu tiên với Chúa Trịnh, nhận thấy lực lượng hùng hậu của địch quân, Sãi-Vương càng phải nghĩ đến việc phòng thủ và tạo lập thêm đồn lũy ở các nơi hiểm yếu để ngăn quân địch.

Tại cửa ngõ vào miền Nam và sát cạnh ngay miền Bắc, theo lời Linh-mục Alexandre de Rhodes, có 1 hải khẩu thường gọi là cửa Sãi (2) là nơi mà các chiến thuyền nhà Trịnh muốn vào đất địch (đất Nguyễn) tất phải qua. Cho nên cửa Sãi và vùng phụ cận là một nơi hiểm yếu mà người Bắc bao giờ cũng cố gắng để cướp lấy, người Nam bắt buộc phải giữ gìn. Chính trong thời kỳ này Sãi Vương đã cho xây 2 lũy Trường-Dục và Đồng-Hới.

Văn bia ở gò Cầu Dài đã chép việc này như sau :

(1) Bức lũy này chỉ là một tác phẩm tạm thời và không quan trọng vì tất cả công trình phòng thủ kiên cố như lũy Trường-Dục hoặc Đồng Hới do Đào Duy Từ xây dựng đều thành hình sau trận chiến năm 1627 là trận giao phong đầu tiên giữa hai họ Trịnh Nguyễn

(2) Cửa Sãi tức cửa sông Đồng Hới.

« Mùa xuân, tháng hai, năm Canh Ngọ (1630) nhằm năm thứ 17, đời Hi Tôn Hiếu Văn Hoàng-Đế (Sãi-Vương), Nội Tán Đào-Duy Từ tâu cùng vua rằng : « Phàm mưu đồ sự nghiệp Vương-Bá, cốt yếu là phải tìm cách vạn toàn. Cổ giả có câu : « Không chịu khó nhọc một phen thì không được thong thả lâu dài, không chịu tốn kém 1 lần thì không được yên ổn mãi mãi ». (Bất nhất lao, bất cửu dật, bất tạm phí, bất vĩnh ninh). Thần xin đem quân dàng hai trấn ra đắp Trường lũy, chạy từ núi Trường-Dục xuống đến phá Hạc Hải, nhân theo địa thế hiểm yếu mà đặt đồn lũy để củng cố biên phòng, quân địch dù có kéo đến cũng không thể làm gì được chúng ta ». Chúa bèn nghe theo và sai làm ngay lũy « Trường-Dục ».

Mùa Thu tháng 8, năm Tân Vị (Tân Mùi) (1631) nhằm năm thứ 18 đời chúa Sãi-Vương, Đào-Duy-Từ lại xin Chúa cho đi xem xét tình thế núi sông. Đến khi về, Duy-Từ tâu lên cùng Chúa rằng :

« Thần đã quan sát thấy từ cửa biển Nhật Lệ, cho đến núi Đầu Mâu (1) ngoài có khe sông chảy trên đất bùn sình lầy, nhân theo đó mà làm hào hố, trong đắp rặng lũy mới thì thế hiểm yếu của nó hơn thập bội lũy Trường-Dục ». Chúa Sãi thuận và sai Đào Duy-Từ làm.

II — CÁCH KIẾN TẠO CÙNG CÔNG DỤNG CHIẾN LƯỢC CỦA HAI LŨY TRƯỜNG-DỤC VÀ ĐỒNG-HỚI.

Như đã biết, công nghiệp của Từ chia làm hai giai đoạn. Các tài liệu cho chúng ta biết là lần đầu vào năm 1630, Duy-Từ đã đi quan sát địa thế và có kế hoạch xây một bức lũy chạy dài từ chân núi Hoàng-Sơn thuộc làng Trường-Dục đến các đầm lầy trải dài dưới chân cồn cát phía Tây. Năm sau 1631 Từ lại đến xem địa thế 1 lần nữa, và xin làm thêm một bức trường thành cách cái trước 20 cây số về phương Bắc. Thoáng nhìn vào địa đồ (xem phụ bản I) chúng

(1) Đầu Mâu tên gọi thông dụng, nhưng sách chép là Đâu Mâu. Đại Nam Nhất Thống Chí, tỉnh Quảng Bình và tỉnh Quảng Trị do Tu Trai Nguyễn Tạo dịch, Saigon, Nha Văn Hóa BQGGD xuất bản, 1961 trang 107 giải thích như sau : Núi Đâu Mâu ở phía Tây huyện Phong Lộc 27 dặm, tọa lạc xã Lệ Kỳ. Núi gò trùng điệp, cây cối sầm uất, hùng vĩ cao nhọn, hình núi như mão Đâu Mâu (mão của chiến tướng, xưa gọi là mão trụ, đời Tần gọi là Đâu Mâu, xưa, làm bằng da, sau làm bằng sắt (Từ nguyên) nên gọi tên ấy. Tục truyền bên núi có giếng, ở trong giếng có con cá dị kỳ, chân núi gối sông Nhật Lệ, hay sinh cua đá.

ta cũng đủ thấy rằng, tuy công trình của Đào-Duy-Từ làm thành hai lần và có lẽ khi làm không phải với một ý định liên tục vậy mà vẫn tạo nên 1 hệ thống phòng thủ rất hòa hợp với địa thế.

Lũy Trường-Dực (1) hiện còn giữ một ít vết tích, là một rặng lũy lớn bắt đầu từ chân núi đá vôi Chùa Non (Trần-đình-Sơn) (2) dọc theo bờ sông Rào Đá (hữu ngạn sông Nhật Lệ) và sông Kiên Giang. Lũy uốn theo tả ngạn sông Nhật Lệ, lên đến làng Quảng-Xá sau khi đã qua kinh các làng Trường-Dực, Xuân-Dực, Cổ Hiền rồi ngoặt đột ngột về phía Đông và tới Bình-thôn. Lũy này chống giữ con đường núi và án ngữ địch quân xuôi sông Nhật Lệ xuống.

Lũy dài 2.500 trượng (khoảng 10 — 12Km), vài nơi cao đến 3 thước (m) và chân rộng từ 6 đến 8 thước (m). Về cực Tây lũy giáp xóm Kho (nơi xưa để chứa lúa cho vua), phía trên là chợ Cộc vụ ruộng Đình. Lũy này ở chân vòng trên có xây cất dinh đồn để cho tướng binh trú ngụ, một kho để chứa thức ăn cho lính, theo hình chữ «dĩ» ở trong chữ «hồi» nên gọi là «Hồi văn Lũy». Năm 1648, họ Trịnh đến xâm lăng, khi ấy Trương Phúc Phấn cùng con là Hùng giữ lũy, binh họ Trịnh không phá nổi nên lũy còn được gọi là Phấn Cố Trì.

Bây giờ chúng ta khảo sát qua lũy Đồng Hới, lũy này được gọi bằng nhiều tên : Cương Mục và các tài liệu khác gọi nó là Trấn Ninh lũy (vì gọi tên làng ở về phía cực Đông của lũy), Nhựt Lệ lũy

(1) Trường Dực là tên làng, thuộc huyện Phong Lộc, tỉnh Quảng Bình.

(2) Trần đình Sơn ở địa phận xã Xuân Dục cách phía Nam 20 dặm, núi đá cao nhọn, trên có chùa Kim Phong, lưng núi có động, cửa động chật hẹp, phải nghiêng mình leo xuống lần thấy rộng rãi, trong động có thớt đá, như đặt bàn ghế, trên có những viên đá hình như tượng Phật, bốn bề có Thạch Nhũ rủ thông xuống ẩn hiện trùng điệp, có cái hình như rồng vàng, có cái hình như con voi. Ở bên có một cái hang tên là Cẩm Huyệt, trong hang u tịch chưa ai đi xuống. Phía tả hữu trước động có hai động nhỏ gọi là động chuông và động trống có nắm tay bằng đá thòng xuống, gõ kêu như tiếng chuông, trống, nên gọi tên ấy. Nơi cửa động có hai giếng đá, nước ngọt, bốn mùa không cạn. Kẻ kỳ lão tương truyền «Núi Đâu Mâu nhiều tiên, núi Thần đinh nhiều Phật», là chỉ nơi đây vậy. Sách Ô Châu Cận Lục có câu "Núi Thần Đinh cao lớn có khí lực nuốt trọn cả bốn châu (Thần Đinh tụy luật khí thôn bình tứ bách chi châu), ấy là nói hình dáng núi này vậy. (dẫn theo Đại Nam Nhất Thống Chí, tỉnh Quảng Trị Quảng bình, Tu Trai Nguyễn Tạo dịch, 1961, sách đã dẫn trang 108).

(vì nó nằm trên tả ngạn sông Nhật Lệ (1), Đồng Hới lũy, hay có thể là Động Hải, Đồng Hới hay tệ hơn nữa là Đồng Giãn do sự sai lầm của người khắc chữ. Đồng Hới là làng nằm ở địa đầu tỉnh Quảng Bình. Dân gian gọi lũy này là lũy Thầy vì muốn tỏ lòng trọng vọng Đào Duy Từ là người đã có công đắp lũy (theo văn bia ở Đò Cầu Dài).

Chữ thầy viết thành chữ Hán Việt là Sài (nghĩa là củi) cho nên lũy Thầy đôi khi còn được gọi là lũy Sầy vì đọc trật. Những nhà truyền giáo thì gọi là « bức trường thành của miền Nam, bức lũy ngăn cách hai miền v.v... » Thiệu Trị năm 1842 gọi lũy là Định Bắc Trường Thành để kỷ niệm quân Nguyễn toàn thắng quân Trịnh. Dãy Hoành Sơn có một ngọn núi cao tên là Đầu Mâu tỏa làm hai dãy núi trùng trùng điệp điệp : một dãy chạy thẳng đến sông Nhật Lệ về địa phận tỉnh Văn La (các tài liệu cổ gọi là Cẩm La) gọi nôm na là Cồn Hầu, còn một dãy kéo dài xuống mé biển cách khoảng 15 cây số về phía Bắc tới làng Phú Hội, tên thông thường là kẻ địa. Hai dãy núi tỏa hình như một càng cua vây bọc một cánh đồng bán nguyệt, lầy lội, binh mã không qua lại được, nhất là về mùa Đông, nước đọng ứ trệ. Năm 1631, Đào Duy Từ dùng quân sĩ và dân phu đắp Trường Lũy (2).

Lũy bắt đầu từ cửa Nhật Lệ vòng xuống Nam, rồi kéo dài sang Tây cho đến sát dãy Hoành Sơn. Lũy cao 1 trượng, năm xích (độ 6m), mặt ngoài lũy chôn kè bằng gỗ lim, mặt trong đắp đất thành nấm cấp, voi ngựa đều có thể đi được. Lũy dài trên 3.000 trượng

(1) Sông Nhựt Lệ (Nhật Lệ) ở phía Nam huyện Phong Lộc 2 dặm, có hai nguồn, phía Tây theo núi An Đại Trường Môn chạy xuống thác một nguồn phía Nam theo suối Quan độ chạy khuất khúc về hướng Đông đến xã Trung quán hiệp lại rồi chảy quanh ra phía Bắc đến xã Cổ Hiền, Trần Xá, hội với sông Bình Giang, lại chuyển qua Đông Bắc chảy đến xã Vĩnh Tuy cống khe Hữu gia và cống Hàm Nhược hợp lại rồi chảy về Đông hơn 20 dặm, đến Cù Hà chảy ra cửa Nhựt Lệ. Theo Đại Nam Nhất Thống Chí tỉnh Quảng Bình và tỉnh Quảng Trị Tu Trai Nguyễn Tạo dịch, sách đã dẫn, tr. 125.

(2) Trong bài văn bia ở đò Cầu Dài, gần thành Đồng Hới, cũng như trong Đại Nam liệt truyện tiền biên, quyển thứ III, tờ 14b và trong Đại Nam thực lục tiền biên, quyển II, 20« đều gọi «Lũy Nhật lệ » là Trường Lũy. »

nghĩa là hơn 30 lí. Cứ 3 hay 5 trượng (12 hay 20 thước) (1) thì lại xây một pháo đài trang bị súng lớn, cứ 1 trượng (4m) lại đặt 1 khẩu súng Khóa Sơn. Hơn nữa, lại có nhiều u thuốc súng và đạn.

Đây tức là 1 biên phòng kiên cố ngăn cách giữa hai cõi Nam Bắc, tầm quan trọng và hiểm trở của lũy Thầy cũng đã được ghi rõ trong tục ngữ, ca dao đương thời :

Thứ nhất thì sợ lũy Thầy
Thứ nhì sợ lầy Võ Xá. (2)

Đại Nam Nhất Thống Chí đã dịch ra Hán văn như sau :

Nhất khả kỵ hề Động Hải trường lũy
Nhị khả kỵ hề Võ Xá nê điền.

Hoặc là :

Có tài vượt nổi sông Gianh
Dẫu thêm hai cánh Trường thành khó qua.

Đại Nam Nhất Thống Chí chuyển dịch ra Hán văn là :

Hữu trí dũng hề khả quá Thanh Hà
Túng hữu dực hề Trường lũy bất khả quá.

Quân địch từ Bắc xuống Nam tất phải qua hai đường: Về phía Đông theo dọc bờ bể tức là đường cái quan, về phía Tây là đường núi hiểm trở khó trèo. Còn ở giữa thì đồng bằng Đồng Hới lầy lội không thể qua được. Lũy Đồng Hới là 1 trở lực cho quân miền Bắc không thể theo đường bộ xuống Nam.

---

(1) Về đơn vị đo lường, không có sự phù hợp nhau mấy. 1 trượng bằng 10 xích và nếu không lầm thì 1 xích ở đây có lẽ tương đương với 1 thước tàu (40Cm). Một xích (tàu) theo tự điển P. Couvreur, đo từ 70 đến hơn 35 cm. Nếu chúng ta công nhận ở đây là xích tương đương với thước tàu thì 1 thước tàu khoảng 40Cm. và 1 trượng dài 4m và (3.000 trượng dài 12Km) Còn về lý, tương đương với dặm, theo tự điển Général, một dặm là 885m. 30 lí là 27 cây số. Sách địa dư làm dưới triều Minh Mạng chép là lũy này dài khoảng 500 trượng nghĩa là khoảng 20Km. Nhưng chúng tôi tưởng chỉ độ khoảng 12Km (3.000) trượng.

(2) Võ Xá là 1 xã thuộc huyện Phong Lộc, có bùn lầy rất sâu.

Bây giờ chúng ta thử theo gót quân địch để xét công dụng của Trường lũy. Giả thử rằng, quân Trịnh đã đoạt được tất cả các trạm phía Bắc lũy Đồng Hới, họ sẽ tiến xuống bằng 2 đường: Đường thủy và đường bộ. Họ thường tấn công vào cuối Đông hay đầu Xuân. Khi ấy không còn bão lớn hay mưa to mà lại có gió mùa Đông Bắc rất tiện cho việc xuôi thuyền từ Bắc vào Nam. Thỉnh thoảng họ cũng theo đường bộ (đường núi) vừa đường thủy, nhưng thường thường họ tập trung lực lượng tại cửa sông Nhật Lệ, rồi phối hợp tấn công hai mặt thủy bộ. Nhưng trên bộ họ sẽ gặp lũy Đồng Hới và lũy Trường Sa (1) (xem phụ bản).

Dưới nước, họ sẽ gặp thủy quân nhà Nguyễn được sự trợ lực của cửa sông Nhật Lệ có đóng cọc và chăng dây xích. Chiến thuyền của họ vì thế không dễ gì từ ngoài khơi đột nhập được vào. Nhưng nếu họ đánh thắng, họ sẽ theo dòng Nhật Lệ ngược lên hợp cùng với bộ binh, vượt qua lũy Đồng Hới theo đường cái quan kéo xuống phía Nam. Nơi đây họ sẽ gặp 1 đồn binh hiểm yếu ở giữa thành Quảng Bình thuộc địa phận xã Võ Xá ngày nay. Đồn binh này rộng tới vài cây số lại có nhiều quan ải phòng thủ về mặt Bắc và Nam. Năm 1648, quân Trịnh đã chiếm được Dinh Mười và lũy Đồng Hới, tuy vậy họ cũng chưa toàn thắng vì chưa chiếm được hẳn cả miền Nam, do lẽ ở phía Tây còn có lũy Trường Dục là 1 trở lực nữa cho việc thống nhất sơn hà. Xem như thế thì cơ quan phòng thủ của Đào Duy Từ ăn khớp với nhau, cho nên dù quân Trịnh có thắng được nhiều trận lẻ tẻ, cuối cùng vì gặp những đồn lũy miền Nam, công cũng thành như « Dã tràng xe cát ». Và nếu họ Nguyễn vẫn được riêng biệt 1 cõi sơn hà cũng là do phần lớn công tận tụy của Đào Duy Từ vậy.

Tuy nhiên, đến năm 1885, một đạo binh Pháp theo tiếng kèn

---

(1) Trường Sa lũy do Chiêu Vũ Hầu Nguyễn Hữu Dật (người xã Gia Miêu, huyện Tống Sơn tỉnh Thanh Hóa) - học rộng, tài cao, văn hay, võ giỏi, sai đắp năm 1635, trên bãi biển giữa cửa ĐỒNG HỚI và CỬA TÙNG (Minh Linh Hải Môn) để trở lực phòng thủ cho lũy Đồng Hới, phòng khi quân địch không đổ bộ ở hải khẩu Nhật Lệ mà theo đường thủy xuống quá phía Nam, đặt chân lên bãi biển ở phía Bắc cửa Tùng rồi đánh dồn quân Nguyễn từ Nam lên Bắc, quân Nguyễn lúc ấy trước mặt phải đương đầu với quân Trịnh, sau lưng mắc trường lũy Đồng Hới không còn lối để tháo thân tất phải ở vào tử địa.

nhịp trống rầm rộ tiến vào thành Đồng Hới như vào chốn binh địa không người. Lấy sức chọi sức thì được, chớ lấy sức chọi với văn minh cơ giới tối tân thì không còn thành vấn đề nữa.

Từ đó lũy và thành Đồng Hới, oanh liệt một thời không còn công dụng gì trong việc chiến thủ. Đá gạch cứ dần dần từ biệt cố lũy để dùng vào việc xây cất dinh thự quan trọng và ích lợi cho đương thời và theo thời gian, ruộng dâu hóa bể, trường lũy Đồng Hới nay chỉ còn là một cái tên không, dù rằng xưa đã từng đóng một vai trò quân sự lớn lao trong lịch sử hai triều Nam Bắc.

Ông Bà TRẦN-ĐĂNG-ĐẠI
tập san Sử Địa, số 11 Saigon,
nhà xuất bản Khai Trí, 1968, trang 31 đến 52

MỤC LỤC



ĐÍNH - CHÍNH

SỐ TRANG	SỐ GIÒNG	IN LÀ :	ĐỌC LÀ :
21	2	đạn bay	đạn hay
22	9	Chausewitz	Clausewitz,
24	2	campange	campagne
40	8	công mình	công-minh
31	6	về sư	về sự
51	7	Quâa	Quân
55	18	ngườ	người
60	2	bồn bể	bốn bể
91	6	nươi	nước
96	23	phả'	phải
111	9	sớm, muôn	sớm, muộn
114	20	Ai	Ai
115	26	thân-tính	thàn-tín
124	21	mà thể	mà có thể